

# QUẢN LÝ THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (INFORMATION ON OWNERSHIP BY FOREIGN INVESTORS)

Ngày hiệu lực/Effective date: 02/04/2026

| STT/<br>NO      | Mã trong<br>nước/Securi<br>ties code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitte<br>d owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-----------------|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1               | 2                                    | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                      | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| <b>I. DEPOX</b> |                                      |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1               | AAN                                  | VN000000AAN7         | 65.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 2               | AGC                                  | VN000000AGC7         | 8.300.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.067.000                                                                              | 305.600                                                                          | 3.761.400                                                                                                           |
| 3               | ANI                                  | VN000000ANI0         | 23.999.270                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 31.194                                                                           | -31.194                                                                                                             |
| 4               | ATC                                  | VN000000ATC0         | 8.002.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.980                                                                              | 2.400.600                                                                        | 1.520.380                                                                                                           |
| 5               | BAS                                  | VN000000BAS4         | 9.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.704.000                                                                              | 3.330                                                                            | 4.700.670                                                                                                           |
| 6               | BVA                                  | VN000000BVA8         | 16.800.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.232.000                                                                              | 0                                                                                | 8.232.000                                                                                                           |
| 7               | CIC                                  | VN000000CIC9         | 4.635.062                                          | 49,0000000                                                                            | 2.271.180                                                                              | 340.933                                                                          | 1.930.247                                                                                                           |
| 8               | CIE                                  | VN000000CIE5         | 1.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 490.000                                                                                | 0                                                                                | 490.000                                                                                                             |
| 9               | CLI                                  | VN000000CLI0         | 91.600.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 11.013.313                                                                       | -11.013.313                                                                                                         |
| 10              | CTM                                  | VN000000CTM5         | 4.399.996                                          | 49,0000000                                                                            | 2.155.998                                                                              | 486                                                                              | 2.155.512                                                                                                           |
| 11              | DCC                                  | VN000000DCC0         | 35.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 17.444.000                                                                             | 809.580                                                                          | 16.634.420                                                                                                          |
| 12              | DTR                                  | VN000000DTR2         | 80.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 13              | DVD                                  | VN000000DVD8         | 11.910.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.835.900                                                                              | 161.610                                                                          | 5.674.290                                                                                                           |
| 14              | EDX                                  | VN000000EDX2         | 20.612.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.099.880                                                                             | 0                                                                                | 10.099.880                                                                                                          |
| 15              | FBT                                  | VN000000FBT1         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                              | 2.220                                                                            | 7.347.780                                                                                                           |
| 16              | FPC                                  | VN000000FPC7         | 32.999.991                                         | 49,0000000                                                                            | 16.169.995                                                                             | 16.535.847                                                                       | -365.852                                                                                                            |
| 17              | GBS                                  | VN000000GBS1         | 13.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.615.000                                                                              | 6.615.000                                                                        | 0                                                                                                                   |
| 18              | GDH                                  | VN000000GDH0         | 16.600.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 19              | GEC                                  | VN000000GEC9         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 980.000                                                                                | 0                                                                                | 980.000                                                                                                             |
| 20              | GTX                                  | VN000000GTX3         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 21              | HHL                                  | VN000000HHL1         | 2.748.270                                          | 49,0000000                                                                            | 1.346.652                                                                              | 9.140                                                                            | 1.337.512                                                                                                           |
| 22              | HIS                                  | VN000000HIS4         | 6.393.253                                          | 49,0000000                                                                            | 3.132.693                                                                              | 0                                                                                | 3.132.693                                                                                                           |
| 23              | HTB                                  | VN000000HTB7         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 882.000                                                                                | 0                                                                                | 882.000                                                                                                             |
| 24              | ICL                                  | VN000000ICL0         | 9.879.506                                          | 49,0000000                                                                            | 4.840.957                                                                              | 0                                                                                | 4.840.957                                                                                                           |
| 25              | IMT                                  | VN000000IMT2         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                              | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 26              | KSG                                  | VN000000KSG2         | 17.062.450                                         | 49,0000000                                                                            | 8.360.600                                                                              | 0                                                                                | 8.360.600                                                                                                           |
| 27              | LMR                                  | VN000000LMR0         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                              | 340.000                                                                          | 4.560.000                                                                                                           |
| 28              | MAX                                  | VN000000MAX1         | 7.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.528.000                                                                              | 98.700                                                                           | 3.429.300                                                                                                           |
| 29              | MCL                                  | VN000000MCL2         | 2.220.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.087.800                                                                              | 100                                                                              | 1.087.700                                                                                                           |
| 30              | MCV                                  | VN000000MCV1         | 12.092.161                                         | 49,0000000                                                                            | 5.925.158                                                                              | 2.524.447                                                                        | 3.400.711                                                                                                           |
| 31              | MT7                                  | VN000000MT72         | 3.793.993                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 32              | NHD                                  | VN000000NHD6         | 5.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 33              | NSN                                  | VN000000NSN2         | 2.959.314                                          | 49,0000000                                                                            | 1.450.063                                                                              | 9.146                                                                            | 1.440.917                                                                                                           |
| 34              | NSP                                  | VN000000NSP7         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                              | 1.000                                                                            | 2.449.000                                                                                                           |
| 35              | NTS                                  | VN000000NTS9         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 980.000                                                                                | 0                                                                                | 980.000                                                                                                             |
| 36              | NVC                                  | VN000000NVC9         | 16.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.840.000                                                                              | 30.700                                                                           | 7.809.300                                                                                                           |
| 37              | NVN                                  | VN000000NVN6         | 10.656.800                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                      | 6.910                                                                            | -6.910                                                                                                              |
| 38              | OLC                                  | VN000000OLC8         | 1.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 490.000                                                                                | 0                                                                                | 490.000                                                                                                             |
| 39              | OTG                                  | VN000000OTG2         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.500.000                                                                             | 0                                                                                | 24.500.000                                                                                                          |
| 40              | PXH                                  | VN000000PXH9         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                             | 0                                                                                | 14.700.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO          | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|---------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                   | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 41                  | RIC1                                | VN000000RIC10        | 41.660.585                                         | 49,0000000                                                                            | 20.413.686                                                                            | 41.660.585                                                                       | -21.246.899                                                                                                         |
| 42                  | SBC                                 | VN000000SBC0         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                             | 192.482                                                                          | 3.727.518                                                                                                           |
| 43                  | SME                                 | VN000000SME3         | 22.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 11.025.000                                                                            | 112.850                                                                          | 10.912.150                                                                                                          |
| 44                  | STJ                                 | VN000000STJ7         | 4.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.058.000                                                                             | 0                                                                                | 2.058.000                                                                                                           |
| 45                  | TAS                                 | VN000000TAS6         | 13.900.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.811.000                                                                             | 2.695.990                                                                        | 4.115.010                                                                                                           |
| 46                  | TCR1                                | VN000000TCR17        | 35.059.646                                         | 49,0000000                                                                            | 17.179.226                                                                            | 35.059.552                                                                       | -17.880.326                                                                                                         |
| 47                  | THV                                 | VN000000THV5         | 57.749.995                                         | 49,0000000                                                                            | 28.297.497                                                                            | 170.015                                                                          | 28.127.482                                                                                                          |
| 48                  | TLC                                 | VN000000TLC7         | 11.080.000                                         | 50,0000000                                                                            | 5.540.000                                                                             | 44.000                                                                           | 5.496.000                                                                                                           |
| 49                  | TMD                                 | VN000000TMD3         | 4.513.859                                          | 49,0000000                                                                            | 2.211.790                                                                             | 0                                                                                | 2.211.790                                                                                                           |
| 50                  | TRI                                 | VN000000TRI1         | 27.548.360                                         | 49,0000000                                                                            | 13.498.696                                                                            | 12.713.508                                                                       | 785.188                                                                                                             |
| 51                  | TVI                                 | VN000000TVI3         | 31.158.679                                         | 49,0000000                                                                            | 15.267.752                                                                            | 0                                                                                | 15.267.752                                                                                                          |
| 52                  | ULG                                 | VN000000ULG6         | 72.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 53                  | VBT                                 | VN000000VBT8         | 3.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 54                  | VCH                                 | VN000000VCH1         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                             | 2.800                                                                            | 1.957.200                                                                                                           |
| 55                  | VCV                                 | VN000000VCV2         | 11.007.183                                         | 49,0000000                                                                            | 5.393.519                                                                             | 191.900                                                                          | 5.201.619                                                                                                           |
| 56                  | VTT                                 | VN000000VTT0         | 10.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.145.000                                                                             | 2.677.500                                                                        | 2.467.500                                                                                                           |
| <b>Tổng (DEPOX)</b> |                                     |                      | 1.053.642.373                                      |                                                                                       | 316.941.022                                                                           | 136.761.038                                                                      | 180.179.984                                                                                                         |
| <b>II. GBX</b>      |                                     |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                       |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                   | BVBS14199                           | VNBVBS141995         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 2                   | BVBS15141                           | VNBVBS151416         | 1.367.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.367.000                                                                             | 0                                                                                | 1.367.000                                                                                                           |
| 3                   | BVBS15145                           | VNBVBS151457         | 1.516.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.516.000                                                                             | 0                                                                                | 1.516.000                                                                                                           |
| 4                   | BVBS15146                           | VNBVBS151465         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 5                   | BVBS15147                           | VNBVBS151473         | 960.000                                            | 100,0000000                                                                           | 960.000                                                                               | 0                                                                                | 960.000                                                                                                             |
| 6                   | BVBS15148                           | VNBVBS151481         | 900.000                                            | 100,0000000                                                                           | 900.000                                                                               | 0                                                                                | 900.000                                                                                                             |
| 7                   | BVBS15149                           | VNBVBS151499         | 200.000                                            | 100,0000000                                                                           | 200.000                                                                               | 0                                                                                | 200.000                                                                                                             |
| 8                   | BVBS15155                           | VNBVBS151556         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 9                   | BVBS15160                           | VNBVBS151606         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 10                  | BVBS15173                           | VNBVBS151739         | 1.100.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.100.000                                                                             | 0                                                                                | 1.100.000                                                                                                           |
| 11                  | BVBS15176                           | VNBVBS151762         | 750.000                                            | 100,0000000                                                                           | 750.000                                                                               | 0                                                                                | 750.000                                                                                                             |
| 12                  | BVBS15177                           | VNBVBS151770         | 350.000                                            | 100,0000000                                                                           | 350.000                                                                               | 0                                                                                | 350.000                                                                                                             |
| 13                  | BVBS15178                           | VNBVBS151788         | 200.000                                            | 100,0000000                                                                           | 200.000                                                                               | 0                                                                                | 200.000                                                                                                             |
| 14                  | BVBS16365                           | VNBVBS163650         | 400.000                                            | 100,0000000                                                                           | 400.000                                                                               | 0                                                                                | 400.000                                                                                                             |
| 15                  | BVBS16367                           | VNBVBS163676         | 1.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 16                  | BVBS16368                           | VNBVBS163684         | 2.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 17                  | BVBS16369                           | VNBVBS163692         | 500.000                                            | 100,0000000                                                                           | 500.000                                                                               | 0                                                                                | 500.000                                                                                                             |
| 18                  | BVBS16370                           | VNBVBS163700         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 19                  | BVBS16373                           | VNBVBS163734         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 20                  | BVBS16394                           | VNBVBS163940         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 21                  | BVBS16395                           | VNBVBS163957         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 22                  | BVBS16403                           | VNBVBS164039         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 23                  | BVBS16405                           | VNBVBS164054         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 24                  | BVBS16406                           | VNBVBS164062         | 2.860.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.860.000                                                                             | 0                                                                                | 2.860.000                                                                                                           |
| 25                  | BVBS16408                           | VNBVBS164088         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 26                  | BVBS16409                           | VNBVBS164096         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 27                  | BVBS16410                           | VNBVBS164104         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 28                  | BVBS16411                           | VNBVBS164112         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 29         | BVBS17052                           | VNBVBS170523         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 500.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 30         | BVBS17053                           | VNBVBS170531         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 31         | BVBS17054                           | VNBVBS170549         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 32         | BVBS17055                           | VNBVBS170556         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 33         | BVBS17056                           | VNBVBS170564         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 34         | BVBS17057                           | VNBVBS170572         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 35         | BVBS17058                           | VNBVBS170580         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 36         | BVBS17059                           | VNBVBS170598         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 37         | BVBS17060                           | VNBVBS170606         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 38         | BVBS17061                           | VNBVBS170614         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 3.000.000                                                                                                           |
| 39         | BVBS17062                           | VNBVBS170622         | 3.900.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.900.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 2.900.000                                                                                                           |
| 40         | BVBS17063                           | VNBVBS170630         | 3.400.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.400.000                                                                             | 0                                                                                | 3.400.000                                                                                                           |
| 41         | BVBS17064                           | VNBVBS170648         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 2.000.000                                                                                                           |
| 42         | BVBS17065                           | VNBVBS170655         | 2.080.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.080.000                                                                             | 0                                                                                | 2.080.000                                                                                                           |
| 43         | BVBS17081                           | VNBVBS170812         | 2.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 44         | BVBS17082                           | VNBVBS170820         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 45         | BVBS17083                           | VNBVBS170838         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 46         | BVBS17084                           | VNBVBS170846         | 4.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.200.000                                                                             | 0                                                                                | 4.200.000                                                                                                           |
| 47         | BVBS17085                           | VNBVBS170853         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 48         | BVBS17086                           | VNBVBS170861         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 49         | BVBS17087                           | VNBVBS170879         | 2.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.800.000                                                                             | 0                                                                                | 2.800.000                                                                                                           |
| 50         | BVBS17088                           | VNBVBS170887         | 2.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.200.000                                                                             | 0                                                                                | 2.200.000                                                                                                           |
| 51         | BVBS17089                           | VNBVBS170895         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 52         | BVBS17090                           | VNBVBS170903         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 53         | BVBS17091                           | VNBVBS170911         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 54         | BVBS17092                           | VNBVBS170929         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 1.000.000                                                                                                           |
| 55         | BVBS17093                           | VNBVBS170937         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 1.000.000                                                                                                           |
| 56         | BVBS17094                           | VNBVBS170945         | 1.920.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.920.000                                                                             | 0                                                                                | 1.920.000                                                                                                           |
| 57         | BVBS17095                           | VNBVBS170952         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 1.000.000                                                                        | 1.000.000                                                                                                           |
| 58         | BVBS18196                           | VNBVBS181967         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 59         | BVBS18222                           | VNBVBS182221         | 100.000                                            | 100,000000                                                                            | 100.000                                                                               | 0                                                                                | 100.000                                                                                                             |
| 60         | BVBS18223                           | VNBVBS182239         | 190.000                                            | 100,000000                                                                            | 190.000                                                                               | 0                                                                                | 190.000                                                                                                             |
| 61         | BVBS18225                           | VNBVBS182254         | 2.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 62         | BVBS18226                           | VNBVBS182262         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 63         | BVBS18227                           | VNBVBS182270         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 64         | BVBS18228                           | VNBVBS182288         | 4.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.500.000                                                                             | 0                                                                                | 4.500.000                                                                                                           |
| 65         | BVBS18229                           | VNBVBS182296         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 66         | BVBS18230                           | VNBVBS182304         | 9.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.500.000                                                                             | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 67         | BVBS18231                           | VNBVBS182312         | 2.400.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.400.000                                                                             | 0                                                                                | 2.400.000                                                                                                           |
| 68         | BVBS19126                           | VNBVBS191263         | 1.220.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.220.000                                                                             | 0                                                                                | 1.220.000                                                                                                           |
| 69         | BVBS19127                           | VNBVBS191271         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 70         | BVBS19144                           | VNBVBS191446         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 71         | BVBS19145                           | VNBVBS191453         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 72         | BVBS19146                           | VNBVBS191461         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 73         | BVBS19147                           | VNBVBS191479         | 8.798.250                                          | 100,000000                                                                            | 8.798.250                                                                             | 0                                                                                | 8.798.250                                                                                                           |
| 74         | BVBS20120                           | VNBVBS201203         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 75         | BVBS20121                           | VNBVBS201211         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 76         | BVBS20126                           | VNBVBS201260         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 77         | BVBS20127                           | VNBVBS201278         | 14.750.000                                         | 100,0000000                                                                           | 14.750.000                                                                            | 0                                                                                | 14.750.000                                                                                                          |
| 78         | BVBS21129                           | VNBVBS211293         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 79         | BVBS21130                           | VNBVBS211301         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 80         | BVBS21131                           | VNBVBS211319         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 81         | BVBS21132                           | VNBVBS211327         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 82         | BVBS21133                           | VNBVBS211335         | 14.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 14.000.000                                                                            | 0                                                                                | 14.000.000                                                                                                          |
| 83         | BVBS21144                           | VNBVBS211442         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 84         | BVBS21148                           | VNBVBS211483         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 85         | BVBS21149                           | VNBVBS211491         | 11.240.000                                         | 100,0000000                                                                           | 11.240.000                                                                            | 0                                                                                | 11.240.000                                                                                                          |
| 86         | BVBS22146                           | VNBVBS221466         | 1.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 87         | BVBS22155                           | VNBVBS221557         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 88         | BVBS22246                           | VNBVBS222464         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 89         | BVBS22247                           | VNBVBS222472         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 90         | BVBS22248                           | VNBVBS222480         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 91         | BVBS22249                           | VNBVBS222498         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 92         | BVBS22250                           | VNBVBS222506         | 7.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 93         | BVBS22275                           | VNBVBS222753         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 94         | BVBS22276                           | VNBVBS222761         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 95         | BVBS23182                           | VNBVBS231820         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 96         | BVBS23183                           | VNBVBS231838         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 97         | BVBS23184                           | VNBVBS231846         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 98         | BVBS23185                           | VNBVBS231853         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 99         | BVBS23186                           | VNBVBS231861         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 100        | BVBS23187                           | VNBVBS231879         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 101        | BVBS23188                           | VNBVBS231887         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 102        | BVBS23189                           | VNBVBS231895         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 103        | BVBS23234                           | VNBVBS232349         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 104        | BVBS23235                           | VNBVBS232356         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 105        | BVBS23243                           | VNBVBS232430         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 106        | BVBS23244                           | VNBVBS232448         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 107        | BVBS23245                           | VNBVBS232455         | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 108        | BVBS23246                           | VNBVBS232463         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                            | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 109        | BVBS23260                           | VNBVBS232604         | 9.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.500.000                                                                             | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 110        | BVBS23261                           | VNBVBS232612         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 111        | BVBS23270                           | VNBVBS232703         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 112        | BVBS23271                           | VNBVBS232711         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 113        | BVBS23272                           | VNBVBS232729         | 16.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 16.000.000                                                                            | 0                                                                                | 16.000.000                                                                                                          |
| 114        | BVBS23273                           | VNBVBS232737         | 31.010.000                                         | 100,0000000                                                                           | 31.010.000                                                                            | 0                                                                                | 31.010.000                                                                                                          |
| 115        | BVBS25021                           | VNBVBS250218         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 116        | BVBS25022                           | VNBVBS250226         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 117        | BVBS25023                           | VNBVBS250234         | 25.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 118        | BVBS25031                           | VNBVBS250317         | 500.000                                            | 100,0000000                                                                           | 500.000                                                                               | 0                                                                                | 500.000                                                                                                             |
| 119        | BVDDB15241                          | VNBVDB152411         | 2.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 120        | BVDDB15242                          | VNBVDB152429         | 290.000                                            | 100,0000000                                                                           | 290.000                                                                               | 290.000                                                                          | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 121        | BVDB15244                           | VNBVDB152445         | 1.250.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.250.000                                                                             | 250.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 122        | BVDB15247                           | VNBVDB152478         | 500.000                                            | 100,000000                                                                            | 500.000                                                                               | 0                                                                                | 500.000                                                                                                             |
| 123        | BVDB15248                           | VNBVDB152486         | 500.000                                            | 100,000000                                                                            | 500.000                                                                               | 500.000                                                                          | 0                                                                                                                   |
| 124        | BVDB15251                           | VNBVDB152510         | 200.000                                            | 100,000000                                                                            | 200.000                                                                               | 0                                                                                | 200.000                                                                                                             |
| 125        | BVDB16205                           | VNBVDB162055         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 500.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 126        | BVDB17265                           | VNBVDB172658         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 127        | BVDB17266                           | VNBVDB172666         | 11.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.500.000                                                                            | 0                                                                                | 11.500.000                                                                                                          |
| 128        | BVDB17267                           | VNBVDB172674         | 15.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.000.000                                                                            | 500.000                                                                          | 14.500.000                                                                                                          |
| 129        | BVDB17268                           | VNBVDB172682         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 24.000.000                                                                                                          |
| 130        | BVDB17269                           | VNBVDB172690         | 11.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.000.000                                                                            | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 131        | BVDB17270                           | VNBVDB172708         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 830.000                                                                          | 19.170.000                                                                                                          |
| 132        | BVDB17271                           | VNBVDB172716         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 133        | BVDB17315                           | VNBVDB173151         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 134        | BVDB17316                           | VNBVDB173169         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 135        | BVDB17317                           | VNBVDB173177         | 10.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.500.000                                                                            | 0                                                                                | 10.500.000                                                                                                          |
| 136        | BVDB17318                           | VNBVDB173185         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 3.960.000                                                                        | 16.040.000                                                                                                          |
| 137        | BVDB17319                           | VNBVDB173193         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 280.000                                                                          | 19.720.000                                                                                                          |
| 138        | BVDB17320                           | VNBVDB173201         | 25.450.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.450.000                                                                            | 3.860.000                                                                        | 21.590.000                                                                                                          |
| 139        | BVDB18041                           | VNBVDB180412         | 12.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.000.000                                                                            | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 140        | BVDB18042                           | VNBVDB180420         | 11.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.000.000                                                                            | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 141        | BVDB18043                           | VNBVDB180438         | 15.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 142        | BVDB18061                           | VNBVDB180610         | 14.950.000                                         | 100,000000                                                                            | 14.950.000                                                                            | 0                                                                                | 14.950.000                                                                                                          |
| 143        | BVDB18063                           | VNBVDB180636         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 144        | BVDB19041                           | VNBVDB190411         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 145        | BVDB19042                           | VNBVDB190429         | 8.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.500.000                                                                             | 0                                                                                | 8.500.000                                                                                                           |
| 146        | BVDB19061                           | VNBVDB190619         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 50.000                                                                           | 9.950.000                                                                                                           |
| 147        | BVDB19062                           | VNBVDB190627         | 30.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.000.000                                                                            | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 148        | BVDB19063                           | VNBVDB190635         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 149        | BVDB19064                           | VNBVDB190643         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 150        | BVDB19081                           | VNBVDB190817         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 151        | BVDB19082                           | VNBVDB190825         | 30.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.000.000                                                                            | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 152        | BVDB19083                           | VNBVDB190833         | 11.470.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.470.000                                                                            | 0                                                                                | 11.470.000                                                                                                          |
| 153        | BVDB19084                           | VNBVDB190841         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 154        | BVDB20084                           | VNBVDB200848         | 50.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 50.000.000                                                                            | 0                                                                                | 50.000.000                                                                                                          |
| 155        | BVDB20085                           | VNBVDB200855         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 156        | BVDB20086                           | VNBVDB200863         | 12.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.500.000                                                                            | 0                                                                                | 12.500.000                                                                                                          |
| 157        | BVDB20087                           | VNBVDB200871         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 158        | BVDB20099                           | VNBVDB200996         | 50.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 50.000.000                                                                            | 0                                                                                | 50.000.000                                                                                                          |
| 159        | BVDB20100                           | VNBVDB201002         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 160        | BVDB20101                           | VNBVDB201010         | 26.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 26.000.000                                                                            | 0                                                                                | 26.000.000                                                                                                          |
| 161        | BVDB20102                           | VNBVDB201028         | 15.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.500.000                                                                            | 0                                                                                | 15.500.000                                                                                                          |
| 162        | BVDB20103                           | VNBVDB201036         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 163        | BVDB21061                           | VNBVDB210615         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 164        | BVDB21063                           | VNBVDB210631         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 165        | BVDB21076                           | VNBVDB210763         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 166        | BVDB21078                           | VNBVDB210789         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 167        | BVDB21091                           | VNBVDB210912         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 168        | BVDB21092                           | VNBVDB210920         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 169        | BVDB21093                           | VNBVDB210938         | 40.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 40.000.000                                                                            | 0                                                                                | 40.000.000                                                                                                          |
| 170        | BVDB21094                           | VNBVDB210946         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                            | 0                                                                                | 13.000.000                                                                                                          |
| 171        | HCMB14181                           | VNHCMB141816         | 12.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.000.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 10.500.000                                                                                                          |
| 172        | HCMB15312                           | VNHCMB153126         | 5.100.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.100.000                                                                             | 0                                                                                | 5.100.000                                                                                                           |
| 173        | HCMB15313                           | VNHCMB153134         | 1.400.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.400.000                                                                             | 400.000                                                                          | 1.000.000                                                                                                           |
| 174        | HCMB16506                           | VNHCMB165062         | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 30.000.000                                                                            | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 175        | HCMB17435                           | VNHCMB174353         | 7.500.000                                          | 100,0000000                                                                           | 7.500.000                                                                             | 0                                                                                | 7.500.000                                                                                                           |
| 176        | HCMB17436                           | VNHCMB174361         | 12.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 12.500.000                                                                            | 300.000                                                                          | 12.200.000                                                                                                          |
| 177        | HCMB18240                           | VNHCMB182406         | 8.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 8.000.000                                                                             | 500.000                                                                          | 7.500.000                                                                                                           |
| 178        | HCMB20133                           | VNHCMB201339         | 4.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 179        | HCMB20134                           | VNHCMB201347         | 16.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 16.000.000                                                                            | 0                                                                                | 16.000.000                                                                                                          |
| 180        | TB1328154                           | VNTB13281548         | 42.120.000                                         | 100,0000000                                                                           | 42.120.000                                                                            | 556.600                                                                          | 41.563.400                                                                                                          |
| 181        | TD1429094                           | VNTD14290942         | 120.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 120.000.000                                                                           | 6.657.628                                                                        | 113.342.372                                                                                                         |
| 182        | TD1429095                           | VNTD14290959         | 30.080.000                                         | 100,0000000                                                                           | 30.080.000                                                                            | 1.300.000                                                                        | 28.780.000                                                                                                          |
| 183        | TD1530258                           | VNTD15302589         | 90.490.000                                         | 100,0000000                                                                           | 90.490.000                                                                            | 1.110.000                                                                        | 89.380.000                                                                                                          |
| 184        | TD1530287                           | VNTD15302878         | 100.365.964                                        | 100,0000000                                                                           | 100.365.964                                                                           | 5.400.000                                                                        | 94.965.964                                                                                                          |
| 185        | TD1530288                           | VNTD15302886         | 51.308.060                                         | 100,0000000                                                                           | 51.308.060                                                                            | 3.161.872                                                                        | 48.146.188                                                                                                          |
| 186        | TD1530289                           | VNTD15302894         | 43.576.000                                         | 100,0000000                                                                           | 43.576.000                                                                            | 1.040.000                                                                        | 42.536.000                                                                                                          |
| 187        | TD1530290                           | VNTD15302902         | 33.200.600                                         | 100,0000000                                                                           | 33.200.600                                                                            | 4.020.000                                                                        | 29.180.600                                                                                                          |
| 188        | TD1626457                           | VNTD16264572         | 28.250.000                                         | 100,0000000                                                                           | 28.250.000                                                                            | 2.442.000                                                                        | 25.808.000                                                                                                          |
| 189        | TD1631461                           | VNTD16314617         | 80.459.000                                         | 100,0000000                                                                           | 80.459.000                                                                            | 4.500.000                                                                        | 75.959.000                                                                                                          |
| 190        | TD1631462                           | VNTD16314625         | 62.890.000                                         | 100,0000000                                                                           | 62.890.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 61.890.000                                                                                                          |
| 191        | TD1631463                           | VNTD16314633         | 78.050.000                                         | 100,0000000                                                                           | 78.050.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 77.050.000                                                                                                          |
| 192        | TD1631464                           | VNTD16314641         | 54.272.000                                         | 100,0000000                                                                           | 54.272.000                                                                            | 250.000                                                                          | 54.022.000                                                                                                          |
| 193        | TD1631465                           | VNTD16314658         | 41.600.000                                         | 100,0000000                                                                           | 41.600.000                                                                            | 500.000                                                                          | 41.100.000                                                                                                          |
| 194        | TD1636466                           | VNTD16364661         | 12.314.800                                         | 100,0000000                                                                           | 12.314.800                                                                            | 810.000                                                                          | 11.504.800                                                                                                          |
| 195        | TD1636502                           | VNTD16365023         | 20.830.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.830.000                                                                            | 4.370.000                                                                        | 16.460.000                                                                                                          |
| 196        | TD1646468                           | VNTD16464685         | 59.658.956                                         | 100,0000000                                                                           | 59.658.956                                                                            | 14.880.000                                                                       | 44.778.956                                                                                                          |
| 197        | TD1646469                           | VNTD16464693         | 46.370.000                                         | 100,0000000                                                                           | 46.370.000                                                                            | 450.000                                                                          | 45.920.000                                                                                                          |
| 198        | TD1646495                           | VNTD16464958         | 74.906.845                                         | 100,0000000                                                                           | 74.906.845                                                                            | 1.440.000                                                                        | 73.466.845                                                                                                          |
| 199        | TD1646503                           | VNTD16465039         | 73.751.000                                         | 100,0000000                                                                           | 73.751.000                                                                            | 1.086.741                                                                        | 72.664.259                                                                                                          |
| 200        | TD1727396                           | VNTD17273960         | 61.360.000                                         | 100,0000000                                                                           | 61.360.000                                                                            | 5.642.500                                                                        | 55.717.500                                                                                                          |
| 201        | TD1727397                           | VNTD17273978         | 53.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 53.000.000                                                                            | 1.300.000                                                                        | 51.700.000                                                                                                          |
| 202        | TD1727398                           | VNTD17273986         | 53.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 53.500.000                                                                            | 4.080.000                                                                        | 49.420.000                                                                                                          |
| 203        | TD1727399                           | VNTD17273994         | 29.300.000                                         | 100,0000000                                                                           | 29.300.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 27.300.000                                                                                                          |
| 204        | TD1732401                           | VNTD17324011         | 59.533.000                                         | 100,0000000                                                                           | 59.533.000                                                                            | 2.683.000                                                                        | 56.850.000                                                                                                          |
| 205        | TD1732402                           | VNTD17324029         | 52.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 52.000.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 51.000.000                                                                                                          |
| 206        | TD1732403                           | VNTD17324037         | 58.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.000.000                                                                            | 0                                                                                | 58.000.000                                                                                                          |
| 207        | TD1732404                           | VNTD17324045         | 23.900.000                                         | 100,0000000                                                                           | 23.900.000                                                                            | 0                                                                                | 23.900.000                                                                                                          |
| 208        | TD1732405                           | VNTD17324052         | 21.160.000                                         | 100,0000000                                                                           | 21.160.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 20.160.000                                                                                                          |
| 209        | TD1737406                           | VNTD17374065         | 58.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 58.500.000                                                                            | 3.335.000                                                                        | 55.165.000                                                                                                          |
| 210        | TD1737407                           | VNTD17374073         | 51.300.000                                         | 100,0000000                                                                           | 51.300.000                                                                            | 300.000                                                                          | 51.000.000                                                                                                          |
| 211        | TD1737408                           | VNTD17374081         | 55.180.000                                         | 100,0000000                                                                           | 55.180.000                                                                            | 500.000                                                                          | 54.680.000                                                                                                          |
| 212        | TD1737427                           | VNTD17374271         | 24.010.000                                         | 100,0000000                                                                           | 24.010.000                                                                            | 0                                                                                | 24.010.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 213        | TD1747409                           | VNTD17474097         | 54.501.593                                         | 100,000000                                                                            | 54.501.593                                                                            | 5.250.000                                                                        | 49.251.593                                                                                                          |
| 214        | TD1747410                           | VNTD17474105         | 56.670.000                                         | 100,000000                                                                            | 56.670.000                                                                            | 3.660.000                                                                        | 53.010.000                                                                                                          |
| 215        | TD1747411                           | VNTD17474113         | 56.650.000                                         | 100,000000                                                                            | 56.650.000                                                                            | 2.230.451                                                                        | 54.419.549                                                                                                          |
| 216        | TD1747430                           | VNTD17474303         | 58.792.000                                         | 100,000000                                                                            | 58.792.000                                                                            | 5.047.000                                                                        | 53.745.000                                                                                                          |
| 217        | TD1747431                           | VNTD17474311         | 30.770.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.770.000                                                                            | 2.180.000                                                                        | 28.590.000                                                                                                          |
| 218        | TD1747432                           | VNTD17474329         | 21.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 21.000.000                                                                            | 630.000                                                                          | 20.370.000                                                                                                          |
| 219        | TD1828112                           | VNTD18281129         | 81.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 81.000.000                                                                            | 9.000.000                                                                        | 72.000.000                                                                                                          |
| 220        | TD1828113                           | VNTD18281137         | 77.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 77.500.000                                                                            | 2.592.735                                                                        | 74.907.265                                                                                                          |
| 221        | TD1828114                           | VNTD18281145         | 72.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 72.000.000                                                                            | 0                                                                                | 72.000.000                                                                                                          |
| 222        | TD1828115                           | VNTD18281152         | 75.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 75.000.000                                                                            | 0                                                                                | 75.000.000                                                                                                          |
| 223        | TD1828116                           | VNTD18281160         | 84.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 84.500.000                                                                            | 0                                                                                | 84.500.000                                                                                                          |
| 224        | TD1828117                           | VNTD18281178         | 80.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 80.000.000                                                                            | 0                                                                                | 80.000.000                                                                                                          |
| 225        | TD1828118                           | VNTD18281186         | 78.950.000                                         | 100,000000                                                                            | 78.950.000                                                                            | 0                                                                                | 78.950.000                                                                                                          |
| 226        | TD1828119                           | VNTD18281194         | 79.810.000                                         | 100,000000                                                                            | 79.810.000                                                                            | 2.000.000                                                                        | 77.810.000                                                                                                          |
| 227        | TD1828120                           | VNTD18281202         | 104.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 104.000.000                                                                           | 500.000                                                                          | 103.500.000                                                                                                         |
| 228        | TD1828121                           | VNTD18281210         | 43.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 43.000.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 41.500.000                                                                                                          |
| 229        | TD1833122                           | VNTD18331221         | 83.890.000                                         | 100,000000                                                                            | 83.890.000                                                                            | 1.180.000                                                                        | 82.710.000                                                                                                          |
| 230        | TD1833123                           | VNTD18331239         | 82.200.000                                         | 100,000000                                                                            | 82.200.000                                                                            | 0                                                                                | 82.200.000                                                                                                          |
| 231        | TD1833124                           | VNTD18331247         | 86.700.000                                         | 100,000000                                                                            | 86.700.000                                                                            | 0                                                                                | 86.700.000                                                                                                          |
| 232        | TD1833126                           | VNTD18331262         | 74.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 74.000.000                                                                            | 0                                                                                | 74.000.000                                                                                                          |
| 233        | TD1833127                           | VNTD18331270         | 79.250.000                                         | 100,000000                                                                            | 79.250.000                                                                            | 0                                                                                | 79.250.000                                                                                                          |
| 234        | TD1833128                           | VNTD18331288         | 58.100.000                                         | 100,000000                                                                            | 58.100.000                                                                            | 0                                                                                | 58.100.000                                                                                                          |
| 235        | TD1833129                           | VNTD18331296         | 85.400.000                                         | 100,000000                                                                            | 85.400.000                                                                            | 0                                                                                | 85.400.000                                                                                                          |
| 236        | TD1833130                           | VNTD18331304         | 100.000                                            | 100,000000                                                                            | 100.000                                                                               | 0                                                                                | 100.000                                                                                                             |
| 237        | TD1838132                           | VNTD18381325         | 75.650.000                                         | 100,000000                                                                            | 75.650.000                                                                            | 0                                                                                | 75.650.000                                                                                                          |
| 238        | TD1848138                           | VNTD18481380         | 58.230.000                                         | 100,000000                                                                            | 58.230.000                                                                            | 2.720.000                                                                        | 55.510.000                                                                                                          |
| 239        | TD1848139                           | VNTD18481398         | 7.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.500.000                                                                             | 0                                                                                | 7.500.000                                                                                                           |
| 240        | TD1926171                           | VNTD19261716         | 14.400.000                                         | 100,000000                                                                            | 14.400.000                                                                            | 500.000                                                                          | 13.900.000                                                                                                          |
| 241        | TD1929175                           | VNTD19291754         | 126.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 126.500.000                                                                           | 4.360.000                                                                        | 122.140.000                                                                                                         |
| 242        | TD1929176                           | VNTD19291762         | 122.200.000                                        | 100,000000                                                                            | 122.200.000                                                                           | 1.000.000                                                                        | 121.200.000                                                                                                         |
| 243        | TD1929177                           | VNTD19291770         | 132.120.000                                        | 100,000000                                                                            | 132.120.000                                                                           | 0                                                                                | 132.120.000                                                                                                         |
| 244        | TD1929178                           | VNTD19291788         | 127.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 127.500.000                                                                           | 1.176.578                                                                        | 126.323.422                                                                                                         |
| 245        | TD1929179                           | VNTD19291796         | 134.769.030                                        | 100,000000                                                                            | 134.769.030                                                                           | 0                                                                                | 134.769.030                                                                                                         |
| 246        | TD1929180                           | VNTD19291804         | 129.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 129.500.000                                                                           | 2.500.000                                                                        | 127.000.000                                                                                                         |
| 247        | TD1929181                           | VNTD19291812         | 43.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 43.500.000                                                                            | 0                                                                                | 43.500.000                                                                                                          |
| 248        | TD1934187                           | VNTD19341872         | 125.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 125.000.000                                                                           | 5.000.000                                                                        | 120.000.000                                                                                                         |
| 249        | TD1934188                           | VNTD19341880         | 123.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 123.000.000                                                                           | 0                                                                                | 123.000.000                                                                                                         |
| 250        | TD1934189                           | VNTD19341898         | 128.050.000                                        | 100,000000                                                                            | 128.050.000                                                                           | 3.000.000                                                                        | 125.050.000                                                                                                         |
| 251        | TD1934190                           | VNTD19341906         | 124.330.000                                        | 100,000000                                                                            | 124.330.000                                                                           | 2.090.000                                                                        | 122.240.000                                                                                                         |
| 252        | TD1934191                           | VNTD19341914         | 144.732.368                                        | 100,000000                                                                            | 144.732.368                                                                           | 1.130.000                                                                        | 143.602.368                                                                                                         |
| 253        | TD1934192                           | VNTD19341922         | 140.950.000                                        | 100,000000                                                                            | 140.950.000                                                                           | 1.500.000                                                                        | 139.450.000                                                                                                         |
| 254        | TD1934193                           | VNTD19341930         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 255        | TD1939200                           | VNTD19392008         | 101.415.000                                        | 100,000000                                                                            | 101.415.000                                                                           | 3.250.000                                                                        | 98.165.000                                                                                                          |
| 256        | TD1939201                           | VNTD19392016         | 46.031.424                                         | 100,000000                                                                            | 46.031.424                                                                            | 330.000                                                                          | 45.701.424                                                                                                          |
| 257        | TD1949205                           | VNTD19492055         | 79.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 79.500.000                                                                            | 5.660.000                                                                        | 73.840.000                                                                                                          |
| 258        | TD1949206                           | VNTD19492063         | 36.240.000                                         | 100,000000                                                                            | 36.240.000                                                                            | 1.255.490                                                                        | 34.984.510                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 259        | TD2027008                           | VNTD20270086         | 14.800.000                                         | 100,000000                                                                            | 14.800.000                                                                            | 0                                                                                | 14.800.000                                                                                                          |
| 260        | TD2027010                           | VNTD20270102         | 2.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 261        | TD2030011                           | VNTD20300115         | 122.290.000                                        | 100,000000                                                                            | 122.290.000                                                                           | 4.506.350                                                                        | 117.783.650                                                                                                         |
| 262        | TD2030012                           | VNTD20300123         | 127.070.000                                        | 100,000000                                                                            | 127.070.000                                                                           | 1.000.000                                                                        | 126.070.000                                                                                                         |
| 263        | TD2030013                           | VNTD20300131         | 128.250.000                                        | 100,000000                                                                            | 128.250.000                                                                           | 500.000                                                                          | 127.750.000                                                                                                         |
| 264        | TD2030014                           | VNTD20300149         | 155.730.000                                        | 100,000000                                                                            | 155.730.000                                                                           | 1.500.000                                                                        | 154.230.000                                                                                                         |
| 265        | TD2030015                           | VNTD20300156         | 136.155.985                                        | 100,000000                                                                            | 136.155.985                                                                           | 0                                                                                | 136.155.985                                                                                                         |
| 266        | TD2030016                           | VNTD20300164         | 132.980.000                                        | 100,000000                                                                            | 132.980.000                                                                           | 0                                                                                | 132.980.000                                                                                                         |
| 267        | TD2030017                           | VNTD20300172         | 165.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 165.000.000                                                                           | 500.000                                                                          | 164.500.000                                                                                                         |
| 268        | TD2030018                           | VNTD20300180         | 180.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 180.000.000                                                                           | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 269        | TD2030020                           | VNTD20300206         | 134.510.000                                        | 100,000000                                                                            | 134.510.000                                                                           | 1.000.000                                                                        | 133.510.000                                                                                                         |
| 270        | TD2030135                           | VNTD20301352         | 75.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 75.000.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 74.000.000                                                                                                          |
| 271        | TD2035021                           | VNTD20350219         | 131.970.000                                        | 100,000000                                                                            | 131.970.000                                                                           | 0                                                                                | 131.970.000                                                                                                         |
| 272        | TD2035022                           | VNTD20350227         | 132.450.000                                        | 100,000000                                                                            | 132.450.000                                                                           | 1.000.000                                                                        | 131.450.000                                                                                                         |
| 273        | TD2035023                           | VNTD20350235         | 131.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 131.000.000                                                                           | 0                                                                                | 131.000.000                                                                                                         |
| 274        | TD2035024                           | VNTD20350243         | 137.070.000                                        | 100,000000                                                                            | 137.070.000                                                                           | 0                                                                                | 137.070.000                                                                                                         |
| 275        | TD2035025                           | VNTD20350250         | 145.820.000                                        | 100,000000                                                                            | 145.820.000                                                                           | 0                                                                                | 145.820.000                                                                                                         |
| 276        | TD2035026                           | VNTD20350268         | 147.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 147.000.000                                                                           | 0                                                                                | 147.000.000                                                                                                         |
| 277        | TD2035027                           | VNTD20350276         | 134.420.000                                        | 100,000000                                                                            | 134.420.000                                                                           | 0                                                                                | 134.420.000                                                                                                         |
| 278        | TD2035028                           | VNTD20350284         | 145.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 145.000.000                                                                           | 0                                                                                | 145.000.000                                                                                                         |
| 279        | TD2035029                           | VNTD20350292         | 120.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 120.000.000                                                                           | 0                                                                                | 120.000.000                                                                                                         |
| 280        | TD2040031                           | VNTD20400311         | 128.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 128.000.000                                                                           | 138.500                                                                          | 127.861.500                                                                                                         |
| 281        | TD2040032                           | VNTD20400329         | 151.150.000                                        | 100,000000                                                                            | 151.150.000                                                                           | 0                                                                                | 151.150.000                                                                                                         |
| 282        | TD2050035                           | VNTD20500359         | 138.790.000                                        | 100,000000                                                                            | 138.790.000                                                                           | 1.500.000                                                                        | 137.290.000                                                                                                         |
| 283        | TD2050036                           | VNTD20500367         | 86.375.000                                         | 100,000000                                                                            | 86.375.000                                                                            | 900.000                                                                          | 85.475.000                                                                                                          |
| 284        | TD2126002                           | VNTD21260029         | 92.690.000                                         | 100,000000                                                                            | 92.690.000                                                                            | 1.500.000                                                                        | 91.190.000                                                                                                          |
| 285        | TD2126003                           | VNTD21260037         | 52.290.000                                         | 100,000000                                                                            | 52.290.000                                                                            | 6.000.000                                                                        | 46.290.000                                                                                                          |
| 286        | TD2126162                           | VNTD21261621         | 9.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.200.000                                                                             | 500.000                                                                          | 8.700.000                                                                                                           |
| 287        | TD2128007                           | VNTD21280076         | 42.310.000                                         | 100,000000                                                                            | 42.310.000                                                                            | 0                                                                                | 42.310.000                                                                                                          |
| 288        | TD2128008                           | VNTD21280084         | 12.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.500.000                                                                            | 0                                                                                | 12.500.000                                                                                                          |
| 289        | TD2131012                           | VNTD21310121         | 149.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 149.000.000                                                                           | 1.200.000                                                                        | 147.800.000                                                                                                         |
| 290        | TD2131013                           | VNTD21310139         | 171.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 171.500.000                                                                           | 403.153                                                                          | 171.096.847                                                                                                         |
| 291        | TD2131014                           | VNTD21310147         | 174.360.000                                        | 100,000000                                                                            | 174.360.000                                                                           | 0                                                                                | 174.360.000                                                                                                         |
| 292        | TD2131015                           | VNTD21310154         | 170.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 170.000.000                                                                           | 714.296                                                                          | 169.285.704                                                                                                         |
| 293        | TD2131016                           | VNTD21310162         | 191.560.000                                        | 100,000000                                                                            | 191.560.000                                                                           | 996.670                                                                          | 190.563.330                                                                                                         |
| 294        | TD2131017                           | VNTD21310170         | 187.620.000                                        | 100,000000                                                                            | 187.620.000                                                                           | 500.000                                                                          | 187.120.000                                                                                                         |
| 295        | TD2131018                           | VNTD21310188         | 191.050.000                                        | 100,000000                                                                            | 191.050.000                                                                           | 1.203.021                                                                        | 189.846.979                                                                                                         |
| 296        | TD2131019                           | VNTD21310196         | 103.970.000                                        | 100,000000                                                                            | 103.970.000                                                                           | 2.000.000                                                                        | 101.970.000                                                                                                         |
| 297        | TD2136025                           | VNTD21360258         | 164.310.000                                        | 100,000000                                                                            | 164.310.000                                                                           | 500.000                                                                          | 163.810.000                                                                                                         |
| 298        | TD2136026                           | VNTD21360266         | 176.600.000                                        | 100,000000                                                                            | 176.600.000                                                                           | 0                                                                                | 176.600.000                                                                                                         |
| 299        | TD2136027                           | VNTD21360274         | 170.300.000                                        | 100,000000                                                                            | 170.300.000                                                                           | 0                                                                                | 170.300.000                                                                                                         |
| 300        | TD2136028                           | VNTD21360282         | 170.030.000                                        | 100,000000                                                                            | 170.030.000                                                                           | 0                                                                                | 170.030.000                                                                                                         |
| 301        | TD2136029                           | VNTD21360290         | 180.160.000                                        | 100,000000                                                                            | 180.160.000                                                                           | 0                                                                                | 180.160.000                                                                                                         |
| 302        | TD2136030                           | VNTD21360308         | 175.640.000                                        | 100,000000                                                                            | 175.640.000                                                                           | 0                                                                                | 175.640.000                                                                                                         |
| 303        | TD2141038                           | VNTD21410384         | 151.280.000                                        | 100,000000                                                                            | 151.280.000                                                                           | 4.474.000                                                                        | 146.806.000                                                                                                         |
| 304        | TD2141039                           | VNTD21410392         | 87.570.000                                         | 100,000000                                                                            | 87.570.000                                                                            | 0                                                                                | 87.570.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 305        | TD2151042                           | VNTD21510423         | 159.250.000                                        | 100,000000                                                                            | 159.250.000                                                                           | 990.000                                                                          | 158.260.000                                                                                                         |
| 306        | TD2151043                           | VNTD21510431         | 145.440.000                                        | 100,000000                                                                            | 145.440.000                                                                           | 600.000                                                                          | 144.840.000                                                                                                         |
| 307        | TD2232105                           | VNTD22321051         | 186.420.000                                        | 100,000000                                                                            | 186.420.000                                                                           | 2.000.000                                                                        | 184.420.000                                                                                                         |
| 308        | TD2232107                           | VNTD22321077         | 130.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 130.000.000                                                                           | 0                                                                                | 130.000.000                                                                                                         |
| 309        | TD2232109                           | VNTD22321093         | 207.950.000                                        | 100,000000                                                                            | 207.950.000                                                                           | 0                                                                                | 207.950.000                                                                                                         |
| 310        | TD2232110                           | VNTD22321101         | 100.350.000                                        | 100,000000                                                                            | 100.350.000                                                                           | 0                                                                                | 100.350.000                                                                                                         |
| 311        | TD2232111                           | VNTD22321119         | 207.400.000                                        | 100,000000                                                                            | 207.400.000                                                                           | 0                                                                                | 207.400.000                                                                                                         |
| 312        | TD2232112                           | VNTD22321127         | 90.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 90.000.000                                                                            | 0                                                                                | 90.000.000                                                                                                          |
| 313        | TD2232113                           | VNTD22321135         | 181.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 181.000.000                                                                           | 0                                                                                | 181.000.000                                                                                                         |
| 314        | TD2232114                           | VNTD22321143         | 180.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 180.000.000                                                                           | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 315        | TD2237020                           | VNTD22370207         | 163.050.000                                        | 100,000000                                                                            | 163.050.000                                                                           | 0                                                                                | 163.050.000                                                                                                         |
| 316        | TD2237118                           | VNTD22371189         | 149.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 149.500.000                                                                           | 0                                                                                | 149.500.000                                                                                                         |
| 317        | TD2237123                           | VNTD22371239         | 177.400.000                                        | 100,000000                                                                            | 177.400.000                                                                           | 0                                                                                | 177.400.000                                                                                                         |
| 318        | TD2237125                           | VNTD22371254         | 132.750.000                                        | 100,000000                                                                            | 132.750.000                                                                           | 0                                                                                | 132.750.000                                                                                                         |
| 319        | TD2237126                           | VNTD22371262         | 132.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 132.500.000                                                                           | 0                                                                                | 132.500.000                                                                                                         |
| 320        | TD2242128                           | VNTD22421281         | 22.650.000                                         | 100,000000                                                                            | 22.650.000                                                                            | 0                                                                                | 22.650.000                                                                                                          |
| 321        | TD2252132                           | VNTD22521320         | 86.250.000                                         | 100,000000                                                                            | 86.250.000                                                                            | 0                                                                                | 86.250.000                                                                                                          |
| 322        | TD2328098                           | VNTD23280983         | 196.300.000                                        | 100,000000                                                                            | 196.300.000                                                                           | 10.720.000                                                                       | 185.580.000                                                                                                         |
| 323        | TD2328099                           | VNTD23280991         | 43.780.000                                         | 100,000000                                                                            | 43.780.000                                                                            | 8.790.000                                                                        | 34.990.000                                                                                                          |
| 324        | TD2328100                           | VNTD23281007         | 67.350.000                                         | 100,000000                                                                            | 67.350.000                                                                            | 9.300.000                                                                        | 58.050.000                                                                                                          |
| 325        | TD2328101                           | VNTD23281015         | 11.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.500.000                                                                            | 0                                                                                | 11.500.000                                                                                                          |
| 326        | TD2330107                           | VNTD23301078         | 9.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.500.000                                                                             | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 327        | TD2333116                           | VNTD23331166         | 163.320.000                                        | 100,000000                                                                            | 163.320.000                                                                           | 0                                                                                | 163.320.000                                                                                                         |
| 328        | TD2333117                           | VNTD23331174         | 180.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 180.000.000                                                                           | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 329        | TD2333118                           | VNTD23331182         | 147.950.000                                        | 100,000000                                                                            | 147.950.000                                                                           | 0                                                                                | 147.950.000                                                                                                         |
| 330        | TD2333119                           | VNTD23331190         | 214.720.000                                        | 100,000000                                                                            | 214.720.000                                                                           | 160.000                                                                          | 214.560.000                                                                                                         |
| 331        | TD2333120                           | VNTD23331208         | 210.980.000                                        | 100,000000                                                                            | 210.980.000                                                                           | 500.000                                                                          | 210.480.000                                                                                                         |
| 332        | TD2333121                           | VNTD23331216         | 207.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 207.500.000                                                                           | 0                                                                                | 207.500.000                                                                                                         |
| 333        | TD2333122                           | VNTD23331224         | 64.900.000                                         | 100,000000                                                                            | 64.900.000                                                                            | 3.500.000                                                                        | 61.400.000                                                                                                          |
| 334        | TD2338131                           | VNTD23381310         | 165.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 165.000.000                                                                           | 1.680.000                                                                        | 163.320.000                                                                                                         |
| 335        | TD2338132                           | VNTD23381328         | 221.700.000                                        | 100,000000                                                                            | 221.700.000                                                                           | 0                                                                                | 221.700.000                                                                                                         |
| 336        | TD2338133                           | VNTD23381336         | 157.830.000                                        | 100,000000                                                                            | 157.830.000                                                                           | 1.350.000                                                                        | 156.480.000                                                                                                         |
| 337        | TD2338134                           | VNTD23381344         | 208.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 208.500.000                                                                           | 0                                                                                | 208.500.000                                                                                                         |
| 338        | TD2338135                           | VNTD23381351         | 202.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 202.500.000                                                                           | 0                                                                                | 202.500.000                                                                                                         |
| 339        | TD2338136                           | VNTD23381369         | 212.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 212.500.000                                                                           | 0                                                                                | 212.500.000                                                                                                         |
| 340        | TD2338137                           | VNTD23381377         | 153.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 153.500.000                                                                           | 0                                                                                | 153.500.000                                                                                                         |
| 341        | TD2343146                           | VNTD23431461         | 20.490.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.490.000                                                                            | 0                                                                                | 20.490.000                                                                                                          |
| 342        | TD2353151                           | VNTD23531518         | 124.940.000                                        | 100,000000                                                                            | 124.940.000                                                                           | 0                                                                                | 124.940.000                                                                                                         |
| 343        | TD2429007                           | VNTD24290072         | 167.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 167.500.000                                                                           | 10.500.000                                                                       | 157.000.000                                                                                                         |
| 344        | TD2429008                           | VNTD24290080         | 180.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 180.000.000                                                                           | 0                                                                                | 180.000.000                                                                                                         |
| 345        | TD2429010                           | VNTD24290106         | 39.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 39.000.000                                                                            | 3.000.000                                                                        | 36.000.000                                                                                                          |
| 346        | TD2429012                           | VNTD24290122         | 101.200.000                                        | 100,000000                                                                            | 101.200.000                                                                           | 750.000                                                                          | 100.450.000                                                                                                         |
| 347        | TD2431013                           | VNTD24310136         | 7.950.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.950.000                                                                             | 0                                                                                | 7.950.000                                                                                                           |
| 348        | TD2434019                           | VNTD24340190         | 193.280.000                                        | 100,000000                                                                            | 193.280.000                                                                           | 1.500.000                                                                        | 191.780.000                                                                                                         |
| 349        | TD2434020                           | VNTD24340208         | 165.950.000                                        | 100,000000                                                                            | 165.950.000                                                                           | 0                                                                                | 165.950.000                                                                                                         |
| 350        | TD2434021                           | VNTD24340216         | 189.660.000                                        | 100,000000                                                                            | 189.660.000                                                                           | 0                                                                                | 189.660.000                                                                                                         |

| STT/<br>NO        | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 351               | TD2434022                           | VNTD24340224         | 195.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 195.000.000                                                                           | 500.000                                                                          | 194.500.000                                                                                                         |
| 352               | TD2434023                           | VNTD24340232         | 270.420.000                                        | 100,000000                                                                            | 270.420.000                                                                           | 1.000.000                                                                        | 269.420.000                                                                                                         |
| 353               | TD2434024                           | VNTD24340240         | 235.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 235.000.000                                                                           | 500.000                                                                          | 234.500.000                                                                                                         |
| 354               | TD2434025                           | VNTD24340257         | 231.200.000                                        | 100,000000                                                                            | 231.200.000                                                                           | 5.793.269                                                                        | 225.406.731                                                                                                         |
| 355               | TD2434026                           | VNTD24340265         | 247.390.000                                        | 100,000000                                                                            | 247.390.000                                                                           | 0                                                                                | 247.390.000                                                                                                         |
| 356               | TD2434027                           | VNTD24340273         | 248.200.000                                        | 100,000000                                                                            | 248.200.000                                                                           | 0                                                                                | 248.200.000                                                                                                         |
| 357               | TD2439029                           | VNTD24390294         | 177.160.000                                        | 100,000000                                                                            | 177.160.000                                                                           | 0                                                                                | 177.160.000                                                                                                         |
| 358               | TD2439030                           | VNTD24390302         | 170.350.000                                        | 100,000000                                                                            | 170.350.000                                                                           | 0                                                                                | 170.350.000                                                                                                         |
| 359               | TD2439031                           | VNTD24390310         | 176.080.000                                        | 100,000000                                                                            | 176.080.000                                                                           | 0                                                                                | 176.080.000                                                                                                         |
| 360               | TD2439032                           | VNTD24390328         | 135.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 135.000.000                                                                           | 3.500.000                                                                        | 131.500.000                                                                                                         |
| 361               | TD2444038                           | VNTD24440388         | 44.700.000                                         | 100,000000                                                                            | 44.700.000                                                                            | 0                                                                                | 44.700.000                                                                                                          |
| 362               | TD2444039                           | VNTD24440396         | 15.600.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.600.000                                                                            | 0                                                                                | 15.600.000                                                                                                          |
| 363               | TD2454043                           | VNTD24540435         | 41.360.000                                         | 100,000000                                                                            | 41.360.000                                                                            | 0                                                                                | 41.360.000                                                                                                          |
| 364               | TD2454046                           | VNTD24540468         | 71.755.000                                         | 100,000000                                                                            | 71.755.000                                                                            | 0                                                                                | 71.755.000                                                                                                          |
| 365               | TD2530008                           | VNTD25300086         | 42.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 42.000.000                                                                            | 0                                                                                | 42.000.000                                                                                                          |
| 366               | TD2530009                           | VNTD25300094         | 198.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 198.000.000                                                                           | 0                                                                                | 198.000.000                                                                                                         |
| 367               | TD2530010                           | VNTD25300102         | 175.770.000                                        | 100,000000                                                                            | 175.770.000                                                                           | 11.650.000                                                                       | 164.120.000                                                                                                         |
| 368               | TD2535021                           | VNTD25350214         | 268.160.000                                        | 100,000000                                                                            | 268.160.000                                                                           | 0                                                                                | 268.160.000                                                                                                         |
| 369               | TD2535022                           | VNTD25350222         | 303.900.000                                        | 100,000000                                                                            | 303.900.000                                                                           | 0                                                                                | 303.900.000                                                                                                         |
| 370               | TD2535023                           | VNTD25350230         | 298.350.000                                        | 100,000000                                                                            | 298.350.000                                                                           | 1.900.000                                                                        | 296.450.000                                                                                                         |
| 371               | TD2535024                           | VNTD25350248         | 314.600.000                                        | 100,000000                                                                            | 314.600.000                                                                           | 2.500.000                                                                        | 312.100.000                                                                                                         |
| 372               | TD2535025                           | VNTD25350255         | 281.295.000                                        | 100,000000                                                                            | 281.295.000                                                                           | 0                                                                                | 281.295.000                                                                                                         |
| 373               | TD2535026                           | VNTD25350263         | 307.500.000                                        | 100,000000                                                                            | 307.500.000                                                                           | 0                                                                                | 307.500.000                                                                                                         |
| 374               | TD2535027                           | VNTD25350271         | 316.960.200                                        | 100,000000                                                                            | 316.960.200                                                                           | 0                                                                                | 316.960.200                                                                                                         |
| 375               | TD2535028                           | VNTD25350289         | 416.651.350                                        | 100,000000                                                                            | 416.651.350                                                                           | 1.900.000                                                                        | 414.751.350                                                                                                         |
| 376               | TD2535029                           | VNTD25350297         | 633.590.000                                        | 100,000000                                                                            | 633.590.000                                                                           | 0                                                                                | 633.590.000                                                                                                         |
| 377               | TD2540037                           | VNTD25400373         | 122.295.000                                        | 100,000000                                                                            | 122.295.000                                                                           | 0                                                                                | 122.295.000                                                                                                         |
| 378               | TD2545046                           | VNTD25450469         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 379               | TD2555052                           | VNTD25550524         | 30.926.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.926.000                                                                            | 0                                                                                | 30.926.000                                                                                                          |
| 380               | TD2631008                           | VNTD26310084         | 6.400.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.400.000                                                                             | 0                                                                                | 6.400.000                                                                                                           |
| 381               | TD2636021                           | VNTD26360212         | 411.910.000                                        | 100,000000                                                                            | 411.910.000                                                                           | 2.848.337                                                                        | 409.061.663                                                                                                         |
| 382               | TD2636022                           | VNTD26360220         | 373.200.000                                        | 100,000000                                                                            | 373.200.000                                                                           | 3.100.000                                                                        | 370.100.000                                                                                                         |
| 383               | TD2641037                           | VNTD26410371         | 9.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.500.000                                                                             | 0                                                                                | 9.500.000                                                                                                           |
| 384               | TL1535299                           | VNTL15352998         | 19.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.500.000                                                                            | 0                                                                                | 19.500.000                                                                                                          |
| 385               | TL1535300                           | VNTL15353004         | 15.600.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.600.000                                                                            | 0                                                                                | 15.600.000                                                                                                          |
| 386               | TL1535301                           | VNTL15353012         | 11.200.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.200.000                                                                            | 0                                                                                | 11.200.000                                                                                                          |
| 387               | TL1535302                           | VNTL15353020         | 16.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 16.000.000                                                                            | 0                                                                                | 16.000.000                                                                                                          |
| 388               | TL1545363                           | VNTL15453630         | 64.727.400                                         | 100,000000                                                                            | 64.727.400                                                                            | 1.264.600                                                                        | 63.462.800                                                                                                          |
| <b>Tổng (GBX)</b> |                                     |                      | 26.221.789.825                                     |                                                                                       | 26.221.789.825                                                                        | 295.609.791                                                                      | 25.926.180.034                                                                                                      |
| <b>III. HCX</b>   |                                     |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                       |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                 | BAB123032                           | VNBAB1230325         | 596.000                                            | 100,000000                                                                            | 596.000                                                                               | 0                                                                                | 596.000                                                                                                             |
| 2                 | BAB124015                           | VNBAB1240159         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 3                 | BAB124016                           | VNBAB1240167         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 9.295                                                                            | 4.990.705                                                                                                           |
| 4                 | BAB124024                           | VNBAB1240241         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 5                 | BAB124025                           | VNBAB1240258         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 6                 | BAB124026                           | VNBAB1240266         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 5.523                                                                            | 2.994.477                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 7          | BAB125022                           | VNBAB1250224         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 8          | BAB125023                           | VNBAB1250232         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 9          | BAF123020                           | VNBAF1230201         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 1.137.428                                                                        | 1.862.572                                                                                                           |
| 10         | BAF126003                           | VNBAF1260034         | 10.000                                             | 100,000000                                                                            | 10.000                                                                                | 3.642                                                                            | 6.358                                                                                                               |
| 11         | BCG122006                           | VNBCG1220065         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 9.632                                                                            | 4.990.368                                                                                                           |
| 12         | BID122005                           | VNBID1220051         | 1.570.272                                          | 100,000000                                                                            | 1.570.272                                                                             | 10.000                                                                           | 1.560.272                                                                                                           |
| 13         | BID123004                           | VNBID1230043         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 14         | BID126007                           | VNBID1260073         | 19.851.508                                         | 100,000000                                                                            | 19.851.508                                                                            | 100.900                                                                          | 19.750.608                                                                                                          |
| 15         | BID126008                           | VNBID1260081         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 16         | BID126009                           | VNBID1260099         | 3.160.253                                          | 100,000000                                                                            | 3.160.253                                                                             | 100.000                                                                          | 3.060.253                                                                                                           |
| 17         | BVB124020                           | VNBVB1240205         | 14.685.500                                         | 100,000000                                                                            | 14.685.500                                                                            | 0                                                                                | 14.685.500                                                                                                          |
| 18         | BVB125003                           | VNBVB1250030         | 12.543.800                                         | 100,000000                                                                            | 12.543.800                                                                            | 1.113                                                                            | 12.542.687                                                                                                          |
| 19         | CH124021                            | VNCH1240213          | 3.000                                              | 100,000000                                                                            | 3.000                                                                                 | 0                                                                                | 3.000                                                                                                               |
| 20         | CH424002                            | VNCH4240020          | 654.785                                            | 100,000000                                                                            | 654.785                                                                               | 25.899                                                                           | 628.886                                                                                                             |
| 21         | CH425021                            | VNCH4250219          | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 2.472.489                                                                        | 17.527.511                                                                                                          |
| 22         | CMX123035                           | VNCMX1230355         | 2.104.200                                          | 100,000000                                                                            | 2.104.200                                                                             | 2.005.069                                                                        | 99.131                                                                                                              |
| 23         | CTD126006                           | VNCTD1260060         | 14.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 14.000.000                                                                            | 2.288.555                                                                        | 11.711.445                                                                                                          |
| 24         | CTG121031                           | VNCTG1210316         | 34.922.000                                         | 100,000000                                                                            | 34.922.000                                                                            | 1.639.500                                                                        | 33.282.500                                                                                                          |
| 25         | CTG123018                           | VNCTG1230181         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 125.000                                                                          | 19.875.000                                                                                                          |
| 26         | CTG123019                           | VNCTG1230199         | 30.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.000.000                                                                            | 1.010.100                                                                        | 28.989.900                                                                                                          |
| 27         | CTG123033                           | VNCTG1230330         | 15.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.000.000                                                                            | 7.000                                                                            | 14.993.000                                                                                                          |
| 28         | CTG123034                           | VNCTG1230348         | 15.923.700                                         | 100,000000                                                                            | 15.923.700                                                                            | 0                                                                                | 15.923.700                                                                                                          |
| 29         | CTG125001                           | VNCTG1250015         | 30.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.000.000                                                                            | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 30         | CTG125002                           | VNCTG1250023         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 31         | CTG125013                           | VNCTG1250130         | 30.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 30.000.000                                                                            | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 32         | CTG125014                           | VNCTG1250148         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 33         | CTG126005                           | VNCTG1260055         | 22.214.950                                         | 100,000000                                                                            | 22.214.950                                                                            | 1.000                                                                            | 22.213.950                                                                                                          |
| 34         | CVT122009                           | VNCVT1220090         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 35         | DSE125004                           | VNDSE1250044         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 558                                                                              | 2.999.442                                                                                                           |
| 36         | DSE125018                           | VNDSE1250184         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 145.016                                                                          | 9.854.984                                                                                                           |
| 37         | F88126002                           | VNF881260025         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 38         | HDB124018                           | VNHDB1240184         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 905                                                                              | 9.999.095                                                                                                           |
| 39         | HDB124023                           | VNHDB1240234         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 40         | HDB125011                           | VNHDB1250118         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 41         | HDB125012                           | VNHDB1250126         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 1.000.000                                                                        | 24.000.000                                                                                                          |
| 42         | HDB125024                           | VNHDB1250241         | 324.000                                            | 100,000000                                                                            | 324.000                                                                               | 0                                                                                | 324.000                                                                                                             |
| 43         | HDB125025                           | VNHDB1250258         | 24.992.000                                         | 100,000000                                                                            | 24.992.000                                                                            | 0                                                                                | 24.992.000                                                                                                          |
| 44         | HDC425001                           | VNHDC4250014         | 4.999.999                                          | 100,000000                                                                            | 4.999.999                                                                             | 153.511                                                                          | 4.846.488                                                                                                           |
| 45         | KLB124009                           | VNKLB1240090         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 11.345                                                                           | 7.988.655                                                                                                           |
| 46         | KLB125015                           | VNKLB1250156         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 47         | KLB125016                           | VNKLB1250164         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 9.641                                                                            | 8.990.359                                                                                                           |
| 48         | KLB125031                           | VNKLB1250313         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 514                                                                              | 9.999.486                                                                                                           |
| 49         | LPB121036                           | VNLPB1210365         | 1.731.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.731.000                                                                             | 831.280                                                                          | 899.720                                                                                                             |
| 50         | LPB122011                           | VNLPB1220117         | 931.696                                            | 100,000000                                                                            | 931.696                                                                               | 0                                                                                | 931.696                                                                                                             |
| 51         | LPB122013                           | VNLPB1220133         | 1.012.300                                          | 100,000000                                                                            | 1.012.300                                                                             | 0                                                                                | 1.012.300                                                                                                           |
| 52         | LPB123009                           | VNLPB1230090         | 87.030                                             | 100,000000                                                                            | 87.030                                                                                | 0                                                                                | 87.030                                                                                                              |

| STT/<br>NO        | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 53                | LPB123016                           | VNLPB1230165         | 2.370.420                                          | 100,000000                                                                            | 2.370.420                                                                             | 1.200.000                                                                        | 1.170.420                                                                                                           |
| 54                | LPB125006                           | VNLPB1250064         | 29.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 29.000.000                                                                            | 209.815                                                                          | 28.790.185                                                                                                          |
| 55                | LPB125007                           | VNLPB1250072         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 56                | LPB125027                           | VNLPB1250270         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 1.200.000                                                                        | 7.800.000                                                                                                           |
| 57                | LPB125028                           | VNLPB1250288         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 58                | MML121021                           | VNMML1210211         | 19.999.800                                         | 100,000000                                                                            | 19.999.800                                                                            | 2.307                                                                            | 19.997.493                                                                                                          |
| 59                | MNB425035                           | VNMNB4250353         | 1.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.800.000                                                                             | 1.180                                                                            | 1.798.820                                                                                                           |
| 60                | MSN123008                           | VNMSN1230089         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 61                | MSN123009                           | VNMSN1230097         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 500.000                                                                          | 7.500.000                                                                                                           |
| 62                | MSN123010                           | VNMSN1230105         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 63                | MSN123014                           | VNMSN1230147         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 0                                                                                | 20.000.000                                                                                                          |
| 64                | NAB125004                           | VNNAB1250047         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 300.000                                                                          | 9.700.000                                                                                                           |
| 65                | NPM123021                           | VNNPM1230218         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 66                | NPM123022                           | VNNPM1230226         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 67                | NPM123023                           | VNNPM1230234         | 5.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.500.000                                                                             | 0                                                                                | 5.500.000                                                                                                           |
| 68                | NPM123024                           | VNNPM1230242         | 4.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.500.000                                                                             | 30.000                                                                           | 4.470.000                                                                                                           |
| 69                | NVL122001                           | VNNVL1220011         | 13.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 13.000.000                                                                            | 100                                                                              | 12.999.900                                                                                                          |
| 70                | SBT425026                           | VNSBT4250266         | 4.992.969                                          | 100,000000                                                                            | 4.992.969                                                                             | 280.949                                                                          | 4.712.020                                                                                                           |
| 71                | SHB125010                           | VNSHB1250108         | 23.506.190                                         | 100,000000                                                                            | 23.506.190                                                                            | 752.766                                                                          | 22.753.424                                                                                                          |
| 72                | SHB125017                           | VNSHB1250173         | 26.493.810                                         | 100,000000                                                                            | 26.493.810                                                                            | 1.220.359                                                                        | 25.273.451                                                                                                          |
| 73                | TDP124010                           | VNTDP1240106         | 2.276.200                                          | 100,000000                                                                            | 2.276.200                                                                             | 1.821.587                                                                        | 454.613                                                                                                             |
| 74                | TNG122017                           | VNTNG1220171         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 860.296                                                                          | 2.139.704                                                                                                           |
| 75                | TNG124027                           | VNTNG1240278         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 363.806                                                                          | 3.636.194                                                                                                           |
| 76                | VAB125020                           | VNVAB1250206         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 3.746                                                                            | 2.996.254                                                                                                           |
| 77                | VAB125029                           | VNVAB1250297         | 2.994.070                                          | 100,000000                                                                            | 2.994.070                                                                             | 0                                                                                | 2.994.070                                                                                                           |
| 78                | VAB125034                           | VNVAB1250347         | 922.235                                            | 100,000000                                                                            | 922.235                                                                               | 0                                                                                | 922.235                                                                                                             |
| 79                | VBA121033                           | VNVBA1210333         | 1.769.146                                          | 100,000000                                                                            | 1.769.146                                                                             | 58.141                                                                           | 1.711.005                                                                                                           |
| 80                | VBA123036                           | VNVBA1230364         | 100.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 100.000.000                                                                           | 1.514.557                                                                        | 98.485.443                                                                                                          |
| 81                | VBA124019                           | VNVBA1240199         | 100.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 100.000.000                                                                           | 6.086.997                                                                        | 93.913.003                                                                                                          |
| 82                | VBA125019                           | VNVBA1250198         | 100.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 100.000.000                                                                           | 552.000                                                                          | 99.448.000                                                                                                          |
| 83                | VBB123017                           | VNVBB1230172         | 137.800                                            | 100,000000                                                                            | 137.800                                                                               | 0                                                                                | 137.800                                                                                                             |
| 84                | VBB124007                           | VNVBB1240072         | 100.000                                            | 100,000000                                                                            | 100.000                                                                               | 0                                                                                | 100.000                                                                                                             |
| 85                | VCK125005                           | VNVCK1250054         | 50.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 50.000.000                                                                            | 425.416                                                                          | 49.574.584                                                                                                          |
| 86                | VHM121025                           | VNVHM1210251         | 20.900.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.900.000                                                                            | 134.866                                                                          | 20.765.134                                                                                                          |
| 87                | VIC123029                           | VNVIC1230290         | 7.364.300                                          | 100,000000                                                                            | 7.364.300                                                                             | 463.725                                                                          | 6.900.575                                                                                                           |
| 88                | VIC124003                           | VNVIC1240034         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 38.000                                                                           | 19.962.000                                                                                                          |
| 89                | VIC124005                           | VNVIC1240059         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 60.859                                                                           | 19.939.141                                                                                                          |
| 90                | VND125032                           | VNVND1250320         | 9.993.900                                          | 100,000000                                                                            | 9.993.900                                                                             | 477.000                                                                          | 9.516.900                                                                                                           |
| 91                | VND125033                           | VNVND1250338         | 9.990.150                                          | 100,000000                                                                            | 9.990.150                                                                             | 850.000                                                                          | 9.140.150                                                                                                           |
| 92                | VPI124001                           | VNVPI1240010         | 6.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.500.000                                                                             | 145.609                                                                          | 6.354.391                                                                                                           |
| <b>Tổng (HCX)</b> |                                     |                      | <b>1.208.428.983</b>                               |                                                                                       | <b>1.208.428.983</b>                                                                  | <b>32.658.996</b>                                                                | <b>1.175.769.987</b>                                                                                                |
| <b>IV. STO</b>    |                                     |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                       |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                 | AAA                                 | VN000000AAA4         | 393.742.730                                        | 100,000000                                                                            | 393.742.730                                                                           | 6.502.184                                                                        | 387.240.546                                                                                                         |
| 2                 | AAM                                 | VN000000AAM9         | 12.346.411                                         | 49,000000                                                                             | 6.049.741                                                                             | 106.286                                                                          | 5.943.455                                                                                                           |
| 3                 | AAT                                 | VN000000AAT4         | 70.819.103                                         | 50,000000                                                                             | 35.409.551                                                                            | 442.877                                                                          | 34.966.674                                                                                                          |
| 4                 | ABR                                 | VN000000ABR6         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 9.683.892                                                                        | 116.108                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 5          | ABS                                 | VN000000ABS4         | 80.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.352                                                                            | -1.352                                                                                                              |
| 6          | ABT                                 | VN000000ABT2         | 14.387.207                                         | 50,0000000                                                                            | 7.193.603                                                                             | 280.078                                                                          | 6.913.525                                                                                                           |
| 7          | ACB                                 | VN000000ACB8         | 5.136.656.599                                      | 30,0000000                                                                            | 1.540.996.979                                                                         | 1.411.688.412                                                                    | 129.308.567                                                                                                         |
| 8          | ACC                                 | VN000000ACC6         | 104.999.993                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 7.846.996                                                                        | -7.846.996                                                                                                          |
| 9          | ACG                                 | VN000000ACG7         | 150.787.946                                        | 50,0000000                                                                            | 75.393.973                                                                            | 58.008.538                                                                       | 17.385.435                                                                                                          |
| 10         | ACL                                 | VN000000ACL7         | 50.159.019                                         | 39,5400000                                                                            | 19.832.876                                                                            | 1.070.145                                                                        | 18.762.731                                                                                                          |
| 11         | ADG                                 | VN000000ADG5         | 21.380.521                                         | 65,0000000                                                                            | 13.897.338                                                                            | 6.568.445                                                                        | 7.328.893                                                                                                           |
| 12         | ADP                                 | VN000000ADP6         | 23.039.850                                         | 100,0000000                                                                           | 23.039.850                                                                            | 255.040                                                                          | 22.784.810                                                                                                          |
| 13         | ADS                                 | VN000000ADS0         | 76.394.727                                         | 50,0000000                                                                            | 38.197.363                                                                            | 158.358                                                                          | 38.039.005                                                                                                          |
| 14         | AFX                                 | VN000000AFX5         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 15         | AGG                                 | VN000000AGG8         | 162.528.081                                        | 50,0000000                                                                            | 81.264.040                                                                            | 1.367.372                                                                        | 79.896.668                                                                                                          |
| 16         | AGR                                 | VN000000AGR5         | 228.311.823                                        | 100,0000000                                                                           | 228.311.823                                                                           | 744.237                                                                          | 227.567.586                                                                                                         |
| 17         | ANT                                 | VN000000ANT7         | 24.003.708                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 30.992                                                                           | -30.992                                                                                                             |
| 18         | ANV                                 | VN000000ANV3         | 266.667.500                                        | 49,0000000                                                                            | 130.667.075                                                                           | 9.534.289                                                                        | 121.132.786                                                                                                         |
| 19         | APG                                 | VN000000APG9         | 223.621.942                                        | 100,0000000                                                                           | 223.621.942                                                                           | 63.475.608                                                                       | 160.146.334                                                                                                         |
| 20         | APH                                 | VN000000APH7         | 243.884.268                                        | 100,0000000                                                                           | 243.884.268                                                                           | 68.053.390                                                                       | 175.830.878                                                                                                         |
| 21         | ASG                                 | VN000000ASG3         | 90.784.669                                         | 30,0000000                                                                            | 27.235.400                                                                            | 699.872                                                                          | 26.535.528                                                                                                          |
| 22         | ASM                                 | VN000000ASM1         | 407.194.183                                        | 49,0000000                                                                            | 199.525.149                                                                           | 51.150.715                                                                       | 148.374.434                                                                                                         |
| 23         | ASP                                 | VN000000ASP4         | 37.339.929                                         | 49,0000000                                                                            | 18.296.565                                                                            | 18.285.364                                                                       | 11.201                                                                                                              |
| 24         | AST                                 | VN000000AST6         | 45.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 22.050.000                                                                            | 20.633.332                                                                       | 1.416.668                                                                                                           |
| 25         | ATP                                 | VN000000ATP2         | 15.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 26         | BAF                                 | VN000000BAF1         | 304.021.642                                        | 50,0000000                                                                            | 152.010.821                                                                           | 10.081.063                                                                       | 141.929.758                                                                                                         |
| 27         | BCE                                 | VN000000BCE0         | 35.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 17.500.000                                                                            | 1.040.480                                                                        | 16.459.520                                                                                                          |
| 28         | BCG                                 | VN000000BCG5         | 880.210.644                                        | 50,0000000                                                                            | 440.105.322                                                                           | 9.999.522                                                                        | 430.105.800                                                                                                         |
| 29         | BCM                                 | VN000000BCM3         | 1.035.000.000                                      | 34,0000000                                                                            | 351.900.000                                                                           | 10.061.225                                                                       | 341.838.775                                                                                                         |
| 30         | BFC                                 | VN000000BFC7         | 57.167.993                                         | 50,0000000                                                                            | 28.583.996                                                                            | 110.722                                                                          | 28.473.274                                                                                                          |
| 31         | BHN                                 | VN000000BHN0         | 231.800.000                                        | 49,0000000                                                                            | 113.582.000                                                                           | 40.717.219                                                                       | 72.864.781                                                                                                          |
| 32         | BIC                                 | VN000000BIC1         | 202.067.057                                        | 50,0000000                                                                            | 101.033.528                                                                           | 85.188.477                                                                       | 15.845.051                                                                                                          |
| 33         | BID                                 | VN000000BID9         | 7.021.361.917                                      | 30,0000000                                                                            | 2.106.408.575                                                                         | 1.183.672.682                                                                    | 922.735.893                                                                                                         |
| 34         | BKG                                 | VN000000BKG8         | 71.609.020                                         | 50,0000000                                                                            | 35.804.510                                                                            | 133.340                                                                          | 35.671.170                                                                                                          |
| 35         | BMC                                 | VN000000BMC3         | 12.392.630                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 589.030                                                                          | -589.030                                                                                                            |
| 36         | BMI                                 | VN000000BMI0         | 150.547.626                                        | 49,0000000                                                                            | 73.768.336                                                                            | 40.000.185                                                                       | 33.768.151                                                                                                          |
| 37         | BMP                                 | VN000000BMP5         | 81.860.938                                         | 100,0000000                                                                           | 81.860.938                                                                            | 66.595.841                                                                       | 15.265.097                                                                                                          |
| 38         | BRC                                 | VN000000BRC2         | 12.374.997                                         | 50,0000000                                                                            | 6.187.498                                                                             | 202.310                                                                          | 5.985.188                                                                                                           |
| 39         | BSI                                 | VN000000BSI7         | 245.365.943                                        | 100,0000000                                                                           | 245.365.943                                                                           | 87.062.048                                                                       | 158.303.895                                                                                                         |
| 40         | BSR                                 | VN000000BSR8         | 5.007.299.686                                      | 49,0000000                                                                            | 2.453.576.846                                                                         | 94.332.065                                                                       | 2.359.244.781                                                                                                       |
| 41         | BTP                                 | VN000000BTP0         | 60.485.600                                         | 49,0000000                                                                            | 29.637.944                                                                            | 1.219.848                                                                        | 28.418.096                                                                                                          |
| 42         | BTT                                 | VN000000BTT2         | 13.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 654.143                                                                          | -654.143                                                                                                            |
| 43         | BVH                                 | VN000000BVH3         | 742.322.764                                        | 49,0000000                                                                            | 363.738.154                                                                           | 202.958.660                                                                      | 160.779.494                                                                                                         |
| 44         | BWE                                 | VN000000BWE8         | 219.928.644                                        | 49,0000000                                                                            | 107.765.035                                                                           | 8.315.556                                                                        | 99.449.479                                                                                                          |
| 45         | C32                                 | VN000000C325         | 30.059.290                                         | 50,0000000                                                                            | 15.029.645                                                                            | 190.804                                                                          | 14.838.841                                                                                                          |
| 46         | C47                                 | VN000000C473         | 36.342.269                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 15.808                                                                           | -15.808                                                                                                             |
| 47         | CACB2510                            | VN0CACB25108         | 9.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 48         | CACB2511                            | VN0CACB25116         | 13.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 13.000.000                                                                            | 120.000                                                                          | 12.880.000                                                                                                          |
| 49         | CACB2514                            | VN0CACB25140         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 50         | CACB2515                            | VN0CACB25157         | 10.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 51         | CACB2516                            | VN0CACB25165         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 52         | CACB2517                            | VN0CACB25173         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 53         | CACB2518                            | VN0CACB25181         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 54         | CACB2601                            | VN0CACB26015         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 55         | CACB2602                            | VN0CACB26023         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 56         | CACB2603                            | VN0CACB26031         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 57         | CACB2604                            | VN0CACB26049         | 2.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.800.000                                                                             | 0                                                                                | 2.800.000                                                                                                           |
| 58         | CACB2605                            | VN0CACB26056         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 59         | CACB2606                            | VN0CACB26064         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 60         | CCC                                 | VN000000CCC2         | 41.054.987                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 61         | CCI                                 | VN000000CCI9         | 17.743.865                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 417.550                                                                          | -417.550                                                                                                            |
| 62         | CCL                                 | VN000000CCL3         | 59.581.418                                         | 50,000000                                                                             | 29.790.709                                                                            | 997.935                                                                          | 28.792.774                                                                                                          |
| 63         | CDC                                 | VN000000CDC0         | 52.772.661                                         | 49,000000                                                                             | 25.858.603                                                                            | 110.608                                                                          | 25.747.995                                                                                                          |
| 64         | CDGC2501                            | VN0CDGC25010         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 13.400                                                                           | 4.986.600                                                                                                           |
| 65         | CDGC2601                            | VN0CDGC26018         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 66         | CFPT2512                            | VN0CFPT25127         | 15.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.000.000                                                                            | 35.600                                                                           | 14.964.400                                                                                                          |
| 67         | CFPT2513                            | VN0CFPT25135         | 26.700.000                                         | 100,000000                                                                            | 26.700.000                                                                            | 553.100                                                                          | 26.146.900                                                                                                          |
| 68         | CFPT2517                            | VN0CFPT25176         | 17.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 17.000.000                                                                            | 388.800                                                                          | 16.611.200                                                                                                          |
| 69         | CFPT2518                            | VN0CFPT25184         | 15.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.000.000                                                                            | 1.020.000                                                                        | 13.980.000                                                                                                          |
| 70         | CFPT2520                            | VN0CFPT25200         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 3.100                                                                            | 3.996.900                                                                                                           |
| 71         | CFPT2521                            | VN0CFPT25218         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 200                                                                              | 3.999.800                                                                                                           |
| 72         | CFPT2524                            | VN0CFPT25242         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 100                                                                              | 999.900                                                                                                             |
| 73         | CFPT2526                            | VN0CFPT25267         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 74         | CFPT2528                            | VN0CFPT25283         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 25.000                                                                           | 9.975.000                                                                                                           |
| 75         | CFPT2529                            | VN0CFPT25291         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 76         | CFPT2531                            | VN0CFPT25317         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 77         | CFPT2532                            | VN0CFPT25325         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 78         | CFPT2533                            | VN0CFPT25333         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 79         | CFPT2534                            | VN0CFPT25341         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 500                                                                              | 4.999.500                                                                                                           |
| 80         | CFPT2601                            | VN0CFPT26018         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 81         | CFPT2602                            | VN0CFPT26026         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 82         | CFPT2603                            | VN0CFPT26034         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 83         | CFPT2604                            | VN0CFPT26042         | 3.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.200.000                                                                             | 70.000                                                                           | 3.130.000                                                                                                           |
| 84         | CFPT2605                            | VN0CFPT26059         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 85         | CFPT2606                            | VN0CFPT26067         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 86         | CFPT2607                            | VN0CFPT26075         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 87         | CFPT2608                            | VN0CFPT26083         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 1.018.500                                                                        | 5.981.500                                                                                                           |
| 88         | CFPT2609                            | VN0CFPT26091         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 230.000                                                                          | 6.770.000                                                                                                           |
| 89         | CHDB2508                            | VN0CHDB25085         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 90         | CHDB2509                            | VN0CHDB25093         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 91         | CHDB2510                            | VN0CHDB25101         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 92         | CHDB2601                            | VN0CHDB26018         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 93         | CHDB2602                            | VN0CHDB26026         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 94         | CHP                                 | VN000000CHP3         | 157.658.076                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 55.573                                                                           | -55.573                                                                                                             |
| 95         | CHPG2517                            | VN0CHPG25179         | 12.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.000.000                                                                            | 0                                                                                | 12.000.000                                                                                                          |
| 96         | CHPG2518                            | VN0CHPG25187         | 31.900.000                                         | 100,000000                                                                            | 31.900.000                                                                            | 1.428.000                                                                        | 30.472.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 97         | CHPG2523                            | VN0CHPG25237         | 7.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.500.000                                                                             | 0                                                                                | 7.500.000                                                                                                           |
| 98         | CHPG2524                            | VN0CHPG25245         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 99         | CHPG2525                            | VN0CHPG25252         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 7.500                                                                            | 6.992.500                                                                                                           |
| 100        | CHPG2527                            | VN0CHPG25278         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 101        | CHPG2529                            | VN0CHPG25294         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 102        | CHPG2530                            | VN0CHPG25302         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 103        | CHPG2531                            | VN0CHPG25310         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 104        | CHPG2532                            | VN0CHPG25328         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 105        | CHPG2534                            | VN0CHPG25344         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 100                                                                              | 5.999.900                                                                                                           |
| 106        | CHPG2536                            | VN0CHPG25369         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 11.700                                                                           | 9.988.300                                                                                                           |
| 107        | CHPG2538                            | VN0CHPG25385         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 108        | CHPG2539                            | VN0CHPG25393         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 109        | CHPG2540                            | VN0CHPG25401         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 110        | CHPG2541                            | VN0CHPG25419         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 111        | CHPG2542                            | VN0CHPG25427         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 112        | CHPG2601                            | VN0CHPG26011         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 113        | CHPG2602                            | VN0CHPG26029         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 114        | CHPG2603                            | VN0CHPG26037         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 115        | CHPG2604                            | VN0CHPG26045         | 19.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.000.000                                                                            | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 116        | CHPG2605                            | VN0CHPG26052         | 3.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.200.000                                                                             | 17.600                                                                           | 3.182.400                                                                                                           |
| 117        | CHPG2606                            | VN0CHPG26060         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 22.000                                                                           | 8.978.000                                                                                                           |
| 118        | CHPG2607                            | VN0CHPG26078         | 21.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 21.000.000                                                                            | 0                                                                                | 21.000.000                                                                                                          |
| 119        | CHPG2608                            | VN0CHPG26086         | 25.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 0                                                                                | 25.000.000                                                                                                          |
| 120        | CHPG2609                            | VN0CHPG26094         | 12.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.000.000                                                                            | 20.000                                                                           | 11.980.000                                                                                                          |
| 121        | CHPG2610                            | VN0CHPG26102         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 122        | CHPG2611                            | VN0CHPG26110         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 123        | CHPG2612                            | VN0CHPG26128         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 74.800                                                                           | 1.925.200                                                                                                           |
| 124        | CIG                                 | VN000000CIG0         | 51.039.947                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 5.713                                                                            | -5.713                                                                                                              |
| 125        | CII                                 | VN000000CII6         | 671.985.291                                        | 40,000000                                                                             | 268.794.116                                                                           | 32.701.385                                                                       | 236.092.731                                                                                                         |
| 126        | CKG                                 | VN000000CKG6         | 161.807.526                                        | 49,000000                                                                             | 79.285.687                                                                            | 18.115                                                                           | 79.267.572                                                                                                          |
| 127        | CLC                                 | VN000000CLC3         | 26.207.583                                         | 49,000000                                                                             | 12.841.715                                                                            | 491.936                                                                          | 12.349.779                                                                                                          |
| 128        | CLL                                 | VN000000CLL4         | 34.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 16.660.000                                                                            | 1.493.199                                                                        | 15.166.801                                                                                                          |
| 129        | CLPB2503                            | VN0CLPB25032         | 3.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.500.000                                                                             | 0                                                                                | 3.500.000                                                                                                           |
| 130        | CLPB2508                            | VN0CLPB25081         | 1.096.600                                          | 100,000000                                                                            | 1.096.600                                                                             | 23.500                                                                           | 1.073.100                                                                                                           |
| 131        | CLPB2509                            | VN0CLPB25099         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 132        | CLPB2510                            | VN0CLPB25107         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 133        | CLPB2601                            | VN0CLPB26014         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 134        | CLPB2602                            | VN0CLPB26022         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 135        | CLW                                 | VN000000CLW1         | 13.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.370.000                                                                             | 534.790                                                                          | 5.835.210                                                                                                           |
| 136        | CMBB2505                            | VN0CMBB25055         | 2.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 137        | CMBB2510                            | VN0CMBB25105         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 138        | CMBB2511                            | VN0CMBB25113         | 35.200.000                                         | 100,000000                                                                            | 35.200.000                                                                            | 0                                                                                | 35.200.000                                                                                                          |
| 139        | CMBB2516                            | VN0CMBB25162         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 140        | CMBB2517                            | VN0CMBB25170         | 2.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 141        | CMBB2520                            | VN0CMBB25204         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 142        | CMBB2521                            | VN0CMBB25212         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 143        | CMBB2522                            | VN0CMBB25220         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 144        | CMBB2523                            | VN0CMBB25238         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 145        | CMBB2524                            | VN0CMBB25246         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 146        | CMBB2601                            | VN0CMBB26012         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 147        | CMBB2602                            | VN0CMBB26020         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 148        | CMBB2603                            | VN0CMBB26038         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 149        | CMBB2604                            | VN0CMBB26046         | 19.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.000.000                                                                            | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 150        | CMBB2605                            | VN0CMBB26053         | 3.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.200.000                                                                             | 66.000                                                                           | 3.134.000                                                                                                           |
| 151        | CMBB2606                            | VN0CMBB26061         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 152        | CMBB2607                            | VN0CMBB26079         | 15.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 15.000.000                                                                            | 0                                                                                | 15.000.000                                                                                                          |
| 153        | CMBB2608                            | VN0CMBB26087         | 19.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.000.000                                                                            | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 154        | CMBB2609                            | VN0CMBB26095         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 155        | CMG                                 | VN000000CMG2         | 232.954.608                                        | 50,000000                                                                             | 116.477.304                                                                           | 87.802.681                                                                       | 28.674.623                                                                                                          |
| 156        | CMSN2512                            | VN0CMSN25120         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 2.000                                                                            | 9.998.000                                                                                                           |
| 157        | CMSN2516                            | VN0CMSN25161         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 158        | CMSN2518                            | VN0CMSN25187         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 159        | CMSN2519                            | VN0CMSN25195         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 160        | CMSN2520                            | VN0CMSN25203         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 161        | CMSN2521                            | VN0CMSN25211         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 2.200                                                                            | 9.997.800                                                                                                           |
| 162        | CMSN2522                            | VN0CMSN25229         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 163        | CMSN2523                            | VN0CMSN25237         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 78.000                                                                           | 4.922.000                                                                                                           |
| 164        | CMSN2601                            | VN0CMSN26011         | 3.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.200.000                                                                             | 430.500                                                                          | 2.769.500                                                                                                           |
| 165        | CMSN2602                            | VN0CMSN26029         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 39.000                                                                           | 5.961.000                                                                                                           |
| 166        | CMSN2603                            | VN0CMSN26037         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 167        | CMSN2604                            | VN0CMSN26045         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 168        | CMSN2605                            | VN0CMSN26052         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 4.000                                                                            | 7.996.000                                                                                                           |
| 169        | CMSN2606                            | VN0CMSN26060         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 170        | CMSN2607                            | VN0CMSN26078         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 422.900                                                                          | 2.577.100                                                                                                           |
| 171        | CMSN2608                            | VN0CMSN26086         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 50.200                                                                           | 1.949.800                                                                                                           |
| 172        | CMV                                 | VN000000CMV1         | 18.155.868                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 5.103                                                                            | -5.103                                                                                                              |
| 173        | CMWG2510                            | VN0CMWG25100         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 50.700                                                                           | 9.949.300                                                                                                           |
| 174        | CMWG2511                            | VN0CMWG25118         | 27.600.000                                         | 100,000000                                                                            | 27.600.000                                                                            | 19.500                                                                           | 27.580.500                                                                                                          |
| 175        | CMWG2515                            | VN0CMWG25159         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 176        | CMWG2516                            | VN0CMWG25167         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 177        | CMWG2517                            | VN0CMWG25175         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 178        | CMWG2518                            | VN0CMWG25183         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 179        | CMWG2519                            | VN0CMWG25191         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 180        | CMWG2522                            | VN0CMWG25225         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 181        | CMWG2524                            | VN0CMWG25241         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 182        | CMWG2525                            | VN0CMWG25258         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 183        | CMWG2526                            | VN0CMWG25266         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 184        | CMWG2527                            | VN0CMWG25274         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 185        | CMWG2528                            | VN0CMWG25282         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 186        | CMWG2601                            | VN0CMWG26017         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 187        | CMWG2602                            | VN0CMWG26025         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 188        | CMWG2603                            | VN0CMWG26033         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 189        | CMWG2604                            | VN0CMWG26041         | 19.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.000.000                                                                            | 67.800                                                                           | 18.932.200                                                                                                          |
| 190        | CMWG2605                            | VN0CMWG26058         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 191        | CMWG2606                            | VN0CMWG26066         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 192        | CMWG2607                            | VN0CMWG26074         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 193        | CMWG2608                            | VN0CMWG26082         | 17.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 17.000.000                                                                            | 0                                                                                | 17.000.000                                                                                                          |
| 194        | CMWG2609                            | VN0CMWG26090         | 13.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 13.000.000                                                                            | 10.000                                                                           | 12.990.000                                                                                                          |
| 195        | CMWG2610                            | VN0CMWG26108         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 196        | CMX                                 | VN000000CMX7         | 101.898.990                                        | 50,000000                                                                             | 50.949.495                                                                            | 18.735.027                                                                       | 32.214.468                                                                                                          |
| 197        | CNG                                 | VN000000CNG0         | 35.099.625                                         | 49,000000                                                                             | 17.198.816                                                                            | 579.760                                                                          | 16.619.056                                                                                                          |
| 198        | COM                                 | VN000000COM6         | 14.120.628                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 24.180                                                                           | -24.180                                                                                                             |
| 199        | CRC                                 | VN000000CRC0         | 106.699.924                                        | 50,000000                                                                             | 53.349.962                                                                            | 567.022                                                                          | 52.782.940                                                                                                          |
| 200        | CRE                                 | VN000000CRE6         | 463.678.534                                        | 50,000000                                                                             | 231.839.267                                                                           | 17.094.964                                                                       | 214.744.303                                                                                                         |
| 201        | CRV                                 | VN000000CRV0         | 687.399.875                                        | 50,000000                                                                             | 343.699.937                                                                           | 10                                                                               | 343.699.927                                                                                                         |
| 202        | CSHB2509                            | VN0CSHB25091         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 203        | CSHB2510                            | VN0CSHB25109         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 204        | CSHB2514                            | VN0CSHB25141         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 205        | CSHB2515                            | VN0CSHB25158         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 206        | CSHB2601                            | VN0CSHB26016         | 4.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.800.000                                                                             | 0                                                                                | 4.800.000                                                                                                           |
| 207        | CSHB2602                            | VN0CSHB26024         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 208        | CSHB2603                            | VN0CSHB26032         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 209        | CSHB2604                            | VN0CSHB26040         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 500                                                                              | 2.999.500                                                                                                           |
| 210        | CSHB2605                            | VN0CSHB26057         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 3.000                                                                            | 1.997.000                                                                                                           |
| 211        | CSM                                 | VN000000CSM7         | 103.626.467                                        | 50,000000                                                                             | 51.813.233                                                                            | 614.943                                                                          | 51.198.290                                                                                                          |
| 212        | CSSB2507                            | VN0CSSB25072         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 600                                                                              | 2.999.400                                                                                                           |
| 213        | CSSB2508                            | VN0CSSB25080         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 214        | CSSB2509                            | VN0CSSB25098         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 94.600                                                                           | 1.905.400                                                                                                           |
| 215        | CSSB2601                            | VN0CSSB26013         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 100                                                                              | 2.999.900                                                                                                           |
| 216        | CSSB2602                            | VN0CSSB26021         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 100                                                                              | 1.999.900                                                                                                           |
| 217        | CSTB2514                            | VN0CSTB25146         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 218        | CSTB2515                            | VN0CSTB25153         | 25.500.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.500.000                                                                            | 417.000                                                                          | 25.083.000                                                                                                          |
| 219        | CSTB2519                            | VN0CSTB25195         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 220        | CSTB2521                            | VN0CSTB25211         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 221        | CSTB2523                            | VN0CSTB25237         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 90.400                                                                           | 4.909.600                                                                                                           |
| 222        | CSTB2524                            | VN0CSTB25245         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 223        | CSTB2525                            | VN0CSTB25252         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 224        | CSTB2527                            | VN0CSTB25278         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 100                                                                              | 5.999.900                                                                                                           |
| 225        | CSTB2530                            | VN0CSTB25302         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 292.900                                                                          | 9.707.100                                                                                                           |
| 226        | CSTB2532                            | VN0CSTB25328         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 227        | CSTB2533                            | VN0CSTB25336         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 228        | CSTB2535                            | VN0CSTB25351         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 229        | CSTB2536                            | VN0CSTB25369         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 230        | CSTB2537                            | VN0CSTB25377         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 231        | CSTB2538                            | VN0CSTB25385         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 27.900                                                                           | 4.972.100                                                                                                           |
| 232        | CSTB2601                            | VN0CSTB26011         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 233        | CSTB2602                            | VN0CSTB26029         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 234        | CSTB2603                            | VN0CSTB26037         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 235        | CSTB2604                            | VN0CSTB26045         | 19.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.000.000                                                                            | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 236        | CSTB2605                            | VN0CSTB26052         | 4.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.800.000                                                                             | 0                                                                                | 4.800.000                                                                                                           |
| 237        | CSTB2606                            | VN0CSTB26060         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 238        | CSTB2607                            | VN0CSTB26078         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 71.900                                                                           | 1.928.100                                                                                                           |
| 239        | CSV                                 | VN000000CSV8         | 110.499.910                                        | 50,000000                                                                             | 55.249.955                                                                            | 853.299                                                                          | 54.396.656                                                                                                          |
| 240        | CTCB2507                            | VN0CTCB25074         | 20.100.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.100.000                                                                            | 0                                                                                | 20.100.000                                                                                                          |
| 241        | CTCB2512                            | VN0CTCB25124         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 242        | CTCB2517                            | VN0CTCB25173         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 200                                                                              | 999.800                                                                                                             |
| 243        | CTCB2520                            | VN0CTCB25207         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 244        | CTCB2521                            | VN0CTCB25215         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 245        | CTCB2522                            | VN0CTCB25223         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 246        | CTCB2523                            | VN0CTCB25231         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 247        | CTCB2524                            | VN0CTCB25249         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 248        | CTCB2601                            | VN0CTCB26015         | 19.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.000.000                                                                            | 0                                                                                | 19.000.000                                                                                                          |
| 249        | CTCB2602                            | VN0CTCB26023         | 9.600.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.600.000                                                                             | 0                                                                                | 9.600.000                                                                                                           |
| 250        | CTCB2603                            | VN0CTCB26031         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 251        | CTCB2604                            | VN0CTCB26049         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 252        | CTCB2605                            | VN0CTCB26056         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 253        | CTCB2606                            | VN0CTCB26064         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 254        | CTD                                 | VN000000CTD4         | 108.703.651                                        | 49,000000                                                                             | 53.264.788                                                                            | 53.248.414                                                                       | 16.374                                                                                                              |
| 255        | CTF                                 | VN000000CTF9         | 95.653.859                                         | 49,000000                                                                             | 46.870.390                                                                            | 437.081                                                                          | 46.433.309                                                                                                          |
| 256        | CTG                                 | VN000000CTG7         | 7.766.944.637                                      | 30,000000                                                                             | 2.330.083.391                                                                         | 1.967.696.020                                                                    | 362.387.371                                                                                                         |
| 257        | CTI                                 | VN000000CTI3         | 62.999.997                                         | 49,000000                                                                             | 30.869.998                                                                            | 726.800                                                                          | 30.143.198                                                                                                          |
| 258        | CTPB2503                            | VN0CTPB25035         | 12.900.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.900.000                                                                            | 0                                                                                | 12.900.000                                                                                                          |
| 259        | CTPB2506                            | VN0CTPB25068         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 260        | CTPB2510                            | VN0CTPB25100         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 200                                                                              | 999.800                                                                                                             |
| 261        | CTPB2511                            | VN0CTPB25118         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 262        | CTPB2601                            | VN0CTPB26017         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 263        | CTPB2602                            | VN0CTPB26025         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 264        | CTPB2603                            | VN0CTPB26033         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 127.900                                                                          | 1.372.100                                                                                                           |
| 265        | CTPB2604                            | VN0CTPB26041         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 200                                                                              | 1.999.800                                                                                                           |
| 266        | CTR                                 | VN000000CTR4         | 114.385.879                                        | 49,000000                                                                             | 56.049.080                                                                            | 6.090.182                                                                        | 49.958.898                                                                                                          |
| 267        | CTS                                 | VN000000CTS2         | 212.693.438                                        | 49,000000                                                                             | 104.219.784                                                                           | 1.135.983                                                                        | 103.083.801                                                                                                         |
| 268        | CVHM2503                            | VN0CVHM25035         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 269        | CVHM2511                            | VN0CVHM25118         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 270        | CVHM2512                            | VN0CVHM25126         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 271        | CVHM2516                            | VN0CVHM25167         | 5.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.500.000                                                                             | 0                                                                                | 5.500.000                                                                                                           |
| 272        | CVHM2518                            | VN0CVHM25183         | 1.814.800                                          | 100,000000                                                                            | 1.814.800                                                                             | 0                                                                                | 1.814.800                                                                                                           |
| 273        | CVHM2519                            | VN0CVHM25191         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 8.000                                                                            | 1.992.000                                                                                                           |
| 274        | CVHM2520                            | VN0CVHM25209         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 275        | CVHM2521                            | VN0CVHM25217         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 313.600                                                                          | 3.686.400                                                                                                           |
| 276        | CVHM2522                            | VN0CVHM25225         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 7.100                                                                            | 3.992.900                                                                                                           |
| 277        | CVHM2523                            | VN0CVHM25233         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 278        | CVHM2524                            | VN0CVHM25241         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 279        | CVHM2525                            | VN0CVHM25258         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 280        | CVHM2601                            | VN0CVHM26017         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 281        | CVHM2602                            | VN0CVHM26025         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 282        | CVHM2603                            | VN0CVHM26033         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 283        | CVHM2604                            | VN0CVHM26041         | 2.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.800.000                                                                             | 0                                                                                | 2.800.000                                                                                                           |
| 284        | CVHM2605                            | VN0CVHM26058         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 285        | CVHM2606                            | VN0CVHM26066         | 7.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.000.000                                                                             | 0                                                                                | 7.000.000                                                                                                           |
| 286        | CVHM2607                            | VN0CVHM26074         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 287        | CVHM2608                            | VN0CVHM26082         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 288        | CVIB2504                            | VN0CVIB25044         | 16.600.000                                         | 100,000000                                                                            | 16.600.000                                                                            | 0                                                                                | 16.600.000                                                                                                          |
| 289        | CVIB2508                            | VN0CVIB25085         | 6.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 290        | CVIB2512                            | VN0CVIB25127         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 291        | CVIB2513                            | VN0CVIB25135         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 292        | CVIB2514                            | VN0CVIB25143         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 293        | CVIB2601                            | VN0CVIB26018         | 3.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.200.000                                                                             | 4.000                                                                            | 3.196.000                                                                                                           |
| 294        | CVIB2602                            | VN0CVIB26026         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 295        | CVIB2603                            | VN0CVIB26034         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 296        | CVIC2511                            | VN0CVIC25117         | 2.736.700                                          | 100,000000                                                                            | 2.736.700                                                                             | 1.000                                                                            | 2.735.700                                                                                                           |
| 297        | CVIC2512                            | VN0CVIC25125         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 298        | CVIC2513                            | VN0CVIC25133         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 299        | CVIC2514                            | VN0CVIC25141         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 1.100                                                                            | 3.998.900                                                                                                           |
| 300        | CVIC2515                            | VN0CVIC25158         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 301        | CVIC2516                            | VN0CVIC25166         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 302        | CVIC2517                            | VN0CVIC25174         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 303        | CVIC2601                            | VN0CVIC26016         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 304        | CVJC2506                            | VN0CVJC25065         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 26.300                                                                           | 1.973.700                                                                                                           |
| 305        | CVJC2507                            | VN0CVJC25073         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 12.400                                                                           | 4.987.600                                                                                                           |
| 306        | CVJC2601                            | VN0CVJC26014         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 100                                                                              | 1.999.900                                                                                                           |
| 307        | CVNM2511                            | VN0CVNM25116         | 14.200.000                                         | 100,000000                                                                            | 14.200.000                                                                            | 255.000                                                                          | 13.945.000                                                                                                          |
| 308        | CVNM2515                            | VN0CVNM25157         | 12.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.000.000                                                                            | 619.100                                                                          | 11.380.900                                                                                                          |
| 309        | CVNM2518                            | VN0CVNM25181         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 1.300                                                                            | 3.998.700                                                                                                           |
| 310        | CVNM2519                            | VN0CVNM25199         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 311        | CVNM2520                            | VN0CVNM25207         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 312        | CVNM2521                            | VN0CVNM25215         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 100                                                                              | 2.999.900                                                                                                           |
| 313        | CVNM2522                            | VN0CVNM25223         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 314        | CVNM2523                            | VN0CVNM25231         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 315        | CVNM2524                            | VN0CVNM25249         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 316        | CVNM2601                            | VN0CVNM26015         | 3.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.200.000                                                                             | 1.539.500                                                                        | 1.660.500                                                                                                           |
| 317        | CVNM2602                            | VN0CVNM26023         | 9.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.000.000                                                                             | 0                                                                                | 9.000.000                                                                                                           |
| 318        | CVNM2603                            | VN0CVNM26031         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 319        | CVNM2604                            | VN0CVNM26049         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 2.800                                                                            | 1.997.200                                                                                                           |
| 320        | CVPB2504                            | VN0CVPB25049         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 321        | CVPB2512                            | VN0CVPB25122         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 322        | CVPB2516                            | VN0CVPB25163         | 3.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.500.000                                                                             | 0                                                                                | 3.500.000                                                                                                           |
| 323        | CVPB2519                            | VN0CVPB25197         | 640.300                                            | 100,000000                                                                            | 640.300                                                                               | 10.600                                                                           | 629.700                                                                                                             |
| 324        | CVPB2520                            | VN0CVPB25205         | 960.500                                            | 100,000000                                                                            | 960.500                                                                               | 0                                                                                | 960.500                                                                                                             |
| 325        | CVPB2521                            | VN0CVPB25213         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 326        | CVPB2522                            | VN0CVPB25221         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 327        | CVPB2524                            | VN0CVPB25247         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 328        | CVPB2526                            | VN0CVPB25262         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 117.300                                                                          | 9.882.700                                                                                                           |
| 329        | CVPB2527                            | VN0CVPB25270         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 330        | CVPB2528                            | VN0CVPB25288         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 331        | CVPB2530                            | VN0CVPB25304         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 332        | CVPB2531                            | VN0CVPB25312         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 333        | CVPB2532                            | VN0CVPB25320         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 334        | CVPB2533                            | VN0CVPB25338         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 335        | CVPB2601                            | VN0CVPB26013         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 336        | CVPB2602                            | VN0CVPB26021         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 337        | CVPB2603                            | VN0CVPB26039         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 338        | CVPB2604                            | VN0CVPB26047         | 4.800.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.800.000                                                                             | 0                                                                                | 4.800.000                                                                                                           |
| 339        | CVPB2605                            | VN0CVPB26054         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 0                                                                                | 10.000.000                                                                                                          |
| 340        | CVPB2606                            | VN0CVPB26062         | 8.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 8.000.000                                                                             | 0                                                                                | 8.000.000                                                                                                           |
| 341        | CVPB2607                            | VN0CVPB26070         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 35.100                                                                           | 1.964.900                                                                                                           |
| 342        | CVRE2511                            | VN0CVRE25114         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 343        | CVRE2512                            | VN0CVRE25122         | 11.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 11.000.000                                                                            | 0                                                                                | 11.000.000                                                                                                          |
| 344        | CVRE2516                            | VN0CVRE25163         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 345        | CVRE2518                            | VN0CVRE25189         | 485.100                                            | 100,000000                                                                            | 485.100                                                                               | 0                                                                                | 485.100                                                                                                             |
| 346        | CVRE2519                            | VN0CVRE25197         | 739.600                                            | 100,000000                                                                            | 739.600                                                                               | 0                                                                                | 739.600                                                                                                             |
| 347        | CVRE2520                            | VN0CVRE25205         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 348        | CVRE2521                            | VN0CVRE25213         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 349        | CVRE2522                            | VN0CVRE25221         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 0                                                                                | 2.000.000                                                                                                           |
| 350        | CVRE2524                            | VN0CVRE25247         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 351        | CVRE2525                            | VN0CVRE25254         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 352        | CVRE2526                            | VN0CVRE25262         | 3.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 353        | CVRE2527                            | VN0CVRE25270         | 5.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 0                                                                                | 5.000.000                                                                                                           |
| 354        | CVRE2601                            | VN0CVRE26013         | 7.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.500.000                                                                             | 0                                                                                | 7.500.000                                                                                                           |
| 355        | CVRE2602                            | VN0CVRE26021         | 2.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.000.000                                                                             | 27.300                                                                           | 1.972.700                                                                                                           |
| 356        | CVT                                 | VN000000CVT6         | 36.690.887                                         | 50,000000                                                                             | 18.345.443                                                                            | 125.937                                                                          | 18.219.506                                                                                                          |
| 357        | D2D                                 | VN000000D2D0         | 30.304.758                                         | 50,000000                                                                             | 15.152.379                                                                            | 1.254.270                                                                        | 13.898.109                                                                                                          |
| 358        | DAH                                 | VN000000DAH3         | 84.200.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 2.930                                                                            | -2.930                                                                                                              |
| 359        | DAT                                 | VN000000DAT8         | 69.228.341                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 4.875                                                                            | -4.875                                                                                                              |
| 360        | DBC                                 | VN000000DBC2         | 384.866.667                                        | 49,000000                                                                             | 188.584.666                                                                           | 6.083.661                                                                        | 182.501.005                                                                                                         |
| 361        | DBD                                 | VN000000DBD0         | 94.529.347                                         | 100,000000                                                                            | 94.529.347                                                                            | 14.571.936                                                                       | 79.957.411                                                                                                          |
| 362        | DBT                                 | VN000000DBT6         | 21.967.262                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 253.468                                                                          | -253.468                                                                                                            |
| 363        | DC4                                 | VN000000DC49         | 98.235.704                                         | 50,000000                                                                             | 49.117.852                                                                            | 776.985                                                                          | 48.340.867                                                                                                          |
| 364        | DCL                                 | VN000000DCL1         | 73.041.030                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 683.583                                                                          | -683.583                                                                                                            |
| 365        | DCM                                 | VN000000DCM9         | 529.400.000                                        | 49,000000                                                                             | 259.406.000                                                                           | 49.259.692                                                                       | 210.146.308                                                                                                         |
| 366        | DGC                                 | VN000000DGC1         | 379.779.286                                        | 49,000000                                                                             | 186.091.850                                                                           | 20.875.949                                                                       | 165.215.901                                                                                                         |
| 367        | DGW                                 | VN000000DGW9         | 221.320.169                                        | 49,000000                                                                             | 108.446.882                                                                           | 50.756.729                                                                       | 57.690.153                                                                                                          |
| 368        | DHA                                 | VN000000DHA3         | 15.119.946                                         | 49,000000                                                                             | 7.408.773                                                                             | 2.348.855                                                                        | 5.059.918                                                                                                           |
| 369        | DHC                                 | VN000000DHC9         | 96.591.206                                         | 50,000000                                                                             | 48.295.603                                                                            | 33.825.747                                                                       | 14.469.856                                                                                                          |
| 370        | DHG                                 | VN000000DHG0         | 130.746.071                                        | 100,000000                                                                            | 130.746.071                                                                           | 70.574.340                                                                       | 60.171.731                                                                                                          |
| 371        | DHM                                 | VN000000DHM8         | 34.535.699                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 39.990                                                                           | -39.990                                                                                                             |
| 372        | DIG                                 | VN000000DIG8         | 796.431.191                                        | 49,000000                                                                             | 390.251.283                                                                           | 19.359.182                                                                       | 370.892.101                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 373        | DLG                                 | VN000000DLG2         | 299.309.720                                        | 49,0000000                                                                            | 146.661.762                                                                           | 19.792.312                                                                       | 126.869.450                                                                                                         |
| 374        | DMC                                 | VN000000DMC9         | 34.727.465                                         | 100,0000000                                                                           | 34.727.465                                                                            | 19.693.406                                                                       | 15.034.059                                                                                                          |
| 375        | DPG                                 | VN000000DPG3         | 118.587.096                                        | 49,0000000                                                                            | 58.107.677                                                                            | 22.692.215                                                                       | 35.415.462                                                                                                          |
| 376        | DPM                                 | VN000000DPM1         | 679.990.761                                        | 50,0000000                                                                            | 339.995.380                                                                           | 40.740.773                                                                       | 299.254.607                                                                                                         |
| 377        | DPR                                 | VN000000DPR0         | 86.885.932                                         | 50,0000000                                                                            | 43.442.966                                                                            | 2.739.013                                                                        | 40.703.953                                                                                                          |
| 378        | DQC                                 | VN000000DQC0         | 34.359.416                                         | 49,0000000                                                                            | 16.836.113                                                                            | 198.210                                                                          | 16.637.903                                                                                                          |
| 379        | DRC                                 | VN000000DRC8         | 154.429.283                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.664.262                                                                        | -4.664.262                                                                                                          |
| 380        | DRH                                 | VN000000DRH7         | 124.353.866                                        | 50,0000000                                                                            | 62.176.933                                                                            | 2.400.961                                                                        | 59.775.972                                                                                                          |
| 381        | DRL                                 | VN000000DRL9         | 9.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 271.370                                                                          | -271.370                                                                                                            |
| 382        | DSC                                 | VN000000DSC6         | 274.999.911                                        | 100,0000000                                                                           | 274.999.911                                                                           | 61.966                                                                           | 274.937.945                                                                                                         |
| 383        | DSE                                 | VN000000DSE2         | 342.600.000                                        | 100,0000000                                                                           | 342.600.000                                                                           | 38.047.108                                                                       | 304.552.892                                                                                                         |
| 384        | DSN                                 | VN000000DSN3         | 12.083.009                                         | 49,0000000                                                                            | 5.920.674                                                                             | 1.775.236                                                                        | 4.145.438                                                                                                           |
| 385        | DTA                                 | VN000000DTA8         | 18.059.832                                         | 49,0000000                                                                            | 8.849.317                                                                             | 29.104                                                                           | 8.820.213                                                                                                           |
| 386        | DTL                                 | VN000000DTL5         | 61.435.604                                         | 49,0000000                                                                            | 30.103.445                                                                            | 4.695                                                                            | 30.098.750                                                                                                          |
| 387        | DTT                                 | VN000000DTT8         | 8.151.820                                          | 49,0000000                                                                            | 3.994.391                                                                             | 17.704                                                                           | 3.976.687                                                                                                           |
| 388        | DVP                                 | VN000000DVP2         | 40.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 19.600.000                                                                            | 4.112.017                                                                        | 15.487.983                                                                                                          |
| 389        | DXG                                 | VN000000DXG7         | 1.114.131.675                                      | 50,0000000                                                                            | 557.065.837                                                                           | 216.373.128                                                                      | 340.692.709                                                                                                         |
| 390        | DXS                                 | VN000000DXS2         | 579.103.124                                        | 50,0000000                                                                            | 289.551.562                                                                           | 41.799.180                                                                       | 247.752.382                                                                                                         |
| 391        | DXV                                 | VN000000DXV6         | 9.900.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.851.000                                                                             | 50.450                                                                           | 4.800.550                                                                                                           |
| 392        | E1VFN30                             | VN0E1VFN306          | 178.700.000                                        | 100,0000000                                                                           | 178.700.000                                                                           | 133.635.032                                                                      | 45.064.968                                                                                                          |
| 393        | EIB                                 | VN000000EIB7         | 1.868.810.607                                      | 29,9704300                                                                            | 560.090.574                                                                           | 60.827.367                                                                       | 499.263.207                                                                                                         |
| 394        | ELC                                 | VN000000ELC9         | 110.088.903                                        | 49,0000000                                                                            | 53.943.562                                                                            | 2.527.613                                                                        | 51.415.949                                                                                                          |
| 395        | EVE                                 | VN000000EVE4         | 41.979.773                                         | 100,0000000                                                                           | 41.979.773                                                                            | 28.607.396                                                                       | 13.372.377                                                                                                          |
| 396        | EVF                                 | VN000000EVF1         | 760.565.802                                        | 15,0000000                                                                            | 114.084.870                                                                           | 4.038.215                                                                        | 110.046.655                                                                                                         |
| 397        | EVG                                 | VN000000EVG9         | 215.249.836                                        | 49,0000000                                                                            | 105.472.419                                                                           | 1.531.937                                                                        | 103.940.482                                                                                                         |
| 398        | FCM                                 | VN000000FCM4         | 46.226.626                                         | 49,0000000                                                                            | 22.651.046                                                                            | 1.518.135                                                                        | 21.132.911                                                                                                          |
| 399        | FCN                                 | VN000000FCN2         | 157.439.005                                        | 50,0000000                                                                            | 78.719.502                                                                            | 49.144.260                                                                       | 29.575.242                                                                                                          |
| 400        | FDC                                 | VN000000FDC3         | 38.629.988                                         | 50,0000000                                                                            | 19.314.994                                                                            | 6.731                                                                            | 19.308.263                                                                                                          |
| 401        | FIR                                 | VN000000FIR0         | 70.669.620                                         | 50,0000000                                                                            | 35.334.810                                                                            | 149.201                                                                          | 35.185.609                                                                                                          |
| 402        | FIT                                 | VN000000FIT6         | 339.933.034                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 19.579                                                                           | -19.579                                                                                                             |
| 403        | FMC                                 | VN000000FMC4         | 65.388.889                                         | 50,0000000                                                                            | 32.694.444                                                                            | 20.336.659                                                                       | 12.357.785                                                                                                          |
| 404        | FPT                                 | VN000000FPT1         | 1.703.507.121                                      | 49,0000000                                                                            | 834.718.489                                                                           | 561.670.027                                                                      | 273.048.462                                                                                                         |
| 405        | FRT                                 | VN000000FRT7         | 170.301.785                                        | 49,0000000                                                                            | 83.447.874                                                                            | 56.329.123                                                                       | 27.118.751                                                                                                          |
| 406        | FTS                                 | VN000000FTS5         | 346.498.009                                        | 100,0000000                                                                           | 346.498.009                                                                           | 85.843.854                                                                       | 260.654.155                                                                                                         |
| 407        | FUCTVGF3                            | VN0FUCTVGF39         | 19.900.800                                         | 49,0000000                                                                            | 9.751.392                                                                             | 0                                                                                | 9.751.392                                                                                                           |
| 408        | FUCTVGF4                            | VN0FUCTVGF47         | 20.060.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.829.400                                                                             | 0                                                                                | 9.829.400                                                                                                           |
| 409        | FUCTVGF5                            | VN0FUCTVGF54         | 17.280.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.467.200                                                                             | 80.000                                                                           | 8.387.200                                                                                                           |
| 410        | FUCVREIT                            | VN0FUCVREIT6         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 27.030                                                                           | 2.422.970                                                                                                           |
| 411        | FUEABVND                            | VN0FUEABVND8         | 4.100.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.100.000                                                                             | 800.000                                                                          | 3.300.000                                                                                                           |
| 412        | FUEBFVND                            | VN0FUEBFVND7         | 3.700.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.700.000                                                                             | 0                                                                                | 3.700.000                                                                                                           |
| 413        | FUEDCMID                            | VN0FUEDCMID9         | 24.700.000                                         | 100,0000000                                                                           | 24.700.000                                                                            | 21.921.989                                                                       | 2.778.011                                                                                                           |
| 414        | FUEFCV50                            | VN0FUEFCV505         | 4.300.000                                          | 100,0000000                                                                           | 4.300.000                                                                             | 9.425                                                                            | 4.290.575                                                                                                           |
| 415        | FUEIP100                            | VN0FUEIP1007         | 5.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.000.000                                                                             | 62.600                                                                           | 4.937.400                                                                                                           |
| 416        | FUEKIV30                            | VN0FUEKIV304         | 191.100.000                                        | 100,0000000                                                                           | 191.100.000                                                                           | 189.672.600                                                                      | 1.427.400                                                                                                           |
| 417        | FUEKIVFS                            | VN0FUEKIVFS6         | 16.200.000                                         | 100,0000000                                                                           | 16.200.000                                                                            | 13.946.000                                                                       | 2.254.000                                                                                                           |
| 418        | FUEKIVND                            | VN0FUEKIVND2         | 5.400.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.400.000                                                                             | 5.257.300                                                                        | 142.700                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 419        | FUEMAV30                            | VN0FUEMAV307         | 34.200.000                                         | 100,000000                                                                            | 34.200.000                                                                            | 30.992.457                                                                       | 3.207.543                                                                                                           |
| 420        | FUEMAVND                            | VN0FUEMAVND5         | 19.300.000                                         | 100,000000                                                                            | 19.300.000                                                                            | 15.544.798                                                                       | 3.755.202                                                                                                           |
| 421        | FUESSV30                            | VN0FUESSV306         | 9.700.000                                          | 100,000000                                                                            | 9.700.000                                                                             | 2.487.172                                                                        | 7.212.828                                                                                                           |
| 422        | FUESSV50                            | VN0FUESSV504         | 5.200.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.200.000                                                                             | 1.339.330                                                                        | 3.860.670                                                                                                           |
| 423        | FUESSVFL                            | VN0FUESSVFL3         | 18.800.000                                         | 100,000000                                                                            | 18.800.000                                                                            | 9.712.876                                                                        | 9.087.124                                                                                                           |
| 424        | FUETCC50                            | VN0FUETCC506         | 7.300.000                                          | 100,000000                                                                            | 7.300.000                                                                             | 114.505                                                                          | 7.185.495                                                                                                           |
| 425        | FUETPVND                            | VN0FUETPVND8         | 5.600.000                                          | 100,000000                                                                            | 5.600.000                                                                             | 0                                                                                | 5.600.000                                                                                                           |
| 426        | FUEVFNND                            | VN0FUEVFNND5         | 326.400.000                                        | 100,000000                                                                            | 326.400.000                                                                           | 304.771.224                                                                      | 21.628.776                                                                                                          |
| 427        | FUEVN100                            | VN0FUEVN1002         | 26.900.000                                         | 100,000000                                                                            | 26.900.000                                                                            | 916.898                                                                          | 25.983.102                                                                                                          |
| 428        | GAS                                 | VN000000GAS3         | 2.412.949.756                                      | 49,000000                                                                             | 1.182.345.380                                                                         | 53.389.526                                                                       | 1.128.955.854                                                                                                       |
| 429        | GDT                                 | VN000000GDT5         | 24.930.701                                         | 50,000000                                                                             | 12.465.350                                                                            | 1.721.426                                                                        | 10.743.924                                                                                                          |
| 430        | GEE                                 | VN000000GEE5         | 365.999.956                                        | 50,000000                                                                             | 182.999.978                                                                           | 3.000.148                                                                        | 179.999.830                                                                                                         |
| 431        | GEG                                 | VN000000GEG0         | 414.804.371                                        | 50,000000                                                                             | 207.402.185                                                                           | 187.827.033                                                                      | 19.575.152                                                                                                          |
| 432        | GEL                                 | VN000000GEL0         | 890.000.000                                        | 50,000000                                                                             | 445.000.000                                                                           | 24.731.580                                                                       | 420.268.420                                                                                                         |
| 433        | GEX                                 | VN000000GEX5         | 902.398.948                                        | 50,000000                                                                             | 451.199.474                                                                           | 60.344.651                                                                       | 390.854.823                                                                                                         |
| 434        | GHC                                 | VN000000GHC2         | 47.662.500                                         | 49,000000                                                                             | 23.354.625                                                                            | 1.890.226                                                                        | 21.464.399                                                                                                          |
| 435        | GIL                                 | VN000000GIL1         | 101.600.066                                        | 50,000000                                                                             | 50.800.033                                                                            | 1.357.152                                                                        | 49.442.881                                                                                                          |
| 436        | GMD                                 | VN000000GMD0         | 426.495.109                                        | 49,000000                                                                             | 208.982.603                                                                           | 176.981.846                                                                      | 32.000.757                                                                                                          |
| 437        | GMH                                 | VN000000GMH1         | 16.500.000                                         | 50,000000                                                                             | 8.250.000                                                                             | 144.500                                                                          | 8.105.500                                                                                                           |
| 438        | GSP                                 | VN000000GSP1         | 67.517.050                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 452.625                                                                          | -452.625                                                                                                            |
| 439        | GTA                                 | VN000000GTA1         | 10.400.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.096.000                                                                             | 35.176                                                                           | 5.060.824                                                                                                           |
| 440        | GVR                                 | VN000000GVR1         | 4.000.000.000                                      | 13,000000                                                                             | 520.000.000                                                                           | 29.238.429                                                                       | 490.761.571                                                                                                         |
| 441        | HAG                                 | VN000000HAG6         | 1.267.467.947                                      | 49,000000                                                                             | 621.059.294                                                                           | 24.060.234                                                                       | 596.999.060                                                                                                         |
| 442        | HAH                                 | VN000000HAH4         | 168.861.212                                        | 30,000000                                                                             | 50.658.363                                                                            | 9.329.851                                                                        | 41.328.512                                                                                                          |
| 443        | HAP                                 | VN000000HAP7         | 111.097.772                                        | 49,000000                                                                             | 54.437.908                                                                            | 1.654.916                                                                        | 52.782.992                                                                                                          |
| 444        | HAR                                 | VN000000HAR3         | 101.350.100                                        | 49,000000                                                                             | 49.661.549                                                                            | 3.056.826                                                                        | 46.604.723                                                                                                          |
| 445        | HAS                                 | VN000000HAS1         | 8.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.920.000                                                                             | 1.221.556                                                                        | 2.698.444                                                                                                           |
| 446        | HAX                                 | VN000000HAX1         | 107.439.681                                        | 50,000000                                                                             | 53.719.840                                                                            | 8.296.792                                                                        | 45.423.048                                                                                                          |
| 447        | HCD                                 | VN000000HCD9         | 36.958.816                                         | 51,000000                                                                             | 18.848.996                                                                            | 79.104                                                                           | 18.769.892                                                                                                          |
| 448        | HCM                                 | VN000000HCM0         | 1.080.797.089                                      | 49,000000                                                                             | 529.590.573                                                                           | 373.156.999                                                                      | 156.433.574                                                                                                         |
| 449        | HDB                                 | VN000000HDB1         | 5.005.276.323                                      | 27,000000                                                                             | 1.351.424.607                                                                         | 1.117.865.506                                                                    | 233.559.101                                                                                                         |
| 450        | HDC                                 | VN000000HDC9         | 199.754.571                                        | 49,000000                                                                             | 97.879.739                                                                            | 3.263.609                                                                        | 94.616.130                                                                                                          |
| 451        | HDG                                 | VN000000HDG0         | 369.963.035                                        | 50,000000                                                                             | 184.981.517                                                                           | 72.060.983                                                                       | 112.920.534                                                                                                         |
| 452        | HHP                                 | VN000000HHP2         | 86.554.343                                         | 49,000000                                                                             | 42.411.628                                                                            | 6.728.109                                                                        | 35.683.519                                                                                                          |
| 453        | HHS                                 | VN000000HHS6         | 431.985.968                                        | 50,000000                                                                             | 215.992.984                                                                           | 3.460.249                                                                        | 212.532.735                                                                                                         |
| 454        | HHV                                 | VN000000HHV0         | 547.166.296                                        | 49,000000                                                                             | 268.111.485                                                                           | 57.213.837                                                                       | 210.897.648                                                                                                         |
| 455        | HID                                 | VN000000HID6         | 76.765.032                                         | 49,000000                                                                             | 37.614.865                                                                            | 450.920                                                                          | 37.163.945                                                                                                          |
| 456        | HII                                 | VN000000HII5         | 73.663.016                                         | 50,000000                                                                             | 36.831.508                                                                            | 228.471                                                                          | 36.603.037                                                                                                          |
| 457        | HMC                                 | VN000000HMC0         | 27.299.999                                         | 49,000000                                                                             | 13.376.999                                                                            | 97.287                                                                           | 13.279.712                                                                                                          |
| 458        | HNA                                 | VN000000HNA2         | 235.232.210                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 459        | HPA                                 | VN000000HPA7         | 285.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 285.000.000                                                                           | 3.799.863                                                                        | 281.200.137                                                                                                         |
| 460        | HPG                                 | VN000000HPG4         | 7.675.465.855                                      | 49,000000                                                                             | 3.760.978.268                                                                         | 1.696.787.398                                                                    | 2.064.190.870                                                                                                       |
| 461        | HPX                                 | VN000000HPX9         | 304.168.581                                        | 49,000000                                                                             | 149.042.604                                                                           | 1.166.195                                                                        | 147.876.409                                                                                                         |
| 462        | HQC                                 | VN000000HQC1         | 576.600.000                                        | 50,000000                                                                             | 288.300.000                                                                           | 6.780.216                                                                        | 281.519.784                                                                                                         |
| 463        | HRC                                 | VN000000HRC9         | 30.206.622                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 170.414                                                                          | -170.414                                                                                                            |
| 464        | HSG                                 | VN000000HSG8         | 620.982.309                                        | 49,000000                                                                             | 304.281.331                                                                           | 22.409.432                                                                       | 281.871.899                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 465        | HSL                                 | VN000000HSL8         | 38.567.363                                         | 49,0000000                                                                            | 18.898.007                                                                            | 113.975                                                                          | 18.784.032                                                                                                          |
| 466        | HT1                                 | VN000000HT12         | 381.589.911                                        | 49,0000000                                                                            | 186.979.056                                                                           | 8.900.302                                                                        | 178.078.754                                                                                                         |
| 467        | HTG                                 | VN000000HTG6         | 36.002.708                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 7.063                                                                            | -7.063                                                                                                              |
| 468        | HTI                                 | VN000000HTI2         | 24.949.200                                         | 50,0000000                                                                            | 12.474.600                                                                            | 2.022.147                                                                        | 10.452.453                                                                                                          |
| 469        | HTL                                 | VN000000HTL6         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                             | 3.644.224                                                                        | 2.235.776                                                                                                           |
| 470        | HTN                                 | VN000000HTN2         | 89.116.411                                         | 49,0000000                                                                            | 43.667.041                                                                            | 524.115                                                                          | 43.142.926                                                                                                          |
| 471        | HTV                                 | VN000000HTV5         | 13.104.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 762.263                                                                          | -762.263                                                                                                            |
| 472        | HU1                                 | VN000000HU19         | 10.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 5.000.000                                                                             | 1.901                                                                            | 4.998.099                                                                                                           |
| 473        | HUB                                 | VN000000HUB5         | 30.242.878                                         | 50,0000000                                                                            | 15.121.439                                                                            | 325.055                                                                          | 14.796.384                                                                                                          |
| 474        | HVH                                 | VN000000HVH0         | 63.489.334                                         | 49,0000000                                                                            | 31.109.773                                                                            | 27.487                                                                           | 31.082.286                                                                                                          |
| 475        | HVN                                 | VN000000HVN8         | 3.111.498.211                                      | 30,0000000                                                                            | 933.449.463                                                                           | 260.245.227                                                                      | 673.204.236                                                                                                         |
| 476        | ICT                                 | VN000000ICT3         | 32.185.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 63.560                                                                           | -63.560                                                                                                             |
| 477        | IDI                                 | VN000000IDI4         | 273.172.668                                        | 49,0000000                                                                            | 133.854.607                                                                           | 1.790.675                                                                        | 132.063.932                                                                                                         |
| 478        | IJC                                 | VN000000IJC4         | 629.580.640                                        | 49,0000000                                                                            | 308.494.513                                                                           | 28.217.434                                                                       | 280.277.079                                                                                                         |
| 479        | ILB                                 | VN000000ILB2         | 38.199.492                                         | 49,0000000                                                                            | 18.717.751                                                                            | 4.904.520                                                                        | 13.813.231                                                                                                          |
| 480        | IMP                                 | VN000000IMP0         | 154.042.762                                        | 77,9600000                                                                            | 120.091.737                                                                           | 78.336.620                                                                       | 41.755.117                                                                                                          |
| 481        | ITC                                 | VN000000ITC3         | 96.375.409                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 258.094                                                                          | -258.094                                                                                                            |
| 482        | ITD                                 | VN000000ITD1         | 26.244.995                                         | 49,0000000                                                                            | 12.860.047                                                                            | 457.869                                                                          | 12.402.178                                                                                                          |
| 483        | JVC                                 | VN000000JVC7         | 112.500.171                                        | 50,0000000                                                                            | 56.250.085                                                                            | 851.546                                                                          | 55.398.539                                                                                                          |
| 484        | KBC                                 | VN000000KBC7         | 941.754.759                                        | 49,0000000                                                                            | 461.459.831                                                                           | 87.314.125                                                                       | 374.145.706                                                                                                         |
| 485        | KDC                                 | VN000000KDC3         | 289.806.316                                        | 50,0000000                                                                            | 144.903.158                                                                           | 46.452.798                                                                       | 98.450.360                                                                                                          |
| 486        | KDH                                 | VN000000KDH2         | 1.122.214.899                                      | 50,0000000                                                                            | 561.107.449                                                                           | 323.240.660                                                                      | 237.866.789                                                                                                         |
| 487        | KHG                                 | VN000000KHG5         | 449.435.205                                        | 49,0000000                                                                            | 220.223.250                                                                           | 4.133.750                                                                        | 216.089.500                                                                                                         |
| 488        | KHP                                 | VN000000KHP6         | 60.405.967                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 725.802                                                                          | -725.802                                                                                                            |
| 489        | KLB                                 | VN000000KLB8         | 582.170.526                                        | 30,0000000                                                                            | 174.651.157                                                                           | 10.228.583                                                                       | 164.422.574                                                                                                         |
| 490        | KMR                                 | VN000000KMR2         | 56.881.443                                         | 100,0000000                                                                           | 56.881.443                                                                            | 35.610.077                                                                       | 21.271.366                                                                                                          |
| 491        | KOS                                 | VN000000KOS6         | 216.481.335                                        | 49,0000000                                                                            | 106.075.854                                                                           | 524.960                                                                          | 105.550.894                                                                                                         |
| 492        | KSB                                 | VN000000KSB3         | 114.779.103                                        | 49,0000000                                                                            | 56.241.760                                                                            | 1.152.777                                                                        | 55.088.983                                                                                                          |
| 493        | L10                                 | VN000000L102         | 9.890.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.846.100                                                                             | 97.443                                                                           | 4.748.657                                                                                                           |
| 494        | LAF                                 | VN000000LAF0         | 15.228.019                                         | 50,0000000                                                                            | 7.614.009                                                                             | 369.975                                                                          | 7.244.034                                                                                                           |
| 495        | LBM                                 | VN000000LBM4         | 40.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 4.468.759                                                                        | 15.531.241                                                                                                          |
| 496        | LCG                                 | VN000000LCG4         | 208.602.467                                        | 50,0000000                                                                            | 104.301.233                                                                           | 5.018.469                                                                        | 99.282.764                                                                                                          |
| 497        | LDG                                 | VN000000LDG2         | 256.972.585                                        | 50,0000000                                                                            | 128.486.292                                                                           | 1.972.069                                                                        | 126.514.223                                                                                                         |
| 498        | LGC                                 | VN000000LGC4         | 212.130.308                                        | 49,0000000                                                                            | 103.943.850                                                                           | 95.404.417                                                                       | 8.539.433                                                                                                           |
| 499        | LGL                                 | VN000000LGL5         | 51.500.000                                         | 50,0000000                                                                            | 25.750.000                                                                            | 235.091                                                                          | 25.514.909                                                                                                          |
| 500        | LHG                                 | VN000000LHG3         | 50.012.010                                         | 49,0000000                                                                            | 24.505.884                                                                            | 3.185.356                                                                        | 21.320.528                                                                                                          |
| 501        | LIX                                 | VN000000LIX6         | 64.800.000                                         | 50,0000000                                                                            | 32.400.000                                                                            | 1.632.434                                                                        | 30.767.566                                                                                                          |
| 502        | LM8                                 | VN000000LM88         | 9.388.682                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 42.086                                                                           | -42.086                                                                                                             |
| 503        | LPB                                 | VN000000LPB7         | 2.987.282.100                                      | 5,0000000                                                                             | 149.364.105                                                                           | 21.856.245                                                                       | 127.507.860                                                                                                         |
| 504        | LSS                                 | VN000000LSS5         | 85.741.623                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 505.299                                                                          | -505.299                                                                                                            |
| 505        | MBB                                 | VN000000MBB5         | 8.054.999.909                                      | 23,2351000                                                                            | 1.871.587.283                                                                         | 1.870.174.055                                                                    | 1.413.228                                                                                                           |
| 506        | MCH                                 | VN000000MCH0         | 1.294.493.545                                      | 100,0000000                                                                           | 1.294.493.545                                                                         | 201.393.503                                                                      | 1.093.100.042                                                                                                       |
| 507        | MCM                                 | VN000000MCM0         | 110.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 110.000.000                                                                           | 30.020                                                                           | 109.969.980                                                                                                         |
| 508        | MCP                                 | VN000000MCP3         | 19.886.871                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 27.870                                                                           | -27.870                                                                                                             |
| 509        | MDG                                 | VN000000MDG0         | 10.889.031                                         | 49,0000000                                                                            | 5.335.625                                                                             | 3.700                                                                            | 5.331.925                                                                                                           |
| 510        | MHC                                 | VN000000MHC0         | 43.476.318                                         | 49,0000000                                                                            | 21.303.395                                                                            | 375.832                                                                          | 20.927.563                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 511        | MIG                                 | VN000000MIG9         | 211.503.463                                        | 100,000000                                                                            | 211.503.463                                                                           | 33.915.788                                                                       | 177.587.675                                                                                                         |
| 512        | MIRDSE261                           | VNMIRDSE2614         | 342.600.000                                        | 100,000000                                                                            | 342.600.000                                                                           | 38.668.208                                                                       | 303.931.792                                                                                                         |
| 513        | MIRHDC251                           | VNMIRHDC2510         | 178.354.966                                        | 100,000000                                                                            | 178.354.966                                                                           | 7.485.713                                                                        | 170.869.253                                                                                                         |
| 514        | MIRHHV261                           | VNMIRHHV2612         | 85.025.932                                         | 100,000000                                                                            | 85.025.932                                                                            | 1.366.882                                                                        | 83.659.050                                                                                                          |
| 515        | MIRSBT251                           | VNMIRSBT2510         | 814.545.038                                        | 100,000000                                                                            | 814.545.038                                                                           | 179.270.240                                                                      | 635.274.798                                                                                                         |
| 516        | MIRTMS261                           | VNMIRTMS2616         | 169.336.335                                        | 100,000000                                                                            | 169.336.335                                                                           | 47.514.636                                                                       | 121.821.699                                                                                                         |
| 517        | MIRVIX261                           | VNMIRVIX2611         | 1.531.429.858                                      | 100,000000                                                                            | 1.531.429.858                                                                         | 119.383.987                                                                      | 1.412.045.871                                                                                                       |
| 518        | MSB                                 | VN000000MSB9         | 3.120.000.000                                      | 30,000000                                                                             | 936.000.000                                                                           | 901.028.427                                                                      | 34.971.573                                                                                                          |
| 519        | MSH                                 | VN000000MSH6         | 112.521.020                                        | 50,000000                                                                             | 56.260.510                                                                            | 8.568.490                                                                        | 47.692.020                                                                                                          |
| 520        | MSN                                 | VN000000MSN4         | 1.520.491.927                                      | 100,000000                                                                            | 1.520.491.927                                                                         | 363.596.681                                                                      | 1.156.895.246                                                                                                       |
| 521        | MWG                                 | VN000000MWG0         | 1.469.693.177                                      | 49,000000                                                                             | 720.149.656                                                                           | 716.476.395                                                                      | 3.673.261                                                                                                           |
| 522        | NAB                                 | VN000000NAB5         | 1.715.686.480                                      | 30,000000                                                                             | 514.705.944                                                                           | 15.732.971                                                                       | 498.972.973                                                                                                         |
| 523        | NAF                                 | VN000000NAF6         | 61.182.054                                         | 100,000000                                                                            | 61.182.054                                                                            | 5.656.389                                                                        | 55.525.665                                                                                                          |
| 524        | NAV                                 | VN000000NAV3         | 8.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.920.000                                                                             | 59.856                                                                           | 3.860.144                                                                                                           |
| 525        | NBB                                 | VN000000NBB3         | 100.475.656                                        | 50,000000                                                                             | 50.237.828                                                                            | 419.053                                                                          | 49.818.775                                                                                                          |
| 526        | NCT                                 | VN000000NCT3         | 26.166.940                                         | 30,000000                                                                             | 7.850.082                                                                             | 3.589.772                                                                        | 4.260.310                                                                                                           |
| 527        | NHA                                 | VN000000NHA2         | 64.788.945                                         | 49,000000                                                                             | 31.746.583                                                                            | 210.608                                                                          | 31.535.975                                                                                                          |
| 528        | NHH                                 | VN000000NHH7         | 112.964.000                                        | 100,000000                                                                            | 112.964.000                                                                           | 381.760                                                                          | 112.582.240                                                                                                         |
| 529        | NHT                                 | VN000000NHT2         | 24.028.169                                         | 50,000000                                                                             | 12.014.084                                                                            | 722.894                                                                          | 11.291.190                                                                                                          |
| 530        | NKG                                 | VN000000NKG3         | 447.570.881                                        | 50,000000                                                                             | 223.785.440                                                                           | 22.926.575                                                                       | 200.858.865                                                                                                         |
| 531        | NLG                                 | VN000000NLG1         | 485.097.383                                        | 50,000000                                                                             | 242.548.691                                                                           | 199.648.771                                                                      | 42.899.920                                                                                                          |
| 532        | NNC                                 | VN000000NNC6         | 21.920.000                                         | 49,000000                                                                             | 10.740.800                                                                            | 700.157                                                                          | 10.040.643                                                                                                          |
| 533        | NO1                                 | VN000000NO19         | 24.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 11.760.000                                                                            | 1.713.901                                                                        | 10.046.099                                                                                                          |
| 534        | NSC                                 | VN000000NSC5         | 17.586.988                                         | 49,000000                                                                             | 8.617.624                                                                             | 1.688.225                                                                        | 6.929.399                                                                                                           |
| 535        | NT2                                 | VN000000NT22         | 287.876.029                                        | 49,000000                                                                             | 141.059.254                                                                           | 36.647.997                                                                       | 104.411.257                                                                                                         |
| 536        | NTC                                 | VN000000NTC3         | 23.999.980                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 10.737                                                                           | -10.737                                                                                                             |
| 537        | NTL                                 | VN000000NTL4         | 121.979.900                                        | 49,000000                                                                             | 59.770.151                                                                            | 16.439.345                                                                       | 43.330.806                                                                                                          |
| 538        | NVL                                 | VN000000NVL0         | 2.232.018.549                                      | 49,000000                                                                             | 1.093.689.089                                                                         | 117.478.941                                                                      | 976.210.148                                                                                                         |
| 539        | NVT                                 | VN000000NVT3         | 90.500.000                                         | 50,000000                                                                             | 45.250.000                                                                            | 64.820                                                                           | 45.185.180                                                                                                          |
| 540        | OCB                                 | VN000000OCB9         | 2.663.052.284                                      | 22,000000                                                                             | 585.871.502                                                                           | 521.831.399                                                                      | 64.040.103                                                                                                          |
| 541        | OGC                                 | VN000000OGC8         | 300.000.000                                        | 49,000000                                                                             | 147.000.000                                                                           | 763.716                                                                          | 146.236.284                                                                                                         |
| 542        | OPC                                 | VN000000OPC9         | 64.050.892                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 414.073                                                                          | -414.073                                                                                                            |
| 543        | ORS                                 | VN000000ORS1         | 623.930.904                                        | 49,000000                                                                             | 305.726.142                                                                           | 1.009.045                                                                        | 304.717.097                                                                                                         |
| 544        | PAC                                 | VN000000PAC8         | 69.707.328                                         | 50,000000                                                                             | 34.853.664                                                                            | 8.631.866                                                                        | 26.221.798                                                                                                          |
| 545        | PAN                                 | VN000000PAN5         | 216.294.580                                        | 49,000000                                                                             | 105.984.344                                                                           | 45.418.035                                                                       | 60.566.309                                                                                                          |
| 546        | PCI                                 | VN000000PCI1         | 411.285.343                                        | 50,000000                                                                             | 205.642.671                                                                           | 66.469.810                                                                       | 139.172.861                                                                                                         |
| 547        | PDN                                 | VN000000PDN9         | 55.565.820                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 128.023                                                                          | -128.023                                                                                                            |
| 548        | PDR                                 | VN000000PDR0         | 997.809.379                                        | 50,000000                                                                             | 498.904.689                                                                           | 64.004.928                                                                       | 434.899.761                                                                                                         |
| 549        | PDV                                 | VN000000PDV2         | 79.314.926                                         | 49,000000                                                                             | 38.864.313                                                                            | 28.518                                                                           | 38.835.795                                                                                                          |
| 550        | PET                                 | VN000000PET4         | 107.334.831                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 848.367                                                                          | -848.367                                                                                                            |
| 551        | PGC                                 | VN000000PGC5         | 60.342.638                                         | 49,000000                                                                             | 29.567.892                                                                            | 1.201.168                                                                        | 28.366.724                                                                                                          |
| 552        | PGD                                 | VN000000PGD3         | 98.998.266                                         | 49,000000                                                                             | 48.509.150                                                                            | 45.954.741                                                                       | 2.554.409                                                                                                           |
| 553        | PGI                                 | VN000000PGI2         | 110.896.796                                        | 100,000000                                                                            | 110.896.796                                                                           | 22.641.337                                                                       | 88.255.459                                                                                                          |
| 554        | PGV                                 | VN000000PGV5         | 1.123.468.046                                      | 50,000000                                                                             | 561.734.023                                                                           | 229.821                                                                          | 561.504.202                                                                                                         |
| 555        | PHC                                 | VN000000PHC3         | 50.681.927                                         | 50,000000                                                                             | 25.340.963                                                                            | 55.951                                                                           | 25.285.012                                                                                                          |
| 556        | PHR                                 | VN000000PHR1         | 135.499.198                                        | 49,000000                                                                             | 66.394.607                                                                            | 18.699.362                                                                       | 47.695.245                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 557        | PIT                                 | VN000000PIT5         | 15.199.345                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 84.486                                                                           | -84.486                                                                                                             |
| 558        | PJT                                 | VN000000PJT3         | 24.882.785                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 162.245                                                                          | -162.245                                                                                                            |
| 559        | PLP                                 | VN000000PLP7         | 90.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 44.100.000                                                                            | 307.311                                                                          | 43.792.689                                                                                                          |
| 560        | PLX                                 | VN000000PLX1         | 1.293.878.081                                      | 20,000000                                                                             | 258.775.616                                                                           | 186.771.564                                                                      | 72.004.052                                                                                                          |
| 561        | PMG                                 | VN000000PMG4         | 46.336.278                                         | 49,000000                                                                             | 22.704.776                                                                            | 9.282.896                                                                        | 13.421.880                                                                                                          |
| 562        | PNC                                 | VN000000PNC1         | 11.040.241                                         | 49,000000                                                                             | 5.409.718                                                                             | 50.533                                                                           | 5.359.185                                                                                                           |
| 563        | PNJ                                 | VN000000PNJ6         | 341.318.666                                        | 49,000000                                                                             | 167.246.146                                                                           | 166.296.908                                                                      | 949.238                                                                                                             |
| 564        | POW                                 | VN000000POW7         | 3.067.845.688                                      | 50,000000                                                                             | 1.533.922.844                                                                         | 85.990.117                                                                       | 1.447.932.727                                                                                                       |
| 565        | PPC                                 | VN000000PPC6         | 326.235.000                                        | 49,000000                                                                             | 159.855.150                                                                           | 15.007.423                                                                       | 144.847.727                                                                                                         |
| 566        | PTB                                 | VN000000PTB0         | 80.326.084                                         | 25,000000                                                                             | 20.081.521                                                                            | 12.188.263                                                                       | 7.893.258                                                                                                           |
| 567        | PTC                                 | VN000000PTC8         | 32.307.324                                         | 50,000000                                                                             | 16.153.662                                                                            | 140.978                                                                          | 16.012.684                                                                                                          |
| 568        | PTL                                 | VN000000PTL9         | 100.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 47.833                                                                           | -47.833                                                                                                             |
| 569        | PVD                                 | VN000000PVD2         | 556.296.006                                        | 49,000000                                                                             | 272.585.042                                                                           | 64.323.189                                                                       | 208.261.853                                                                                                         |
| 570        | PVP                                 | VN000000PVP6         | 103.702.452                                        | 49,000000                                                                             | 50.814.201                                                                            | 411.884                                                                          | 50.402.317                                                                                                          |
| 571        | PVT                                 | VN000000PVT8         | 469.931.235                                        | 49,000000                                                                             | 230.266.305                                                                           | 58.621.295                                                                       | 171.645.010                                                                                                         |
| 572        | QCG                                 | VN000000QCG3         | 275.129.310                                        | 49,000000                                                                             | 134.813.361                                                                           | 5.083.916                                                                        | 129.729.445                                                                                                         |
| 573        | QNP                                 | VN000000QNP1         | 40.409.950                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 574        | RAL                                 | VN000000RAL5         | 23.547.419                                         | 50,000000                                                                             | 11.773.709                                                                            | 348.300                                                                          | 11.425.409                                                                                                          |
| 575        | REE                                 | VN000000REE2         | 541.658.139                                        | 49,000000                                                                             | 265.412.488                                                                           | 265.373.488                                                                      | 39.000                                                                                                              |
| 576        | RYG                                 | VN000000RYG5         | 45.000.000                                         | 50,000000                                                                             | 22.500.000                                                                            | 64.300                                                                           | 22.435.700                                                                                                          |
| 577        | S4A                                 | VN000000S4A5         | 42.200.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 41.710                                                                           | -41.710                                                                                                             |
| 578        | SAB                                 | VN000000SAB4         | 1.282.562.372                                      | 100,000000                                                                            | 1.282.562.372                                                                         | 749.145.389                                                                      | 533.416.983                                                                                                         |
| 579        | SAM                                 | VN000000SAM1         | 379.960.971                                        | 49,000000                                                                             | 186.180.875                                                                           | 1.858.362                                                                        | 184.322.513                                                                                                         |
| 580        | SAV                                 | VN000000SAV2         | 26.429.240                                         | 50,000000                                                                             | 13.214.620                                                                            | 13.141.106                                                                       | 73.514                                                                                                              |
| 581        | SBA                                 | VN000000SBA4         | 60.488.261                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 159.467                                                                          | -159.467                                                                                                            |
| 582        | SBG                                 | VN000000SBG1         | 49.999.963                                         | 50,000000                                                                             | 24.999.981                                                                            | 492.551                                                                          | 24.507.430                                                                                                          |
| 583        | SBT                                 | VN000000SBT4         | 876.723.922                                        | 100,000000                                                                            | 876.723.922                                                                           | 173.419.577                                                                      | 703.304.345                                                                                                         |
| 584        | SBV                                 | VN000000SBV0         | 28.732.558                                         | 100,000000                                                                            | 28.732.558                                                                            | 4.144.197                                                                        | 24.588.361                                                                                                          |
| 585        | SC5                                 | VN000000SC59         | 14.984.550                                         | 49,000000                                                                             | 7.342.429                                                                             | 294.422                                                                          | 7.048.007                                                                                                           |
| 586        | SCR                                 | VN000000SCR6         | 430.595.036                                        | 50,000000                                                                             | 215.297.518                                                                           | 3.498.019                                                                        | 211.799.499                                                                                                         |
| 587        | SCS                                 | VN000000SCS4         | 102.076.982                                        | 30,000000                                                                             | 30.623.094                                                                            | 10.916.179                                                                       | 19.706.915                                                                                                          |
| 588        | SFC                                 | VN000000SFC1         | 11.291.459                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 62.908                                                                           | -62.908                                                                                                             |
| 589        | SFG                                 | VN000000SFG2         | 47.897.333                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 67.473                                                                           | -67.473                                                                                                             |
| 590        | SFI                                 | VN000000SFI8         | 26.042.046                                         | 49,000000                                                                             | 12.760.602                                                                            | 412.376                                                                          | 12.348.226                                                                                                          |
| 591        | SGN                                 | VN000000SGN6         | 33.581.691                                         | 30,000000                                                                             | 10.074.507                                                                            | 9.235.002                                                                        | 839.505                                                                                                             |
| 592        | SGR                                 | VN000000SGR7         | 69.875.000                                         | 50,000000                                                                             | 34.937.500                                                                            | 221.258                                                                          | 34.716.242                                                                                                          |
| 593        | SGT                                 | VN000000SGT3         | 148.003.518                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 8.103.965                                                                        | -8.103.965                                                                                                          |
| 594        | SHA                                 | VN000000SHA1         | 35.118.632                                         | 49,000000                                                                             | 17.208.129                                                                            | 302.949                                                                          | 16.905.180                                                                                                          |
| 595        | SHB                                 | VN000000SHB9         | 4.594.200.024                                      | 30,000000                                                                             | 1.378.260.007                                                                         | 151.161.710                                                                      | 1.227.098.297                                                                                                       |
| 596        | SHI                                 | VN000000SHI4         | 170.268.409                                        | 49,000000                                                                             | 83.431.520                                                                            | 485.007                                                                          | 82.946.513                                                                                                          |
| 597        | SHP                                 | VN000000SHP9         | 101.206.352                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 122.875                                                                          | -122.875                                                                                                            |
| 598        | SIP                                 | VN000000SIP7         | 242.112.943                                        | 49,000000                                                                             | 118.635.342                                                                           | 6.209.227                                                                        | 112.426.115                                                                                                         |
| 599        | SJD                                 | VN000000SJD1         | 68.998.620                                         | 50,000000                                                                             | 34.499.310                                                                            | 4.708.569                                                                        | 29.790.741                                                                                                          |
| 600        | SJS                                 | VN000000SJS9         | 297.474.828                                        | 50,000000                                                                             | 148.737.414                                                                           | 1.719.016                                                                        | 147.018.398                                                                                                         |
| 601        | SKG                                 | VN000000SKG2         | 66.497.697                                         | 49,000000                                                                             | 32.583.871                                                                            | 27.173.950                                                                       | 5.409.921                                                                                                           |
| 602        | SMA                                 | VN000000SMA1         | 20.352.836                                         | 49,000000                                                                             | 9.972.889                                                                             | 9.418                                                                            | 9.963.471                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 603        | SMB                                 | VN000000SMB9         | 29.846.648                                         | 50,0000000                                                                            | 14.923.324                                                                            | 3.998.147                                                                        | 10.925.177                                                                                                          |
| 604        | SMC                                 | VN000000SMC7         | 73.678.587                                         | 100,0000000                                                                           | 73.678.587                                                                            | 14.922.377                                                                       | 58.756.210                                                                                                          |
| 605        | SPM                                 | VN000000SPM9         | 14.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.860.000                                                                             | 286.680                                                                          | 6.573.320                                                                                                           |
| 606        | SRC                                 | VN000000SRC6         | 28.065.765                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 20.557                                                                           | -20.557                                                                                                             |
| 607        | SRF                                 | VN000000SRF9         | 35.566.780                                         | 100,0000000                                                                           | 35.566.780                                                                            | 16.190.788                                                                       | 19.375.992                                                                                                          |
| 608        | SSB                                 | VN000000SSB6         | 2.845.000.000                                      | 5,0000000                                                                             | 142.250.000                                                                           | 4.991.629                                                                        | 137.258.371                                                                                                         |
| 609        | SSC                                 | VN000000SSC4         | 14.992.367                                         | 49,0000000                                                                            | 7.346.259                                                                             | 120.057                                                                          | 7.226.202                                                                                                           |
| 610        | SSI                                 | VN000000SSI1         | 2.493.089.220                                      | 100,0000000                                                                           | 2.493.089.220                                                                         | 788.409.126                                                                      | 1.704.680.094                                                                                                       |
| 611        | ST8                                 | VN000000ST84         | 25.720.902                                         | 50,0000000                                                                            | 12.860.451                                                                            | 191.372                                                                          | 12.669.079                                                                                                          |
| 612        | STB                                 | VN000000STB4         | 1.885.215.716                                      | 30,0000000                                                                            | 565.564.714                                                                           | 235.517.621                                                                      | 330.047.093                                                                                                         |
| 613        | STG                                 | VN000000STG3         | 98.253.357                                         | 34,0000000                                                                            | 33.406.141                                                                            | 29.515.447                                                                       | 3.890.694                                                                                                           |
| 614        | STK                                 | VN000000STK5         | 140.123.130                                        | 100,0000000                                                                           | 140.123.130                                                                           | 24.731.941                                                                       | 115.391.189                                                                                                         |
| 615        | SVC                                 | VN000000SVC8         | 93.278.289                                         | 49,0000000                                                                            | 45.706.361                                                                            | 1.324.106                                                                        | 44.382.255                                                                                                          |
| 616        | SVD                                 | VN000000SVD6         | 27.605.908                                         | 49,0000000                                                                            | 13.526.894                                                                            | 38.178                                                                           | 13.488.716                                                                                                          |
| 617        | SVT                                 | VN000000SVT2         | 17.310.978                                         | 50,0000000                                                                            | 8.655.489                                                                             | 51.581                                                                           | 8.603.908                                                                                                           |
| 618        | SZC                                 | VN000000SZC9         | 179.985.863                                        | 20,0000000                                                                            | 35.997.172                                                                            | 7.972.756                                                                        | 28.024.416                                                                                                          |
| 619        | SZL                                 | VN000000SZL0         | 29.114.840                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.730.375                                                                        | -4.730.375                                                                                                          |
| 620        | TAL                                 | VN000000TAL1         | 360.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 176.400.000                                                                           | 36.177.650                                                                       | 140.222.350                                                                                                         |
| 621        | TBC                                 | VN000000TBC8         | 63.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 31.115.000                                                                            | 486.505                                                                          | 30.628.495                                                                                                          |
| 622        | TCB                                 | VN000000TCB8         | 7.086.240.414                                      | 22,5386000                                                                            | 1.597.139.381                                                                         | 1.597.094.051                                                                    | 45.330                                                                                                              |
| 623        | TCD                                 | VN000000TCD4         | 335.820.641                                        | 49,0000000                                                                            | 164.552.114                                                                           | 1.777.268                                                                        | 162.774.846                                                                                                         |
| 624        | TCH                                 | VN000000TCH5         | 912.109.224                                        | 51,0000000                                                                            | 465.175.704                                                                           | 115.822.759                                                                      | 349.352.945                                                                                                         |
| 625        | TCI                                 | VN000000TCI3         | 115.620.964                                        | 100,0000000                                                                           | 115.620.964                                                                           | 5.907.853                                                                        | 109.713.111                                                                                                         |
| 626        | TCL                                 | VN000000TCL7         | 30.158.436                                         | 49,0000000                                                                            | 14.777.633                                                                            | 1.657.892                                                                        | 13.119.741                                                                                                          |
| 627        | TCM                                 | VN000000TCM5         | 112.139.205                                        | 50,0000000                                                                            | 56.069.602                                                                            | 54.183.929                                                                       | 1.885.673                                                                                                           |
| 628        | TCO                                 | VN000000TCO1         | 31.320.622                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 54.117                                                                           | -54.117                                                                                                             |
| 629        | TCR                                 | VN000000TCR4         | 10.373.190                                         | 49,0000000                                                                            | 5.082.863                                                                             | 4.844.084                                                                        | 238.779                                                                                                             |
| 630        | TCT                                 | VN000000TCT0         | 12.788.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.299.790                                                                        | -1.299.790                                                                                                          |
| 631        | TCX                                 | VN000000TCX2         | 2.311.583.496                                      | 100,0000000                                                                           | 2.311.583.496                                                                         | 228.393.248                                                                      | 2.083.190.248                                                                                                       |
| 632        | TDC                                 | VN000000TDC4         | 127.228.000                                        | 50,0000000                                                                            | 63.614.000                                                                            | 834.040                                                                          | 62.779.960                                                                                                          |
| 633        | TDG                                 | VN000000TDG5         | 24.211.190                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.234                                                                            | -1.234                                                                                                              |
| 634        | TDH                                 | VN000000TDH3         | 112.652.767                                        | 50,0000000                                                                            | 56.326.383                                                                            | 889.591                                                                          | 55.436.792                                                                                                          |
| 635        | TDM                                 | VN000000TDM3         | 111.100.000                                        | 50,0000000                                                                            | 55.550.000                                                                            | 860.563                                                                          | 54.689.437                                                                                                          |
| 636        | TDP                                 | VN000000TDP6         | 93.699.574                                         | 51,0000000                                                                            | 47.786.782                                                                            | 368.644                                                                          | 47.418.138                                                                                                          |
| 637        | TDW                                 | VN000000TDW2         | 8.500.000                                          | 50,0000000                                                                            | 4.250.000                                                                             | 75.721                                                                           | 4.174.279                                                                                                           |
| 638        | TEG                                 | VN000000TEG3         | 120.806.562                                        | 49,0000000                                                                            | 59.195.215                                                                            | 6.243.042                                                                        | 52.952.173                                                                                                          |
| 639        | THG                                 | VN000000THG6         | 31.129.907                                         | 49,0000000                                                                            | 15.253.654                                                                            | 1.128.257                                                                        | 14.125.397                                                                                                          |
| 640        | TIP                                 | VN000000TIP5         | 65.007.857                                         | 50,0000000                                                                            | 32.503.928                                                                            | 11.162.792                                                                       | 21.341.136                                                                                                          |
| 641        | TIX                                 | VN000000TIX9         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 138.659                                                                          | -138.659                                                                                                            |
| 642        | TLD                                 | VN000000TLD5         | 77.741.356                                         | 49,0000000                                                                            | 38.093.264                                                                            | 16.709                                                                           | 38.076.555                                                                                                          |
| 643        | TLG                                 | VN000000TLG8         | 96.528.340                                         | 100,0000000                                                                           | 96.528.340                                                                            | 11.714.873                                                                       | 84.813.467                                                                                                          |
| 644        | TLH                                 | VN000000TLH6         | 112.320.017                                        | 49,0000000                                                                            | 55.036.808                                                                            | 1.031.661                                                                        | 54.005.147                                                                                                          |
| 645        | TMP                                 | VN000000TMP7         | 70.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 35.000.000                                                                            | 407.984                                                                          | 34.592.016                                                                                                          |
| 646        | TMS                                 | VN000000TMS1         | 172.734.187                                        | 49,0000000                                                                            | 84.639.751                                                                            | 71.207.987                                                                       | 13.431.764                                                                                                          |
| 647        | TMT                                 | VN000000TMT9         | 37.287.680                                         | 49,0000000                                                                            | 18.270.963                                                                            | 853.380                                                                          | 17.417.583                                                                                                          |
| 648        | TNI                                 | VN000000TNI4         | 60.095.480                                         | 50,0000000                                                                            | 30.047.740                                                                            | 22.647                                                                           | 30.025.093                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 649        | TNC                                 | VN000000TNC3         | 19.250.000                                         | 50,0000000                                                                            | 9.625.000                                                                             | 107.663                                                                          | 9.517.337                                                                                                           |
| 650        | TNH                                 | VN000000TNH2         | 165.799.943                                        | 70,0000000                                                                            | 116.059.960                                                                           | 91.145.055                                                                       | 24.914.905                                                                                                          |
| 651        | TNI                                 | VN000000TNI0         | 52.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 25.725.000                                                                            | 58.688                                                                           | 25.666.312                                                                                                          |
| 652        | TNT                                 | VN000000TNT7         | 51.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.990.000                                                                            | 516.309                                                                          | 24.473.691                                                                                                          |
| 653        | TPB                                 | VN000000TPB0         | 2.774.046.873                                      | 30,0000000                                                                            | 832.214.061                                                                           | 677.276.879                                                                      | 154.937.182                                                                                                         |
| 654        | TPC                                 | VN000000TPC8         | 22.516.956                                         | 49,0000000                                                                            | 11.033.308                                                                            | 387.202                                                                          | 10.646.106                                                                                                          |
| 655        | TRA                                 | VN000000TRA8         | 41.453.673                                         | 49,0000000                                                                            | 20.312.299                                                                            | 19.218.395                                                                       | 1.093.904                                                                                                           |
| 656        | TRC                                 | VN000000TRC4         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 366.066                                                                          | 14.333.934                                                                                                          |
| 657        | TSA                                 | VN000000TSA6         | 40.424.994                                         | 49,0000000                                                                            | 19.808.247                                                                            | 18.300                                                                           | 19.789.947                                                                                                          |
| 658        | TSC                                 | VN000000TSC2         | 196.858.925                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 273.961                                                                          | -273.961                                                                                                            |
| 659        | TTA                                 | VN000000TTA4         | 178.559.087                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 714.157                                                                          | -714.157                                                                                                            |
| 660        | TTE                                 | VN000000TTE6         | 28.490.400                                         | 50,0000000                                                                            | 14.245.200                                                                            | 13.370                                                                           | 14.231.830                                                                                                          |
| 661        | TTF                                 | VN000000TTF3         | 411.198.302                                        | 50,0000000                                                                            | 205.599.151                                                                           | 22.138.451                                                                       | 183.460.700                                                                                                         |
| 662        | TV2                                 | VN000000TV22         | 67.526.165                                         | 15,0000000                                                                            | 10.128.924                                                                            | 5.178.127                                                                        | 4.950.797                                                                                                           |
| 663        | TVB                                 | VN000000TVB8         | 112.097.019                                        | 100,0000000                                                                           | 112.097.019                                                                           | 1.040.966                                                                        | 111.056.053                                                                                                         |
| 664        | TVS                                 | VN000000TVS2         | 224.439.917                                        | 49,0000000                                                                            | 109.975.559                                                                           | 40.081.228                                                                       | 69.894.331                                                                                                          |
| 665        | TVT                                 | VN000000TVT0         | 21.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 52.990                                                                           | -52.990                                                                                                             |
| 666        | TYA                                 | VN000000TYA4         | 6.134.773                                          | 100,0000000                                                                           | 6.134.773                                                                             | 2.214.509                                                                        | 3.920.264                                                                                                           |
| 667        | UIC                                 | VN000000UIC1         | 8.308.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 637.220                                                                          | -637.220                                                                                                            |
| 668        | VAB                                 | VN000000VAB8         | 816.360.672                                        | 0,5000000                                                                             | 4.081.803                                                                             | 4.056.118                                                                        | 25.685                                                                                                              |
| 669        | VAF                                 | VN000000VAF9         | 37.665.348                                         | 49,0000000                                                                            | 18.456.020                                                                            | 11.244                                                                           | 18.444.776                                                                                                          |
| 670        | VCA                                 | VN000000VCA6         | 15.187.322                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 18.075                                                                           | -18.075                                                                                                             |
| 671        | VCB                                 | VN000000VCB4         | 8.355.675.094                                      | 30,0000000                                                                            | 2.506.702.528                                                                         | 1.698.678.356                                                                    | 808.024.172                                                                                                         |
| 672        | VCF                                 | VN000000VCF5         | 26.579.135                                         | 49,0000000                                                                            | 13.023.776                                                                            | 133.258                                                                          | 12.890.518                                                                                                          |
| 673        | VCG                                 | VN000000VCG3         | 646.468.336                                        | 49,0000000                                                                            | 316.769.484                                                                           | 19.543.560                                                                       | 297.225.924                                                                                                         |
| 674        | VCI                                 | VN000000VCI9         | 850.100.000                                        | 100,0000000                                                                           | 850.100.000                                                                           | 167.774.835                                                                      | 682.325.165                                                                                                         |
| 675        | VCK                                 | VN000000VCK5         | 1.521.825.700                                      | 100,0000000                                                                           | 1.521.825.700                                                                         | 67.055.852                                                                       | 1.454.769.848                                                                                                       |
| 676        | VDP                                 | VN000000VDP2         | 22.083.392                                         | 100,0000000                                                                           | 22.083.392                                                                            | 37.761                                                                           | 22.045.631                                                                                                          |
| 677        | VDS                                 | VN000000VDS6         | 272.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 272.000.000                                                                           | 2.751.429                                                                        | 269.248.571                                                                                                         |
| 678        | VFG                                 | VN000000VFG6         | 41.714.614                                         | 51,0000000                                                                            | 21.274.453                                                                            | 805.907                                                                          | 20.468.546                                                                                                          |
| 679        | VGC                                 | VN000000VGC3         | 448.350.000                                        | 49,0000000                                                                            | 219.691.500                                                                           | 10.599.774                                                                       | 209.091.726                                                                                                         |
| 680        | VHC                                 | VN000000VHC1         | 224.453.159                                        | 100,0000000                                                                           | 224.453.159                                                                           | 44.966.124                                                                       | 179.487.035                                                                                                         |
| 681        | VHM                                 | VN000000VHM0         | 4.107.412.004                                      | 50,0000000                                                                            | 2.053.706.002                                                                         | 312.440.336                                                                      | 1.741.265.666                                                                                                       |
| 682        | VIB                                 | VN000000VIB1         | 3.404.005.710                                      | 4,9900000                                                                             | 169.859.884                                                                           | 169.057.184                                                                      | 802.700                                                                                                             |
| 683        | VIC                                 | VN000000VIC9         | 7.733.491.896                                      | 48,0175960                                                                            | 3.713.436.895                                                                         | 266.559.814                                                                      | 3.446.877.081                                                                                                       |
| 684        | VID                                 | VN000000VID7         | 40.836.069                                         | 50,0000000                                                                            | 20.418.034                                                                            | 176.923                                                                          | 20.241.111                                                                                                          |
| 685        | VIP                                 | VN000000VIP1         | 68.470.941                                         | 49,0000000                                                                            | 33.550.761                                                                            | 3.582.464                                                                        | 29.968.297                                                                                                          |
| 686        | VIX                                 | VN000000VIX5         | 1.531.429.858                                      | 100,0000000                                                                           | 1.531.429.858                                                                         | 123.761.183                                                                      | 1.407.668.675                                                                                                       |
| 687        | VJC                                 | VN000000VJC7         | 591.611.334                                        | 30,0000000                                                                            | 177.483.400                                                                           | 38.395.006                                                                       | 139.088.394                                                                                                         |
| 688        | VMD                                 | VN000000VMD9         | 15.440.268                                         | 49,0000000                                                                            | 7.565.731                                                                             | 194.411                                                                          | 7.371.320                                                                                                           |
| 689        | VND                                 | VN000000VND7         | 1.522.299.908                                      | 100,0000000                                                                           | 1.522.299.908                                                                         | 147.436.398                                                                      | 1.374.863.510                                                                                                       |
| 690        | VNE                                 | VN000000VNE5         | 90.432.953                                         | 49,0000000                                                                            | 44.312.146                                                                            | 656.415                                                                          | 43.655.731                                                                                                          |
| 691        | VNG                                 | VN000000VNG0         | 97.276.608                                         | 49,0000000                                                                            | 47.665.537                                                                            | 3.171.940                                                                        | 44.493.597                                                                                                          |
| 692        | VNL                                 | VN000000VNL0         | 14.140.487                                         | 49,0000000                                                                            | 6.928.838                                                                             | 1.666.863                                                                        | 5.261.975                                                                                                           |
| 693        | VNM                                 | VN000000VNM8         | 2.089.955.445                                      | 100,0000000                                                                           | 2.089.955.445                                                                         | 1.023.768.175                                                                    | 1.066.187.270                                                                                                       |
| 694        | VNS                                 | VN000000VNS5         | 67.859.192                                         | 49,0000000                                                                            | 33.251.004                                                                            | 1.715.538                                                                        | 31.535.466                                                                                                          |

| STT/<br>NO        | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 695               | VOS                                 | VN000000VOS3         | 140.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 68.600.000                                                                            | 1.987.926                                                                        | 66.612.074                                                                                                          |
| 696               | VPB                                 | VN000000VPB6         | 7.933.923.601                                      | 30,0000000                                                                            | 2.380.177.080                                                                         | 1.971.691.427                                                                    | 408.485.653                                                                                                         |
| 697               | VPD                                 | VN000000VPD2         | 106.589.629                                        | 50,0000000                                                                            | 53.294.814                                                                            | 33.200.169                                                                       | 20.094.645                                                                                                          |
| 698               | VPG                                 | VN000000VPG5         | 88.415.751                                         | 49,0000000                                                                            | 43.323.717                                                                            | 401.334                                                                          | 42.922.383                                                                                                          |
| 699               | VPH                                 | VN000000VPH3         | 95.357.800                                         | 49,0000000                                                                            | 46.725.322                                                                            | 364.583                                                                          | 46.360.739                                                                                                          |
| 700               | VPI                                 | VN000000VPI1         | 320.049.577                                        | 49,0000000                                                                            | 156.824.292                                                                           | 30.839.616                                                                       | 125.984.676                                                                                                         |
| 701               | VPL                                 | VN000000VPL5         | 1.793.300.377                                      | 49,0000000                                                                            | 878.717.184                                                                           | 19.598.497                                                                       | 859.118.687                                                                                                         |
| 702               | VPS                                 | VN000000VPS0         | 24.460.792                                         | 49,0000000                                                                            | 11.985.788                                                                            | 24.523                                                                           | 11.961.265                                                                                                          |
| 703               | VPX                                 | VN000000VPX0         | 1.875.000.000                                      | 100,0000000                                                                           | 1.875.000.000                                                                         | 96.643.420                                                                       | 1.778.356.580                                                                                                       |
| 704               | VRC                                 | VN000000VRC0         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.500.000                                                                            | 50.444                                                                           | 24.449.556                                                                                                          |
| 705               | VRE                                 | VN000000VRE6         | 2.328.818.410                                      | 49,0000000                                                                            | 1.141.121.020                                                                         | 274.012.534                                                                      | 867.108.486                                                                                                         |
| 706               | VSC                                 | VN000000VSC8         | 374.370.362                                        | 49,0000000                                                                            | 183.441.477                                                                           | 5.822.379                                                                        | 177.619.098                                                                                                         |
| 707               | VSH                                 | VN000000VSH7         | 236.241.246                                        | 49,0000000                                                                            | 115.758.210                                                                           | 2.821.754                                                                        | 112.936.456                                                                                                         |
| 708               | VSI                                 | VN000000VSI5         | 13.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.468.000                                                                             | 81.666                                                                           | 6.386.334                                                                                                           |
| 709               | VTB                                 | VN000000VTB8         | 11.982.050                                         | 49,0000000                                                                            | 5.871.204                                                                             | 191.319                                                                          | 5.679.885                                                                                                           |
| 710               | VTO                                 | VN000000VTO1         | 79.866.666                                         | 49,0000000                                                                            | 39.134.666                                                                            | 3.226.206                                                                        | 35.908.460                                                                                                          |
| 711               | VTP                                 | VN000000VTP8         | 121.783.042                                        | 49,0000000                                                                            | 59.673.690                                                                            | 5.984.497                                                                        | 53.689.193                                                                                                          |
| 712               | VVS                                 | VN000000VVS8         | 21.525.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.547.250                                                                            | 499.115                                                                          | 10.048.135                                                                                                          |
| 713               | YBM                                 | VN000000YBM7         | 32.174.525                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 41.260                                                                           | -41.260                                                                                                             |
| 714               | YEG                                 | VN000000YEG3         | 191.802.035                                        | 49,0000000                                                                            | 93.982.997                                                                            | 23.775.274                                                                       | 70.207.723                                                                                                          |
| 715               |                                     | VN0CVPB25130         | 29.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 29.500.000                                                                            | 0                                                                                | 29.500.000                                                                                                          |
| <b>Tổng (STO)</b> |                                     |                      | 218.380.667.865                                    |                                                                                       | 97.339.342.796                                                                        | 31.541.534.244                                                                   | 65.797.808.552                                                                                                      |
| <b>V. STX</b>     |                                     |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                       |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                 | AAV                                 | VN000000AAV0         | 68.987.661                                         | 49,0000000                                                                            | 33.803.953                                                                            | 69.355                                                                           | 33.734.598                                                                                                          |
| 2                 | ADC                                 | VN000000ADC4         | 3.977.936                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 327.765                                                                          | -327.765                                                                                                            |
| 3                 | ALT                                 | VN000000ALT1         | 6.172.523                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 192.847                                                                          | -192.847                                                                                                            |
| 4                 | AMC                                 | VN000000AMC5         | 4.274.990                                          | 50,0000000                                                                            | 2.137.495                                                                             | 90.600                                                                           | 2.046.895                                                                                                           |
| 5                 | AME                                 | VN000000AME1         | 65.200.000                                         | 50,0000000                                                                            | 32.600.000                                                                            | 1.455.305                                                                        | 31.144.695                                                                                                          |
| 6                 | AMV                                 | VN000000AMV5         | 131.105.650                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 372.374                                                                          | -372.374                                                                                                            |
| 7                 | API                                 | VN000000API5         | 84.083.976                                         | 49,0000000                                                                            | 41.201.148                                                                            | 1.982.430                                                                        | 39.218.718                                                                                                          |
| 8                 | APS                                 | VN000000APS4         | 83.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 83.000.000                                                                            | 605.566                                                                          | 82.394.434                                                                                                          |
| 9                 | ARM                                 | VN000000ARM3         | 3.111.283                                          | 49,0000000                                                                            | 1.524.528                                                                             | 2.532                                                                            | 1.521.996                                                                                                           |
| 10                | ATS                                 | VN000000ATS6         | 3.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.400                                                                            | -3.400                                                                                                              |
| 11                | BAB                                 | VN000000BAB0         | 1.072.140.201                                      | 30,0000000                                                                            | 321.642.060                                                                           | 32.007                                                                           | 321.610.053                                                                                                         |
| 12                | BAX                                 | VN000000BAX4         | 8.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.018.000                                                                             | 1.388.788                                                                        | 2.629.212                                                                                                           |
| 13                | BBS                                 | VN000000BBS2         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                             | 39.692                                                                           | 2.900.308                                                                                                           |
| 14                | BCC                                 | VN000000BCC4         | 123.209.812                                        | 49,0000000                                                                            | 60.372.807                                                                            | 813.930                                                                          | 59.558.877                                                                                                          |
| 15                | BCF                                 | VN000000BCF7         | 37.964.770                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 16                | BCH                                 | VN000000BCH3         | 21.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 17                | BED                                 | VN000000BED8         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 18                | BKC                                 | VN000000BKC7         | 23.475.456                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 27.010                                                                           | -27.010                                                                                                             |
| 19                | BNA                                 | VN000000BNA5         | 31.249.394                                         | 50,0000000                                                                            | 15.624.697                                                                            | 284.492                                                                          | 15.340.205                                                                                                          |
| 20                | BPC                                 | VN000000BPC6         | 3.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.862.000                                                                             | 39.660                                                                           | 1.822.340                                                                                                           |
| 21                | BTS                                 | VN000000BTS4         | 123.559.858                                        | 49,0000000                                                                            | 60.544.330                                                                            | 143.214                                                                          | 60.401.116                                                                                                          |
| 22                | BTW                                 | VN000000BTW6         | 9.360.000                                          | 25,0000000                                                                            | 2.340.000                                                                             | 96.130                                                                           | 2.243.870                                                                                                           |
| 23                | BVS                                 | VN000000BVS0         | 72.233.937                                         | 100,0000000                                                                           | 72.233.937                                                                            | 877.486                                                                          | 71.356.451                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 24         | BXH                                 | VN000000BXH9         | 3.012.040                                          | 49,0000000                                                                            | 1.475.899                                                                             | 0                                                                                | 1.475.899                                                                                                           |
| 25         | C69                                 | VN000000C697         | 61.799.972                                         | 49,0000000                                                                            | 30.281.986                                                                            | 87.060                                                                           | 30.194.926                                                                                                          |
| 26         | CAG                                 | VN000000CAG7         | 13.800.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 27.500                                                                           | -27.500                                                                                                             |
| 27         | CAN                                 | VN000000CAN3         | 5.000.000                                          | 50,0000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 34.720                                                                           | 2.465.280                                                                                                           |
| 28         | CAP                                 | VN000000CAP8         | 15.269.965                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 104.763                                                                          | -104.763                                                                                                            |
| 29         | CAR                                 | VN000000CAR4         | 5.565.004                                          | 50,0000000                                                                            | 2.782.502                                                                             | 440                                                                              | 2.782.062                                                                                                           |
| 30         | CCR                                 | VN000000CCR0         | 24.501.817                                         | 49,0000000                                                                            | 12.005.890                                                                            | 21.200                                                                           | 11.984.690                                                                                                          |
| 31         | CDN                                 | VN000000CDN7         | 99.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 48.510.000                                                                            | 20.145.919                                                                       | 28.364.081                                                                                                          |
| 32         | CEO                                 | VN000000CEO3         | 567.416.075                                        | 49,0000000                                                                            | 278.033.876                                                                           | 18.913.281                                                                       | 259.120.595                                                                                                         |
| 33         | CET                                 | VN000000CET2         | 6.050.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.964.500                                                                             | 8.530                                                                            | 2.955.970                                                                                                           |
| 34         | CIA                                 | VN000000CIA3         | 18.661.243                                         | 30,0000000                                                                            | 5.598.372                                                                             | 257.753                                                                          | 5.340.619                                                                                                           |
| 35         | CJC                                 | VN000000CJC7         | 8.000.000                                          | 30,0000000                                                                            | 2.400.000                                                                             | 21.000                                                                           | 2.379.000                                                                                                           |
| 36         | CKV                                 | VN000000CKV5         | 4.050.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.984.500                                                                             | 5.830                                                                            | 1.978.670                                                                                                           |
| 37         | CLH                                 | VN000000CLH2         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                             | 695.300                                                                          | 5.184.700                                                                                                           |
| 38         | CLM                                 | VN000000CLM2         | 11.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 39         | CMC                                 | VN000000CMC1         | 5.108.347                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 13.574                                                                           | -13.574                                                                                                             |
| 40         | CMS                                 | VN000000CMS7         | 25.452.500                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.520                                                                            | -2.520                                                                                                              |
| 41         | CPC                                 | VN000000CPC4         | 4.303.050                                          | 49,0000000                                                                            | 2.108.494                                                                             | 116.512                                                                          | 1.991.982                                                                                                           |
| 42         | CSC                                 | VN000000CSC8         | 41.149.264                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 20.528                                                                           | -20.528                                                                                                             |
| 43         | CST                                 | VN000000CST2         | 42.846.773                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.707.624                                                                        | -1.707.624                                                                                                          |
| 44         | CTB                                 | VN000000CTB8         | 20.519.960                                         | 50,0000000                                                                            | 10.259.980                                                                            | 82.677                                                                           | 10.177.303                                                                                                          |
| 45         | CTP                                 | VN000000CTP8         | 12.099.992                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 49.998                                                                           | -49.998                                                                                                             |
| 46         | CTT                                 | VN000000CTT0         | 4.697.351                                          | 49,0000000                                                                            | 2.301.701                                                                             | 11.000                                                                           | 2.290.701                                                                                                           |
| 47         | CX8                                 | VN000000CX86         | 2.553.771                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 7.653                                                                            | -7.653                                                                                                              |
| 48         | D11                                 | VN000000D117         | 8.218.456                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.508                                                                            | -2.508                                                                                                              |
| 49         | DAD                                 | VN000000DAD2         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.398.904                                                                        | -1.398.904                                                                                                          |
| 50         | DAE                                 | VN000000DAE0         | 1.925.658                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 9.533                                                                            | -9.533                                                                                                              |
| 51         | DC2                                 | VN000000DC23         | 11.304.699                                         | 50,0000000                                                                            | 5.652.349                                                                             | 187.846                                                                          | 5.464.503                                                                                                           |
| 52         | DDG                                 | VN000000DDG9         | 79.839.886                                         | 50,0000000                                                                            | 39.919.943                                                                            | 405.750                                                                          | 39.514.193                                                                                                          |
| 53         | DHP                                 | VN000000DHP1         | 9.492.200                                          | 49,0000000                                                                            | 4.651.178                                                                             | 60.800                                                                           | 4.590.378                                                                                                           |
| 54         | DHT                                 | VN000000DHT3         | 90.575.551                                         | 50,0000000                                                                            | 45.287.775                                                                            | 36.923.943                                                                       | 8.363.832                                                                                                           |
| 55         | DIH                                 | VN000000DIH6         | 6.894.164                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.896                                                                            | -3.896                                                                                                              |
| 56         | DL1                                 | VN000000DL14         | 180.600.387                                        | 49,0000000                                                                            | 88.494.189                                                                            | 613.962                                                                          | 87.880.227                                                                                                          |
| 57         | DNC                                 | VN000000DNC7         | 10.034.681                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 23.932                                                                           | -23.932                                                                                                             |
| 58         | DNP                                 | VN000000DNP9         | 140.974.846                                        | 50,0000000                                                                            | 70.487.423                                                                            | 215.191                                                                          | 70.272.232                                                                                                          |
| 59         | DP3                                 | VN000000DP36         | 21.499.933                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 188.161                                                                          | -188.161                                                                                                            |
| 60         | DS3                                 | VN000000DS33         | 10.669.730                                         | 49,0000000                                                                            | 5.228.167                                                                             | 13.900                                                                           | 5.214.267                                                                                                           |
| 61         | DST                                 | VN000000DST0         | 32.300.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 11.950                                                                           | -11.950                                                                                                             |
| 62         | DTD                                 | VN000000DTD2         | 66.686.055                                         | 49,0000000                                                                            | 32.676.166                                                                            | 294.978                                                                          | 32.381.188                                                                                                          |
| 63         | DTG                                 | VN000000DTG5         | 9.605.318                                          | 50,0000000                                                                            | 4.802.659                                                                             | 10.471                                                                           | 4.792.188                                                                                                           |
| 64         | DTK                                 | VN000000DTK7         | 682.767.475                                        | 35,0000000                                                                            | 238.968.616                                                                           | 64.950                                                                           | 238.903.666                                                                                                         |
| 65         | DVM                                 | VN000000DVM9         | 47.057.787                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 66         | DXP                                 | VN000000DXP8         | 59.910.133                                         | 49,0000000                                                                            | 29.355.965                                                                            | 976.684                                                                          | 28.379.281                                                                                                          |
| 67         | EBS                                 | VN000000EBS6         | 10.219.484                                         | 49,0000000                                                                            | 5.007.547                                                                             | 56.039                                                                           | 4.951.508                                                                                                           |
| 68         | ECI                                 | VN000000ECI5         | 1.860.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 89.100                                                                           | -89.100                                                                                                             |
| 69         | EID                                 | VN000000EID3         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.819.302                                                                        | -1.819.302                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 70         | EVS                                 | VN000000EVS4         | 164.800.618                                        | 100,000000                                                                            | 164.800.618                                                                           | 42.720                                                                           | 164.757.898                                                                                                         |
| 71         | FID                                 | VN000000FID0         | 24.715.958                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.132                                                                            | -1.132                                                                                                              |
| 72         | GDW                                 | VN000000GDW9         | 9.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 4.655.000                                                                             | 675.704                                                                          | 3.979.296                                                                                                           |
| 73         | GIC                                 | VN000000GIC0         | 13.331.988                                         | 49,000000                                                                             | 6.532.674                                                                             | 1.347.441                                                                        | 5.185.233                                                                                                           |
| 74         | GKM                                 | VN000000GKM5         | 31.434.237                                         | 50,000000                                                                             | 15.717.118                                                                            | 86.028                                                                           | 15.631.090                                                                                                          |
| 75         | GLT                                 | VN000000GLT8         | 10.456.092                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 155.202                                                                          | -155.202                                                                                                            |
| 76         | GMA                                 | VN000000GMA6         | 19.999.999                                         | 50,000000                                                                             | 9.999.999                                                                             | 0                                                                                | 9.999.999                                                                                                           |
| 77         | GMX                                 | VN000000GMX8         | 9.040.697                                          | 50,000000                                                                             | 4.520.348                                                                             | 541.510                                                                          | 3.978.838                                                                                                           |
| 78         | HAD                                 | VN000000HAD3         | 4.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.960.000                                                                             | 413.916                                                                          | 1.546.084                                                                                                           |
| 79         | HAT                                 | VN000000HAT9         | 3.123.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.530.270                                                                             | 114.645                                                                          | 1.415.625                                                                                                           |
| 80         | HBS                                 | VN000000HBS9         | 32.999.980                                         | 49,000000                                                                             | 16.169.990                                                                            | 121.832                                                                          | 16.048.158                                                                                                          |
| 81         | HCC                                 | VN000000HCC1         | 6.518.586                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 903.415                                                                          | -903.415                                                                                                            |
| 82         | HCT                                 | VN000000HCT5         | 2.016.385                                          | 49,000000                                                                             | 988.028                                                                               | 7.700                                                                            | 980.328                                                                                                             |
| 83         | HDA                                 | VN000000HDA3         | 27.599.967                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 49.173                                                                           | -49.173                                                                                                             |
| 84         | HEV                                 | VN000000HEV7         | 5.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 25.867                                                                           | -25.867                                                                                                             |
| 85         | HGM                                 | VN000000HGM1         | 12.600.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.174.000                                                                             | 35.547                                                                           | 6.138.453                                                                                                           |
| 86         | HHC                                 | VN000000HHC0         | 16.425.000                                         | 49,000000                                                                             | 8.048.250                                                                             | 27.400                                                                           | 8.020.850                                                                                                           |
| 87         | HJS                                 | VN000000HJS2         | 20.999.900                                         | 49,000000                                                                             | 10.289.951                                                                            | 33.595                                                                           | 10.256.356                                                                                                          |
| 88         | HKT                                 | VN000000HKT8         | 33.335.029                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 13.590                                                                           | -13.590                                                                                                             |
| 89         | HLC                                 | VN000000HLC2         | 25.415.199                                         | 49,000000                                                                             | 12.453.447                                                                            | 1.757.243                                                                        | 10.696.204                                                                                                          |
| 90         | HLD                                 | VN000000HLD0         | 54.999.961                                         | 49,000000                                                                             | 26.949.980                                                                            | 1.421.850                                                                        | 25.528.130                                                                                                          |
| 91         | HMH                                 | VN000000HMH9         | 13.842.229                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 54.619                                                                           | -54.619                                                                                                             |
| 92         | HMR                                 | VN000000HMR8         | 5.612.444                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 93         | HOM                                 | VN000000HOM5         | 74.769.131                                         | 49,000000                                                                             | 36.636.874                                                                            | 1.063.004                                                                        | 35.573.870                                                                                                          |
| 94         | HTC                                 | VN000000HTC5         | 16.499.993                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 7.950                                                                            | -7.950                                                                                                              |
| 95         | HUT                                 | VN000000HUT7         | 1.068.285.581                                      | 49,000000                                                                             | 523.459.934                                                                           | 11.959.715                                                                       | 511.500.219                                                                                                         |
| 96         | HVT                                 | VN000000HVT5         | 27.470.046                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 127.049                                                                          | -127.049                                                                                                            |
| 97         | ICG                                 | VN000000ICG0         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 1.232.704                                                                        | 8.567.296                                                                                                           |
| 98         | IDC                                 | VN000000IDC7         | 379.498.823                                        | 49,000000                                                                             | 185.954.423                                                                           | 61.282.430                                                                       | 124.671.993                                                                                                         |
| 99         | IDJ                                 | VN000000IDJ2         | 173.490.193                                        | 50,000000                                                                             | 86.745.096                                                                            | 998.669                                                                          | 85.746.427                                                                                                          |
| 100        | IDV                                 | VN000000IDV7         | 41.236.777                                         | 30,000000                                                                             | 12.371.033                                                                            | 8.117.029                                                                        | 4.254.004                                                                                                           |
| 101        | INC                                 | VN000000INC6         | 3.200.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 187.400                                                                          | -187.400                                                                                                            |
| 102        | INN                                 | VN000000INN3         | 27.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 13.230.000                                                                            | 987.252                                                                          | 12.242.748                                                                                                          |
| 103        | IPA                                 | VN000000IPA5         | 213.835.775                                        | 50,000000                                                                             | 106.917.887                                                                           | 893.148                                                                          | 106.024.739                                                                                                         |
| 104        | ITQ                                 | VN000000ITQ3         | 31.843.305                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 34.700                                                                           | -34.700                                                                                                             |
| 105        | IVS                                 | VN000000IVS5         | 104.923.336                                        | 100,000000                                                                            | 104.923.336                                                                           | 89.883.659                                                                       | 15.039.677                                                                                                          |
| 106        | KDM                                 | VN000000KDM2         | 7.596.981                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 70                                                                               | -70                                                                                                                 |
| 107        | KHS                                 | VN000000KHS0         | 13.904.571                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 24.760                                                                           | -24.760                                                                                                             |
| 108        | KKC                                 | VN000000KKC8         | 5.200.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.548.000                                                                             | 20.859                                                                           | 2.527.141                                                                                                           |
| 109        | KMT                                 | VN000000KMT8         | 9.846.562                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.717                                                                            | -1.717                                                                                                              |
| 110        | KSD                                 | VN000000KSD9         | 12.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.880.000                                                                             | 3.002.002                                                                        | 2.877.998                                                                                                           |
| 111        | KSF                                 | VN000000KSF4         | 899.787.308                                        | 50,000000                                                                             | 449.893.654                                                                           | 130.371                                                                          | 449.763.283                                                                                                         |
| 112        | KST                                 | VN000000KST5         | 5.992.020                                          | 49,000000                                                                             | 2.936.089                                                                             | 18.600                                                                           | 2.917.489                                                                                                           |
| 113        | KSV                                 | VN000000KSV1         | 200.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 300                                                                              | -300                                                                                                                |
| 114        | KTS                                 | VN000000KTS5         | 5.070.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.484.300                                                                             | 8.200                                                                            | 2.476.100                                                                                                           |
| 115        | L14                                 | VN000000L144         | 30.859.515                                         | 49,000000                                                                             | 15.121.162                                                                            | 75.487                                                                           | 15.045.675                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 116        | L18                                 | VN000000L185         | 45.739.793                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.080                                                                            | -1.080                                                                                                              |
| 117        | L40                                 | VN000000L409         | 10.800.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 300                                                                              | -300                                                                                                                |
| 118        | LAS                                 | VN000000LAS3         | 112.856.400                                        | 49,000000                                                                             | 55.299.636                                                                            | 81.790                                                                           | 55.217.846                                                                                                          |
| 119        | LBE                                 | VN000000LBE1         | 3.100.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.519.000                                                                             | 67.181                                                                           | 1.451.819                                                                                                           |
| 120        | LCD                                 | VN000000LCD1         | 1.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 735.000                                                                               | 0                                                                                | 735.000                                                                                                             |
| 121        | LDP                                 | VN000000LDP3         | 18.728.167                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 26.297                                                                           | -26.297                                                                                                             |
| 122        | LHC                                 | VN000000LHC2         | 14.400.000                                         | 50,000000                                                                             | 7.200.000                                                                             | 76.380                                                                           | 7.123.620                                                                                                           |
| 123        | LIG                                 | VN000000LIG1         | 95.084.569                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 948                                                                              | -948                                                                                                                |
| 124        | MAC                                 | VN000000MAC5         | 43.956.069                                         | 49,000000                                                                             | 21.538.473                                                                            | 25.464                                                                           | 21.513.009                                                                                                          |
| 125        | MAS                                 | VN000000MAS1         | 4.267.683                                          | 30,000000                                                                             | 1.280.304                                                                             | 640.138                                                                          | 640.166                                                                                                             |
| 126        | MBG                                 | VN000000MBG4         | 120.218.540                                        | 49,000000                                                                             | 58.907.084                                                                            | 2.305.006                                                                        | 56.602.078                                                                                                          |
| 127        | MBS                                 | VN000000MBS9         | 667.318.981                                        | 49,000000                                                                             | 326.986.300                                                                           | 3.268.319                                                                        | 323.717.981                                                                                                         |
| 128        | MCC                                 | VN000000MCC1         | 5.016.124                                          | 49,000000                                                                             | 2.457.900                                                                             | 4.053                                                                            | 2.453.847                                                                                                           |
| 129        | MCF                                 | VN000000MCF4         | 10.777.838                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 158.714                                                                          | -158.714                                                                                                            |
| 130        | MCO                                 | VN000000MCO6         | 4.103.929                                          | 49,000000                                                                             | 2.010.925                                                                             | 22.620                                                                           | 1.988.305                                                                                                           |
| 131        | MDC                                 | VN000000MDC9         | 21.418.346                                         | 49,000000                                                                             | 10.494.989                                                                            | 3.806.229                                                                        | 6.688.760                                                                                                           |
| 132        | MED                                 | VN000000MED5         | 12.410.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.900                                                                            | -1.900                                                                                                              |
| 133        | MEL                                 | VN000000MEL8         | 15.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.350.000                                                                             | 6.100                                                                            | 7.343.900                                                                                                           |
| 134        | MIC                                 | VN000000MIC8         | 8.577.770                                          | 49,000000                                                                             | 4.203.107                                                                             | 72.517                                                                           | 4.130.590                                                                                                           |
| 135        | MIRGIC261                           | VNMIRGIC2615         | 12.120.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.120.000                                                                            | 1.259.600                                                                        | 10.860.400                                                                                                          |
| 136        | MIRSCI261                           | VNMIRSCI2611         | 30.491.409                                         | 100,000000                                                                            | 30.491.409                                                                            | 157.405                                                                          | 30.334.004                                                                                                          |
| 137        | MKV                                 | VN000000MKV4         | 5.000.038                                          | 49,000000                                                                             | 2.450.018                                                                             | 157.161                                                                          | 2.292.857                                                                                                           |
| 138        | MST                                 | VN000000MST1         | 113.604.220                                        | 49,000000                                                                             | 55.666.067                                                                            | 1.964.820                                                                        | 53.701.247                                                                                                          |
| 139        | MVB                                 | VN000000MVB3         | 105.000.000                                        | 49,000000                                                                             | 51.450.000                                                                            | 69.720                                                                           | 51.380.280                                                                                                          |
| 140        | NAG                                 | VN000000NAG4         | 38.620.235                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 243.991                                                                          | -243.991                                                                                                            |
| 141        | NAP                                 | VN000000NAP5         | 21.517.200                                         | 49,000000                                                                             | 10.543.428                                                                            | 400                                                                              | 10.543.028                                                                                                          |
| 142        | NBC                                 | VN000000NBC1         | 36.999.124                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.215.695                                                                        | -1.215.695                                                                                                          |
| 143        | NBP                                 | VN000000NBP3         | 12.865.500                                         | 49,000000                                                                             | 6.304.095                                                                             | 178.700                                                                          | 6.125.395                                                                                                           |
| 144        | NBW                                 | VN000000NBW9         | 10.900.000                                         | 25,000000                                                                             | 2.725.000                                                                             | 621.600                                                                          | 2.103.400                                                                                                           |
| 145        | NDN                                 | VN000000NDN4         | 71.657.936                                         | 50,000000                                                                             | 35.828.968                                                                            | 865.365                                                                          | 34.963.603                                                                                                          |
| 146        | NDX                                 | VN000000NDX3         | 9.987.557                                          | 49,000000                                                                             | 4.893.902                                                                             | 75.501                                                                           | 4.818.401                                                                                                           |
| 147        | NET                                 | VN000000NET9         | 22.398.374                                         | 49,000000                                                                             | 10.975.203                                                                            | 193.974                                                                          | 10.781.229                                                                                                          |
| 148        | NFC                                 | VN000000NFC2         | 15.731.260                                         | 49,000000                                                                             | 7.708.317                                                                             | 20.900                                                                           | 7.687.417                                                                                                           |
| 149        | NHC                                 | VN000000NHC8         | 3.041.542                                          | 49,000000                                                                             | 1.490.355                                                                             | 334.995                                                                          | 1.155.360                                                                                                           |
| 150        | NRC                                 | VN000000NRC7         | 92.597.762                                         | 50,000000                                                                             | 46.298.881                                                                            | 214.094                                                                          | 46.084.787                                                                                                          |
| 151        | NSH                                 | VN000000NSH4         | 20.693.437                                         | 49,000000                                                                             | 10.139.784                                                                            | 270.700                                                                          | 9.869.084                                                                                                           |
| 152        | NST                                 | VN000000NST9         | 11.202.003                                         | 49,000000                                                                             | 5.488.981                                                                             | 180.710                                                                          | 5.308.271                                                                                                           |
| 153        | NTH                                 | VN000000NTH2         | 10.802.053                                         | 49,000000                                                                             | 5.293.005                                                                             | 18.000                                                                           | 5.275.005                                                                                                           |
| 154        | NTP                                 | VN000000NTP5         | 171.038.220                                        | 50,000000                                                                             | 85.519.110                                                                            | 27.270.522                                                                       | 58.248.588                                                                                                          |
| 155        | NVB                                 | VN000000NVB1         | 1.927.984.751                                      | 9,000000                                                                              | 173.518.627                                                                           | 12.412.584                                                                       | 161.106.043                                                                                                         |
| 156        | OCH                                 | VN000000OCH6         | 200.000.000                                        | 49,000000                                                                             | 98.000.000                                                                            | 172.200                                                                          | 97.827.800                                                                                                          |
| 157        | ONE                                 | VN000000ONE0         | 7.960.310                                          | 49,000000                                                                             | 3.900.551                                                                             | 316.703                                                                          | 3.583.848                                                                                                           |
| 158        | PBP                                 | VN000000PBP8         | 4.799.516                                          | 49,000000                                                                             | 2.351.762                                                                             | 23.305                                                                           | 2.328.457                                                                                                           |
| 159        | PCE                                 | VN000000PCE0         | 10.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 4.900.000                                                                             | 43.800                                                                           | 4.856.200                                                                                                           |
| 160        | PCH                                 | VN000000PCH3         | 25.409.893                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 161        | PCT                                 | VN000000PCT8         | 50.035.493                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 720                                                                              | -720                                                                                                                |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 162        | PDB                                 | VN000000PDB4         | 8.909.981                                          | 50,0000000                                                                            | 4.454.990                                                                             | 38.100                                                                           | 4.416.890                                                                                                           |
| 163        | PEN                                 | VN000000PEN7         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 164        | PGN                                 | VN000000PGN2         | 9.464.859                                          | 50,0000000                                                                            | 4.732.429                                                                             | 237.084                                                                          | 4.495.345                                                                                                           |
| 165        | PGS                                 | VN000000PGS1         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.500.000                                                                            | 372.318                                                                          | 24.127.682                                                                                                          |
| 166        | PGT                                 | VN000000PGT9         | 9.241.801                                          | 49,0000000                                                                            | 4.528.482                                                                             | 4.525.982                                                                        | 2.500                                                                                                               |
| 167        | PHN                                 | VN000000PHN0         | 7.253.911                                          | 50,0000000                                                                            | 3.626.955                                                                             | 3.557.273                                                                        | 69.682                                                                                                              |
| 168        | PIA                                 | VN000000PIA5         | 3.900.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 454.503                                                                          | -454.503                                                                                                            |
| 169        | PIC                                 | VN000000PIC1         | 33.339.891                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.721                                                                            | -3.721                                                                                                              |
| 170        | PJC                                 | VN000000PJC9         | 7.326.928                                          | 49,0000000                                                                            | 3.590.194                                                                             | 31.854                                                                           | 3.558.340                                                                                                           |
| 171        | PLC                                 | VN000000PLC5         | 80.798.839                                         | 49,0000000                                                                            | 39.591.431                                                                            | 770.573                                                                          | 38.820.858                                                                                                          |
| 172        | PMB                                 | VN000000PMB5         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                             | 83.200                                                                           | 5.796.800                                                                                                           |
| 173        | PMC                                 | VN000000PMC3         | 9.332.573                                          | 49,0000000                                                                            | 4.572.960                                                                             | 292.648                                                                          | 4.280.312                                                                                                           |
| 174        | PMP                                 | VN000000PMP5         | 4.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 47.700                                                                           | -47.700                                                                                                             |
| 175        | PMS                                 | VN000000PMS9         | 7.227.662                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 134.606                                                                          | -134.606                                                                                                            |
| 176        | POT                                 | VN000000POT3         | 19.430.006                                         | 49,0000000                                                                            | 9.520.702                                                                             | 13.681                                                                           | 9.507.021                                                                                                           |
| 177        | PPE                                 | VN000000PPE2         | 3.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 5.100                                                                            | -5.100                                                                                                              |
| 178        | PPP                                 | VN000000PPP8         | 8.799.991                                          | 49,0000000                                                                            | 4.311.995                                                                             | 736.130                                                                          | 3.575.865                                                                                                           |
| 179        | PPS                                 | VN000000PPS2         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 4.306.050                                                                        | 3.043.950                                                                                                           |
| 180        | PPT                                 | VN000000PPT0         | 19.644.923                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 181        | PPY                                 | VN000000PPY0         | 9.343.974                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 70.978                                                                           | -70.978                                                                                                             |
| 182        | PRC                                 | VN000000PRC2         | 6.199.698                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 27.158                                                                           | -27.158                                                                                                             |
| 183        | PRE                                 | VN000000PRE8         | 104.400.000                                        | 100,0000000                                                                           | 104.400.000                                                                           | 1.195.176                                                                        | 103.204.824                                                                                                         |
| 184        | PSC                                 | VN000000PSC0         | 7.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.528.000                                                                             | 11.686                                                                           | 3.516.314                                                                                                           |
| 185        | PSD                                 | VN000000PSD8         | 51.827.894                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 37.386                                                                           | -37.386                                                                                                             |
| 186        | PSE                                 | VN000000PSE6         | 12.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.125.000                                                                             | 11.200                                                                           | 6.113.800                                                                                                           |
| 187        | PSI                                 | VN000000PSI7         | 59.841.300                                         | 49,0000000                                                                            | 29.322.237                                                                            | 1.237.350                                                                        | 28.084.887                                                                                                          |
| 188        | PSW                                 | VN000000PSW8         | 17.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.330.000                                                                             | 33.240                                                                           | 8.296.760                                                                                                           |
| 189        | PTD                                 | VN000000PTD6         | 19.999.933                                         | 50,0000000                                                                            | 9.999.966                                                                             | 359.593                                                                          | 9.640.373                                                                                                           |
| 190        | PTI                                 | VN000000PTI5         | 120.592.129                                        | 100,0000000                                                                           | 120.592.129                                                                           | 45.161.476                                                                       | 75.430.653                                                                                                          |
| 191        | PTS                                 | VN000000PTS4         | 5.568.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.728.320                                                                             | 427.030                                                                          | 2.301.290                                                                                                           |
| 192        | PTX                                 | VN000000PTX4         | 6.432.453                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 193        | PV2                                 | VN000000PV26         | 37.350.000                                         | 49,0000000                                                                            | 18.301.500                                                                            | 85.600                                                                           | 18.215.900                                                                                                          |
| 194        | PVB                                 | VN000000PVB6         | 21.599.998                                         | 49,0000000                                                                            | 10.583.999                                                                            | 348.571                                                                          | 10.235.428                                                                                                          |
| 195        | PVC                                 | VN000000PVC4         | 81.194.463                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 137.695                                                                          | -137.695                                                                                                            |
| 196        | PVG                                 | VN000000PVG5         | 39.998.522                                         | 49,0000000                                                                            | 19.599.275                                                                            | 2.704.746                                                                        | 16.894.529                                                                                                          |
| 197        | PVI                                 | VN000000PVI1         | 234.241.867                                        | 100,0000000                                                                           | 234.241.867                                                                           | 132.961.177                                                                      | 101.280.690                                                                                                         |
| 198        | PVS                                 | VN000000PVS0         | 511.420.099                                        | 49,0000000                                                                            | 250.595.848                                                                           | 80.455.119                                                                       | 170.140.729                                                                                                         |
| 199        | PXK                                 | VN000000PXK3         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 0                                                                                | 7.350.000                                                                                                           |
| 200        | QHD                                 | VN000000QHD9         | 6.629.489                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 7.994                                                                            | -7.994                                                                                                              |
| 201        | QST                                 | VN000000QST2         | 3.240.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 202        | QTC                                 | VN000000QTC6         | 2.700.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 24.600                                                                           | -24.600                                                                                                             |
| 203        | RCL                                 | VN000000RCL1         | 14.135.751                                         | 50,0000000                                                                            | 7.067.875                                                                             | 33.929                                                                           | 7.033.946                                                                                                           |
| 204        | S55                                 | VN000000S552         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 23.179                                                                           | -23.179                                                                                                             |
| 205        | S99                                 | VN000000S990         | 104.088.992                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 246.583                                                                          | -246.583                                                                                                            |
| 206        | SAF                                 | VN000000SAF5         | 12.046.590                                         | 50,0000000                                                                            | 6.023.295                                                                             | 184.212                                                                          | 5.839.083                                                                                                           |
| 207        | SCG                                 | VN000000SCG9         | 85.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 41.650.000                                                                            | 402                                                                              | 41.649.598                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 208        | SCI                                 | VN000000SCI5         | 30.491.409                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 142.531                                                                          | -142.531                                                                                                            |
| 209        | SD5                                 | VN000000SD58         | 25.999.848                                         | 49,0000000                                                                            | 12.739.925                                                                            | 294.281                                                                          | 12.445.644                                                                                                          |
| 210        | SD9                                 | VN000000SD90         | 34.234.000                                         | 49,0000000                                                                            | 16.774.660                                                                            | 409.474                                                                          | 16.365.186                                                                                                          |
| 211        | SDA                                 | VN000000SDA0         | 26.206.158                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 11.604                                                                           | -11.604                                                                                                             |
| 212        | SDC                                 | VN000000SDC6         | 2.609.710                                          | 49,0000000                                                                            | 1.278.757                                                                             | 77.721                                                                           | 1.201.036                                                                                                           |
| 213        | SDG                                 | VN000000SDG7         | 10.139.997                                         | 49,0000000                                                                            | 4.968.598                                                                             | 3.093                                                                            | 4.965.505                                                                                                           |
| 214        | SDN                                 | VN000000SDN3         | 3.036.436                                          | 51,0000000                                                                            | 1.548.582                                                                             | 671.688                                                                          | 876.894                                                                                                             |
| 215        | SDU                                 | VN000000SDU8         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 22.600                                                                           | 9.777.400                                                                                                           |
| 216        | SEB                                 | VN000000SEB6         | 31.999.969                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 29.560                                                                           | -29.560                                                                                                             |
| 217        | SED                                 | VN000000SED2         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 540.399                                                                          | -540.399                                                                                                            |
| 218        | SFN                                 | VN000000SFN8         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 25.240                                                                           | 1.444.760                                                                                                           |
| 219        | SGC                                 | VN000000SGC9         | 7.147.580                                          | 100,0000000                                                                           | 7.147.580                                                                             | 120.298                                                                          | 7.027.282                                                                                                           |
| 220        | SGD                                 | VN000000SGD7         | 4.137.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 17.900                                                                           | -17.900                                                                                                             |
| 221        | SGH                                 | VN000000SGH8         | 12.364.100                                         | 49,0000000                                                                            | 6.058.409                                                                             | 47.764                                                                           | 6.010.645                                                                                                           |
| 222        | SHE                                 | VN000000SHE3         | 65.003.919                                         | 50,0000000                                                                            | 32.501.959                                                                            | 150.889                                                                          | 32.351.070                                                                                                          |
| 223        | SHN                                 | VN000000SHN4         | 129.607.147                                        | 49,0000000                                                                            | 63.507.502                                                                            | 23.949                                                                           | 63.483.553                                                                                                          |
| 224        | SHS                                 | VN000000SHS3         | 899.462.220                                        | 49,0000000                                                                            | 440.736.487                                                                           | 84.115.499                                                                       | 356.620.988                                                                                                         |
| 225        | SJ1                                 | VN000000SJ11         | 43.472.716                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 19.122                                                                           | -19.122                                                                                                             |
| 226        | SJE                                 | VN000000SJE9         | 40.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 109.112                                                                          | -109.112                                                                                                            |
| 227        | SLS                                 | VN000000SLS5         | 9.791.945                                          | 49,0000000                                                                            | 4.798.053                                                                             | 162.633                                                                          | 4.635.420                                                                                                           |
| 228        | SMN                                 | VN000000SMN4         | 4.405.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 229        | SMT                                 | VN000000SMT1         | 6.560.739                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.595                                                                            | -4.595                                                                                                              |
| 230        | SPC                                 | VN000000SPC0         | 10.530.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 953.730                                                                          | -953.730                                                                                                            |
| 231        | SRA                                 | VN000000SRA0         | 43.199.974                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 164.613                                                                          | -164.613                                                                                                            |
| 232        | SSM                                 | VN000000SSM3         | 5.501.024                                          | 49,0000000                                                                            | 2.695.501                                                                             | 37.159                                                                           | 2.658.342                                                                                                           |
| 233        | STC                                 | VN000000STC2         | 5.665.530                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 123.290                                                                          | -123.290                                                                                                            |
| 234        | STP                                 | VN000000STP4         | 8.045.744                                          | 49,0000000                                                                            | 3.942.414                                                                             | 66.687                                                                           | 3.875.727                                                                                                           |
| 235        | SVN                                 | VN000000SVN5         | 21.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.290.000                                                                            | 21.382                                                                           | 10.268.618                                                                                                          |
| 236        | SZB                                 | VN000000SZB1         | 30.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.058.700                                                                        | -2.058.700                                                                                                          |
| 237        | TA9                                 | VN000000TA92         | 12.419.787                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.874                                                                            | -3.874                                                                                                              |
| 238        | TD6                                 | VN000000TD65         | 61.935.202                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 154.145                                                                          | -154.145                                                                                                            |
| 239        | TDT                                 | VN000000TDT8         | 23.896.534                                         | 49,0000000                                                                            | 11.709.301                                                                            | 11.351                                                                           | 11.697.950                                                                                                          |
| 240        | TET                                 | VN000000TET6         | 5.702.940                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 500                                                                              | -500                                                                                                                |
| 241        | TFC                                 | VN000000TFC9         | 16.829.994                                         | 49,0000000                                                                            | 8.246.697                                                                             | 5.701.261                                                                        | 2.545.436                                                                                                           |
| 242        | THB                                 | VN000000THB7         | 11.424.570                                         | 49,0000000                                                                            | 5.598.039                                                                             | 675.961                                                                          | 4.922.078                                                                                                           |
| 243        | THD                                 | VN000000THD3         | 384.999.972                                        | 49,0000000                                                                            | 188.649.986                                                                           | 610.040                                                                          | 188.039.946                                                                                                         |
| 244        | THS                                 | VN000000THS1         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 1.500                                                                            | 1.468.500                                                                                                           |
| 245        | THT                                 | VN000000THT9         | 24.569.052                                         | 35,0000000                                                                            | 8.599.168                                                                             | 425.024                                                                          | 8.174.144                                                                                                           |
| 246        | TIG                                 | VN000000TIG4         | 193.606.205                                        | 49,0000000                                                                            | 94.867.040                                                                            | 20.389.519                                                                       | 74.477.521                                                                                                          |
| 247        | TJC                                 | VN000000TJC1         | 8.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 22.980                                                                           | -22.980                                                                                                             |
| 248        | TKU                                 | VN000000TKU1         | 7.255.744                                          | 100,0000000                                                                           | 7.255.744                                                                             | 3.806.663                                                                        | 3.449.081                                                                                                           |
| 249        | TMB                                 | VN000000TMB7         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 250        | TMC                                 | VN000000TMC5         | 12.400.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.076.000                                                                             | 208.660                                                                          | 5.867.340                                                                                                           |
| 251        | TMX                                 | VN000000TMX1         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                             | 2.200                                                                            | 2.937.800                                                                                                           |
| 252        | TNG                                 | VN000000TNG4         | 128.731.266                                        | 49,0000000                                                                            | 63.078.320                                                                            | 28.558.379                                                                       | 34.519.941                                                                                                          |
| 253        | TOT                                 | VN000000TOT5         | 9.207.842                                          | 25,0000000                                                                            | 2.301.960                                                                             | 307.436                                                                          | 1.994.524                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 254        | TPP                                 | VN000000TPP0         | 62.886.282                                         | 50,0000000                                                                            | 31.443.141                                                                            | 94.106                                                                           | 31.349.035                                                                                                          |
| 255        | TSB                                 | VN000000TSB4         | 6.745.480                                          | 70,0000000                                                                            | 4.721.836                                                                             | 484.900                                                                          | 4.236.936                                                                                                           |
| 256        | TTC                                 | VN000000TTC0         | 5.992.348                                          | 49,0000000                                                                            | 2.936.250                                                                             | 275.162                                                                          | 2.661.088                                                                                                           |
| 257        | TTH                                 | VN000000TTH9         | 37.374.846                                         | 49,0000000                                                                            | 18.313.674                                                                            | 24.525                                                                           | 18.289.149                                                                                                          |
| 258        | TTL                                 | VN000000TTL1         | 41.908.000                                         | 49,0000000                                                                            | 20.534.920                                                                            | 3.008.900                                                                        | 17.526.020                                                                                                          |
| 259        | TTT                                 | VN000000TTT4         | 4.570.210                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 97.300                                                                           | -97.300                                                                                                             |
| 260        | TV3                                 | VN000000TV30         | 9.517.303                                          | 50,0000000                                                                            | 4.758.651                                                                             | 8.742                                                                            | 4.749.909                                                                                                           |
| 261        | TV4                                 | VN000000TV48         | 19.846.016                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 124.469                                                                          | -124.469                                                                                                            |
| 262        | TVC                                 | VN000000TVC6         | 96.155.570                                         | 30,0000000                                                                            | 28.846.671                                                                            | 74.897                                                                           | 28.771.774                                                                                                          |
| 263        | TVD                                 | VN000000TVD4         | 44.962.864                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 707.006                                                                          | -707.006                                                                                                            |
| 264        | TXM                                 | VN000000TXM1         | 7.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.430.000                                                                             | 44.700                                                                           | 3.385.300                                                                                                           |
| 265        | UNI                                 | VN000000UNI8         | 42.617.632                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 221.729                                                                          | -221.729                                                                                                            |
| 266        | V12                                 | VN000000V127         | 11.636.000                                         | 50,0000000                                                                            | 5.818.000                                                                             | 1.500                                                                            | 5.816.500                                                                                                           |
| 267        | V21                                 | VN000000V218         | 11.999.789                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.300                                                                            | -4.300                                                                                                              |
| 268        | VBC                                 | VN000000VBC4         | 7.499.972                                          | 50,0000000                                                                            | 3.749.986                                                                             | 26.055                                                                           | 3.723.931                                                                                                           |
| 269        | VC1                                 | VN000000VC13         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.042                                                                            | -3.042                                                                                                              |
| 270        | VC2                                 | VN000000VC21         | 75.645.525                                         | 50,0000000                                                                            | 37.822.762                                                                            | 81.804                                                                           | 37.740.958                                                                                                          |
| 271        | VC3                                 | VN000000VC39         | 138.414.258                                        | 49,0000000                                                                            | 67.822.986                                                                            | 489.014                                                                          | 67.333.972                                                                                                          |
| 272        | VC6                                 | VN000000VC62         | 10.840.877                                         | 49,0000000                                                                            | 5.312.029                                                                             | 1.214.346                                                                        | 4.097.683                                                                                                           |
| 273        | VC7                                 | VN000000VC70         | 96.090.870                                         | 50,0000000                                                                            | 48.045.435                                                                            | 67.739                                                                           | 47.977.696                                                                                                          |
| 274        | VC9                                 | VN000000VC96         | 17.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 8.330.000                                                                             | 11.650                                                                           | 8.318.350                                                                                                           |
| 275        | VCC                                 | VN000000VCC2         | 24.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.300                                                                            | -3.300                                                                                                              |
| 276        | VCM                                 | VN000000VCM1         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 277        | VCS                                 | VN000000VCS8         | 160.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 78.400.000                                                                            | 1.708.479                                                                        | 76.691.521                                                                                                          |
| 278        | VDL                                 | VN000000VDL1         | 14.657.150                                         | 49,0000000                                                                            | 7.182.003                                                                             | 76.154                                                                           | 7.105.849                                                                                                           |
| 279        | VE1                                 | VN000000VE11         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                             | 1.433.406                                                                        | 1.506.594                                                                                                           |
| 280        | VE3                                 | VN000000VE37         | 3.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |
| 281        | VE4                                 | VN000000VE45         | 3.028.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.400                                                                            | -1.400                                                                                                              |
| 282        | VFS                                 | VN000000VFS1         | 139.967.442                                        | 100,0000000                                                                           | 139.967.442                                                                           | 1.538.219                                                                        | 138.429.223                                                                                                         |
| 283        | VGP                                 | VN000000VGP5         | 8.214.692                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 98.160                                                                           | -98.160                                                                                                             |
| 284        | VGS                                 | VN000000VGS9         | 61.524.155                                         | 49,0000000                                                                            | 30.146.835                                                                            | 370.164                                                                          | 29.776.671                                                                                                          |
| 285        | VHE                                 | VN000000VHE7         | 33.140.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 286        | VHL                                 | VN000000VHL2         | 25.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.250.000                                                                            | 262.589                                                                          | 11.987.411                                                                                                          |
| 287        | VIF                                 | VN000000VIF2         | 350.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 288        | VIG                                 | VN000000VIG0         | 45.133.300                                         | 100,0000000                                                                           | 45.133.300                                                                            | 232.623                                                                          | 44.900.677                                                                                                          |
| 289        | VIT                                 | VN000000VIT3         | 50.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 25.000.000                                                                            | 65.509                                                                           | 24.934.491                                                                                                          |
| 290        | VLA                                 | VN000000VLA7         | 3.995.996                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 64.397                                                                           | -64.397                                                                                                             |
| 291        | VMC                                 | VN000000VMC1         | 28.747.017                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 27.418                                                                           | -27.418                                                                                                             |
| 292        | VMS                                 | VN000000VMS7         | 9.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 293        | VNC                                 | VN000000VNC9         | 20.999.511                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 538.610                                                                          | -538.610                                                                                                            |
| 294        | VNF                                 | VN000000VNF2         | 31.715.880                                         | 49,0000000                                                                            | 15.540.781                                                                            | 117.132                                                                          | 15.423.649                                                                                                          |
| 295        | VNR                                 | VN000000VNR7         | 200.630.248                                        | 50,0000000                                                                            | 100.315.124                                                                           | 54.690.620                                                                       | 45.624.504                                                                                                          |
| 296        | VNT                                 | VN000000VNT3         | 16.699.497                                         | 49,0000000                                                                            | 8.182.753                                                                             | 1.737.555                                                                        | 6.445.198                                                                                                           |
| 297        | VSA                                 | VN000000VSA2         | 14.096.486                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 411.887                                                                          | -411.887                                                                                                            |
| 298        | VSM                                 | VN000000VSM7         | 5.032.475                                          | 49,0000000                                                                            | 2.465.912                                                                             | 65.800                                                                           | 2.400.112                                                                                                           |
| 299        | VTC                                 | VN000000VTC6         | 4.534.696                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 449.222                                                                          | -449.222                                                                                                            |

| STT/<br>NO        | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 300               | VTH                                 | VN000000VTH5         | 10.899.989                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 16.748                                                                           | -16.748                                                                                                             |
| 301               | VTJ                                 | VN000000VTJ1         | 11.400.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.586.000                                                                             | 16.400                                                                           | 5.569.600                                                                                                           |
| 302               | VTV                                 | VN000000VTV6         | 31.199.825                                         | 49,000000                                                                             | 15.287.914                                                                            | 36.298                                                                           | 15.251.616                                                                                                          |
| 303               | VTZ                                 | VN000000VTZ7         | 76.159.833                                         | 51,000000                                                                             | 38.841.514                                                                            | 691.496                                                                          | 38.150.018                                                                                                          |
| 304               | WCS                                 | VN000000WCS6         | 3.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 832.444                                                                          | -832.444                                                                                                            |
| 305               | WSS                                 | VN000000WSS2         | 50.300.000                                         | 49,000000                                                                             | 24.647.000                                                                            | 1.087.500                                                                        | 23.559.500                                                                                                          |
| 306               | X20                                 | VN000000X206         | 17.250.000                                         | 49,000000                                                                             | 8.452.500                                                                             | 25.200                                                                           | 8.427.300                                                                                                           |
| <b>Tổng (STX)</b> |                                     |                      | 19.298.854.066                                     |                                                                                       | 7.603.571.824                                                                         | 847.657.195                                                                      | 6.755.914.629                                                                                                       |
| <b>VI. UPX</b>    |                                     |                      |                                                    |                                                                                       |                                                                                       |                                                                                  |                                                                                                                     |
| 1                 | A32                                 | VN000000A329         | 6.800.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 2                 | AAH                                 | VN000000AAH9         | 117.900.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 3                 | AAS                                 | VN000000AAS6         | 229.999.521                                        | 100,000000                                                                            | 229.999.521                                                                           | 201.795                                                                          | 229.797.726                                                                                                         |
| 4                 | ABB                                 | VN000000ABB0         | 1.397.208.685                                      | 16,500000                                                                             | 230.539.433                                                                           | 171.189.346                                                                      | 59.350.087                                                                                                          |
| 5                 | ABC                                 | VN000000ABC8         | 20.393.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 183.068                                                                          | -183.068                                                                                                            |
| 6                 | ABI                                 | VN000000ABI5         | 101.347.632                                        | 100,000000                                                                            | 101.347.632                                                                           | 12.482.189                                                                       | 88.865.443                                                                                                          |
| 7                 | ABW                                 | VN000000ABW6         | 101.150.000                                        | 100,000000                                                                            | 101.150.000                                                                           | 610.900                                                                          | 100.539.100                                                                                                         |
| 8                 | ACE                                 | VN000000ACE2         | 3.050.781                                          | 5,000000                                                                              | 152.539                                                                               | 7.515                                                                            | 145.024                                                                                                             |
| 9                 | ACM                                 | VN000000ACM5         | 51.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 24.990.000                                                                            | 1.295.468                                                                        | 23.694.532                                                                                                          |
| 10                | ACS                                 | VN000000ACS2         | 5.400.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 6.000                                                                            | -6.000                                                                                                              |
| 11                | ACV                                 | VN000000ACV6         | 3.582.847.523                                      | 49,000000                                                                             | 1.755.595.286                                                                         | 72.103.230                                                                       | 1.683.492.056                                                                                                       |
| 12                | AGI                                 | VN000000AGI4         | 4.863.386                                          | 49,000000                                                                             | 2.383.059                                                                             | 100                                                                              | 2.382.959                                                                                                           |
| 13                | AGF                                 | VN000000AGF0         | 28.109.743                                         | 50,000000                                                                             | 14.054.871                                                                            | 130.524                                                                          | 13.924.347                                                                                                          |
| 14                | AGM                                 | VN000000AGM6         | 18.200.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 101.860                                                                          | -101.860                                                                                                            |
| 15                | AGP                                 | VN000000AGP9         | 30.607.558                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 6.997                                                                            | -6.997                                                                                                              |
| 16                | AGX                                 | VN000000AGX3         | 10.800.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.292.000                                                                             | 183.900                                                                          | 5.108.100                                                                                                           |
| 17                | AIC                                 | VN000000AIC3         | 100.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 100.000.000                                                                           | 75.070.501                                                                       | 24.929.499                                                                                                          |
| 18                | AIG                                 | VN000000AIG4         | 170.601.298                                        | 50,000000                                                                             | 85.300.649                                                                            | 76.036.461                                                                       | 9.264.188                                                                                                           |
| 19                | ALC                                 | VN000000ALC7         | 56.470.620                                         | 49,000000                                                                             | 27.670.603                                                                            | 19.871.230                                                                       | 7.799.373                                                                                                           |
| 20                | ALV                                 | VN000000ALV7         | 9.618.358                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 26.524                                                                           | -26.524                                                                                                             |
| 21                | AMP                                 | VN000000AMP7         | 13.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.370.000                                                                             | 0                                                                                | 6.370.000                                                                                                           |
| 22                | AMS                                 | VN000000AMS1         | 60.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 29.400.000                                                                            | 21.332.998                                                                       | 8.067.002                                                                                                           |
| 23                | APC                                 | VN000000APC8         | 20.121.395                                         | 49,000000                                                                             | 9.859.483                                                                             | 2.986.065                                                                        | 6.873.418                                                                                                           |
| 24                | APF                                 | VN000000APF1         | 32.747.339                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 25                | APL                                 | VN000000APL9         | 1.200.000                                          | 49,000000                                                                             | 588.000                                                                               | 0                                                                                | 588.000                                                                                                             |
| 26                | APP                                 | VN000000APP0         | 4.724.632                                          | 49,000000                                                                             | 2.315.069                                                                             | 32.394                                                                           | 2.282.675                                                                                                           |
| 27                | APT                                 | VN000000APT2         | 8.800.000                                          | 49,000000                                                                             | 4.312.000                                                                             | 0                                                                                | 4.312.000                                                                                                           |
| 28                | ART                                 | VN000000ART8         | 96.922.509                                         | 100,000000                                                                            | 96.922.509                                                                            | 638.532                                                                          | 96.283.977                                                                                                          |
| 29                | ASA                                 | VN000000ASA6         | 10.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 4.900.000                                                                             | 25.300                                                                           | 4.874.700                                                                                                           |
| 30                | ATA                                 | VN000000ATA4         | 11.999.998                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 8.020                                                                            | -8.020                                                                                                              |
| 31                | ATB                                 | VN000000ATB2         | 13.884.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.803.160                                                                             | 8.100                                                                            | 6.795.060                                                                                                           |
| 32                | ATG                                 | VN000000ATG1         | 15.220.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.457.800                                                                             | 1.830                                                                            | 7.455.970                                                                                                           |
| 33                | AVC                                 | VN000000AVC6         | 75.052.052                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 34                | AVF                                 | VN000000AVF9         | 43.338.000                                         | 49,000000                                                                             | 21.235.620                                                                            | 91.111                                                                           | 21.144.509                                                                                                          |
| 35                | AVG                                 | VN000000AVG7         | 17.679.982                                         | 50,000000                                                                             | 8.839.991                                                                             | 26.001                                                                           | 8.813.990                                                                                                           |
| 36                | B82                                 | VN000000B822         | 5.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.450.000                                                                             | 23.135                                                                           | 2.426.865                                                                                                           |
| 37                | BAL                                 | VN000000BAL9         | 2.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 980.000                                                                               | 0                                                                                | 980.000                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 38         | BAM                                 | VN000000BAM7         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 73.200                                                                           | 14.626.800                                                                                                          |
| 39         | BBH                                 | VN000000BBH5         | 2.047.932                                          | 49,0000000                                                                            | 1.003.486                                                                             | 0                                                                                | 1.003.486                                                                                                           |
| 40         | BBM                                 | VN000000BBM5         | 2.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 980.000                                                                               | 2.000                                                                            | 978.000                                                                                                             |
| 41         | BBT                                 | VN000000BBT0         | 19.600.000                                         | 50,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 77.353                                                                           | 9.722.647                                                                                                           |
| 42         | BCA                                 | VN000000BCA8         | 50.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 43         | BCB                                 | VN000000BCB6         | 5.700.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 44         | BCP                                 | VN000000BCP6         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 194.600                                                                          | -194.600                                                                                                            |
| 45         | BCR                                 | VN000000BCR2         | 473.799.913                                        | 50,0000000                                                                            | 236.899.956                                                                           | 1.797.865                                                                        | 235.102.091                                                                                                         |
| 46         | BCV                                 | VN000000BCV4         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 882.000                                                                               | 0                                                                                | 882.000                                                                                                             |
| 47         | BDG                                 | VN000000BDG3         | 24.799.920                                         | 50,0000000                                                                            | 12.399.960                                                                            | 351.192                                                                          | 12.048.768                                                                                                          |
| 48         | BDT                                 | VN000000BDT6         | 38.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 18.914.000                                                                            | 53.000                                                                           | 18.861.000                                                                                                          |
| 49         | BDW                                 | VN000000BDW0         | 12.410.800                                         | 49,0000000                                                                            | 6.081.292                                                                             | 6.008                                                                            | 6.075.284                                                                                                           |
| 50         | BEL                                 | VN000000BEL1         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                             | 0                                                                                | 2.940.000                                                                                                           |
| 51         | BGE                                 | VN000000BGE1         | 730.000.000                                        | 50,0000000                                                                            | 365.000.000                                                                           | 241.700                                                                          | 364.758.300                                                                                                         |
| 52         | BGM                                 | VN000000BGM4         | 45.753.840                                         | 49,0000000                                                                            | 22.419.381                                                                            | 19.163                                                                           | 22.400.218                                                                                                          |
| 53         | BGW                                 | VN000000BGW3         | 18.149.446                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 54         | BHA                                 | VN000000BHA7         | 66.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 15.700                                                                           | -15.700                                                                                                             |
| 55         | BHC                                 | VN000000BHC3         | 4.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.205.000                                                                             | 9.100                                                                            | 2.195.900                                                                                                           |
| 56         | BHG                                 | VN000000BHG4         | 8.935.643                                          | 49,0000000                                                                            | 4.378.465                                                                             | 0                                                                                | 4.378.465                                                                                                           |
| 57         | BHH                                 | VN000000BHH2         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 58         | BHI                                 | VN000000BHI0         | 100.000.000                                        | 100,0000000                                                                           | 100.000.000                                                                           | 75.019.002                                                                       | 24.980.998                                                                                                          |
| 59         | BHK                                 | VN000000BHK6         | 3.986.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.986.000                                                                             | 200                                                                              | 3.985.800                                                                                                           |
| 60         | BHP                                 | VN000000BHP5         | 9.179.290                                          | 50,0000000                                                                            | 4.589.645                                                                             | 2.650                                                                            | 4.586.995                                                                                                           |
| 61         | BIG                                 | VN000000BIG2         | 31.074.219                                         | 49,0000000                                                                            | 15.226.367                                                                            | 14.981                                                                           | 15.211.386                                                                                                          |
| 62         | BII                                 | VN000000BII8         | 57.680.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 53.600                                                                           | -53.600                                                                                                             |
| 63         | BIO                                 | VN000000BIO6         | 8.562.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 64         | BLF                                 | VN000000BLF8         | 11.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 270.175                                                                          | -270.175                                                                                                            |
| 65         | BLI                                 | VN000000BLI2         | 60.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 29.400.000                                                                            | 698.138                                                                          | 28.701.862                                                                                                          |
| 66         | BLN                                 | VN000000BLN2         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 100                                                                              | 2.449.900                                                                                                           |
| 67         | BLT                                 | VN000000BLT9         | 4.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.710                                                                            | -1.710                                                                                                              |
| 68         | BLU                                 | VN000000BLU7         | 1.337.600                                          | 100,0000000                                                                           | 1.337.600                                                                             | 0                                                                                | 1.337.600                                                                                                           |
| 69         | BMD                                 | VN000000BMD1         | 2.753.280                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 70         | BMF                                 | VN000000BMF6         | 15.848.063                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 71         | BMG                                 | VN000000BMG4         | 5.292.000                                          | 20,0000000                                                                            | 1.058.400                                                                             | 1.014.300                                                                        | 44.100                                                                                                              |
| 72         | BMJ                                 | VN000000BMJ8         | 104.999.978                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 33.100                                                                           | -33.100                                                                                                             |
| 73         | BMK                                 | VN000000BMK6         | 8.023.932                                          | 50,0000000                                                                            | 4.011.966                                                                             | 401.674                                                                          | 3.610.292                                                                                                           |
| 74         | BMS                                 | VN000000BMS9         | 203.932.652                                        | 100,0000000                                                                           | 203.932.652                                                                           | 19.196                                                                           | 203.913.456                                                                                                         |
| 75         | BMV                                 | VN000000BMV3         | 24.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 11.858.000                                                                            | 700                                                                              | 11.857.300                                                                                                          |
| 76         | BNW                                 | VN000000BNW9         | 37.549.391                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 77         | BOT                                 | VN000000BOT3         | 59.246.800                                         | 51,0000000                                                                            | 30.215.868                                                                            | 177.872                                                                          | 30.037.996                                                                                                          |
| 78         | BQB                                 | VN000000BQB6         | 5.800.000                                          | 100,0000000                                                                           | 5.800.000                                                                             | 1.000                                                                            | 5.799.000                                                                                                           |
| 79         | BQP                                 | VN000000BQP6         | 18.500.000                                         | 100,0000000                                                                           | 18.500.000                                                                            | 1.400                                                                            | 18.498.600                                                                                                          |
| 80         | BRR                                 | VN000000BRR0         | 112.500.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 81         | BRS                                 | VN000000BRS8         | 4.541.950                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 82         | BSA                                 | VN000000BSA4         | 66.850.975                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 83         | BSD                                 | VN000000BSD8         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 12.000                                                                           | 1.458.000                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 84         | BSG                                 | VN000000BSG1         | 60.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 85         | BSH                                 | VN000000BSH9         | 18.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 18.000.000                                                                            | 52.400                                                                           | 17.947.600                                                                                                          |
| 86         | BSL                                 | VN000000BSL1         | 45.000.000                                         | 50,000000                                                                             | 22.500.000                                                                            | 49.013                                                                           | 22.450.987                                                                                                          |
| 87         | BSP                                 | VN000000BSP2         | 12.500.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.650                                                                            | -3.650                                                                                                              |
| 88         | BSQ                                 | VN000000BSQ0         | 45.000.000                                         | 50,000000                                                                             | 22.500.000                                                                            | 900                                                                              | 22.499.100                                                                                                          |
| 89         | BT1                                 | VN000000BT18         | 10.000.106                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 90         | BT6                                 | VN000000BT67         | 32.993.550                                         | 49,000000                                                                             | 16.166.839                                                                            | 2.731.130                                                                        | 13.435.709                                                                                                          |
| 91         | BTB                                 | VN000000BTB0         | 7.691.226                                          | 49,000000                                                                             | 3.768.700                                                                             | 1.100                                                                            | 3.767.600                                                                                                           |
| 92         | BTD                                 | VN000000BTD6         | 6.414.100                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 23.000                                                                           | -23.000                                                                                                             |
| 93         | BTG                                 | VN000000BTG9         | 1.190.000                                          | 49,000000                                                                             | 583.100                                                                               | 0                                                                                | 583.100                                                                                                             |
| 94         | BTH                                 | VN000000BTH7         | 25.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 12.250.000                                                                            | 62.814                                                                           | 12.187.186                                                                                                          |
| 95         | BTN                                 | VN000000BTN5         | 4.465.570                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 96         | BTU                                 | VN000000BTU0         | 3.600.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |
| 97         | BTV                                 | VN000000BTV8         | 25.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 30                                                                               | -30                                                                                                                 |
| 98         | BVB                                 | VN000000BVB6         | 640.820.000                                        | 5,000000                                                                              | 32.041.000                                                                            | 313.434                                                                          | 31.727.566                                                                                                          |
| 99         | BVG                                 | VN000000BVG5         | 9.750.948                                          | 49,000000                                                                             | 4.777.964                                                                             | 9.056                                                                            | 4.768.908                                                                                                           |
| 100        | BVL                                 | VN000000BVL5         | 89.411.287                                         | 49,000000                                                                             | 43.811.530                                                                            | 200                                                                              | 43.811.330                                                                                                          |
| 101        | BVN                                 | VN000000BVN1         | 5.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.450.000                                                                             | 3.200                                                                            | 2.446.800                                                                                                           |
| 102        | BWA                                 | VN000000BWA6         | 2.700.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.323.000                                                                             | 100                                                                              | 1.322.900                                                                                                           |
| 103        | BWS                                 | VN000000BWS8         | 100.007.569                                        | 49,000000                                                                             | 49.003.708                                                                            | 595.985                                                                          | 48.407.723                                                                                                          |
| 104        | C12                                 | VN000000C127         | 4.850.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.376.500                                                                             | 0                                                                                | 2.376.500                                                                                                           |
| 105        | C21                                 | VN000000C218         | 19.336.371                                         | 49,000000                                                                             | 9.474.821                                                                             | 15.260                                                                           | 9.459.561                                                                                                           |
| 106        | C22                                 | VN000000C226         | 3.550.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.739.500                                                                             | 0                                                                                | 1.739.500                                                                                                           |
| 107        | C4G                                 | VN000000C4G0         | 357.300.754                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 99.687                                                                           | -99.687                                                                                                             |
| 108        | C92                                 | VN000000C929         | 5.312.920                                          | 49,000000                                                                             | 2.603.330                                                                             | 127.953                                                                          | 2.475.377                                                                                                           |
| 109        | CAD                                 | VN000000CAD4         | 8.799.927                                          | 49,000000                                                                             | 4.311.964                                                                             | 718.866                                                                          | 3.593.098                                                                                                           |
| 110        | CAF                                 | VN000000CAF9         | 6.600.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.000                                                                            | -3.000                                                                                                              |
| 111        | CAT                                 | VN000000CAT0         | 14.373.166                                         | 49,000000                                                                             | 7.042.851                                                                             | 103.625                                                                          | 6.939.226                                                                                                           |
| 112        | CBI                                 | VN000000CBI1         | 43.006.366                                         | 49,000000                                                                             | 21.073.119                                                                            | 1.000                                                                            | 21.072.119                                                                                                          |
| 113        | CBS                                 | VN000000CBS0         | 5.291.868                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 114        | CBV                                 | VN000000CBV4         | 12.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 12.000.000                                                                            | 10.692.040                                                                       | 1.307.960                                                                                                           |
| 115        | CCI                                 | VN000000CCI16        | 397.906.100                                        | 49,000000                                                                             | 194.973.989                                                                           | 4.463                                                                            | 194.969.526                                                                                                         |
| 116        | CCA                                 | VN000000CCA6         | 18.110.619                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 14.812                                                                           | -14.812                                                                                                             |
| 117        | CCD                                 | VN000000CCD0         | 1.300.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.300.000                                                                             | 0                                                                                | 1.300.000                                                                                                           |
| 118        | CCM                                 | VN000000CCM1         | 6.199.900                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 4.996                                                                            | -4.996                                                                                                              |
| 119        | CCP                                 | VN000000CCP4         | 2.400.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.176.000                                                                             | 0                                                                                | 1.176.000                                                                                                           |
| 120        | CCS                                 | VN000000CCS8         | 8.029.080                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 114.000                                                                          | -114.000                                                                                                            |
| 121        | CCT                                 | VN000000CCT6         | 28.480.000                                         | 49,000000                                                                             | 13.955.200                                                                            | 6.900                                                                            | 13.948.300                                                                                                          |
| 122        | CCV                                 | VN000000CCV2         | 1.800.000                                          | 49,000000                                                                             | 882.000                                                                               | 0                                                                                | 882.000                                                                                                             |
| 123        | CDG                                 | VN000000CDG1         | 3.464.995                                          | 49,000000                                                                             | 1.697.847                                                                             | 0                                                                                | 1.697.847                                                                                                           |
| 124        | CDO                                 | VN000000CDO5         | 31.504.975                                         | 49,000000                                                                             | 15.437.437                                                                            | 89.700                                                                           | 15.347.737                                                                                                          |
| 125        | CDP                                 | VN000000CDP2         | 18.270.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 126        | CDR                                 | VN000000CDR8         | 2.133.271                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 127        | CEN                                 | VN000000CEN5         | 21.712.440                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 128        | CFM                                 | VN000000CFM4         | 3.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 9.100                                                                            | -9.100                                                                                                              |
| 129        | CFV                                 | VN000000CFV5         | 12.650.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 130        | CGP                                 | VN000000CGP5         | 10.735.708                                         | 49,0000000                                                                            | 5.260.496                                                                             | 65.870                                                                           | 5.194.626                                                                                                           |
| 131        | CGV                                 | VN000000CGV3         | 9.499.956                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.510                                                                            | -4.510                                                                                                              |
| 132        | CH5                                 | VN000000CH52         | 3.732.450                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 133        | CHC                                 | VN000000CHC1         | 6.731.596                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 134        | CHS                                 | VN000000CHS7         | 28.400.000                                         | 49,0000000                                                                            | 13.916.000                                                                            | 1.046.300                                                                        | 12.869.700                                                                                                          |
| 135        | CI5                                 | VN000000CI51         | 2.700.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.323.000                                                                             | 0                                                                                | 1.323.000                                                                                                           |
| 136        | CID                                 | VN000000CID7         | 1.082.000                                          | 49,0000000                                                                            | 530.180                                                                               | 4.500                                                                            | 525.680                                                                                                             |
| 137        | CIP                                 | VN000000CIP1         | 4.545.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 138        | CK8                                 | VN000000CK81         | 3.000.000                                          | 50,0000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 139        | CKA                                 | VN000000CKA9         | 3.286.404                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 6.000                                                                            | -6.000                                                                                                              |
| 140        | CKD                                 | VN000000CKD3         | 31.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 15.190.000                                                                            | 9.000                                                                            | 15.181.000                                                                                                          |
| 141        | CLG                                 | VN000000CLG4         | 21.150.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.363.500                                                                            | 112.730                                                                          | 10.250.770                                                                                                          |
| 142        | CLX                                 | VN000000CLX9         | 86.600.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 759.200                                                                          | -759.200                                                                                                            |
| 143        | CMD                                 | VN000000CMD9         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.600                                                                            | -3.600                                                                                                              |
| 144        | CMF                                 | VN000000CMF4         | 8.100.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.969.000                                                                             | 1.985.473                                                                        | 1.983.527                                                                                                           |
| 145        | CMI                                 | VN000000CMI8         | 16.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.840.000                                                                             | 59.500                                                                           | 7.780.500                                                                                                           |
| 146        | CMK                                 | VN000000CMK4         | 1.432.578                                          | 49,0000000                                                                            | 701.963                                                                               | 0                                                                                | 701.963                                                                                                             |
| 147        | CMM                                 | VN000000CMM0         | 97.899.998                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 148        | CMN                                 | VN000000CMN8         | 4.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.352.000                                                                             | 0                                                                                | 2.352.000                                                                                                           |
| 149        | CMP                                 | VN000000CMP3         | 32.405.415                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 150        | CMT                                 | VN000000CMT5         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                             | 266.968                                                                          | 3.653.032                                                                                                           |
| 151        | CMW                                 | VN000000CMW9         | 15.534.900                                         | 49,0000000                                                                            | 7.612.101                                                                             | 700                                                                              | 7.611.401                                                                                                           |
| 152        | CNA                                 | VN000000CNA3         | 3.415.555                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 153        | CNC                                 | VN000000CNC9         | 11.364.325                                         | 49,0000000                                                                            | 5.568.519                                                                             | 853.540                                                                          | 4.714.979                                                                                                           |
| 154        | CNN                                 | VN000000CNN6         | 8.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.312.000                                                                             | 0                                                                                | 4.312.000                                                                                                           |
| 155        | CNT                                 | VN000000CNT3         | 65.480.283                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 99.531                                                                           | -99.531                                                                                                             |
| 156        | CPA                                 | VN000000CPA8         | 23.627.990                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 157        | CPH                                 | VN000000CPH3         | 4.400.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.156.000                                                                             | 0                                                                                | 2.156.000                                                                                                           |
| 158        | CPI                                 | VN000000CPI1         | 36.505.000                                         | 49,0000000                                                                            | 17.887.450                                                                            | 0                                                                                | 17.887.450                                                                                                          |
| 159        | CQN                                 | VN000000CQN9         | 75.049.936                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 160        | CQT                                 | VN000000CQT6         | 25.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.250.000                                                                            | 1.100                                                                            | 12.248.900                                                                                                          |
| 161        | CSI                                 | VN000000CSI5         | 16.800.000                                         | 100,0000000                                                                           | 16.800.000                                                                            | 1.809.010                                                                        | 14.990.990                                                                                                          |
| 162        | CT3                                 | VN000000CT33         | 8.799.849                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 163        | CT6                                 | VN000000CT66         | 6.108.078                                          | 49,0000000                                                                            | 2.992.958                                                                             | 2.100                                                                            | 2.990.858                                                                                                           |
| 164        | CTA                                 | VN000000CTA0         | 9.654.381                                          | 49,0000000                                                                            | 4.730.646                                                                             | 24.350                                                                           | 4.706.296                                                                                                           |
| 165        | CTC                                 | VN000000CTC6         | 15.799.926                                         | 49,0000000                                                                            | 7.741.963                                                                             | 76.471                                                                           | 7.665.492                                                                                                           |
| 166        | CTN                                 | VN000000CTN3         | 6.958.345                                          | 49,0000000                                                                            | 3.409.589                                                                             | 106.115                                                                          | 3.303.474                                                                                                           |
| 167        | CTW                                 | VN000000CTW4         | 28.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |
| 168        | CTX                                 | VN000000CTX2         | 100.406.740                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.815                                                                            | -3.815                                                                                                              |
| 169        | CVN                                 | VN000000CVN9         | 29.699.991                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 540                                                                              | -540                                                                                                                |
| 170        | CYC                                 | VN000000CYC6         | 1.990.530                                          | 49,0000000                                                                            | 975.359                                                                               | 967.320                                                                          | 8.039                                                                                                               |
| 171        | DAC                                 | VN000000DAC4         | 1.004.974                                          | 49,0000000                                                                            | 492.437                                                                               | 64.934                                                                           | 427.503                                                                                                             |
| 172        | DAG                                 | VN000000DAG5         | 60.314.112                                         | 49,0000000                                                                            | 29.553.914                                                                            | 521.143                                                                          | 29.032.771                                                                                                          |
| 173        | DAN                                 | VN000000DAN1         | 20.938.000                                         | 50,0000000                                                                            | 10.469.000                                                                            | 19.347                                                                           | 10.449.653                                                                                                          |
| 174        | DAS                                 | VN000000DAS0         | 4.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.058.000                                                                             | 0                                                                                | 2.058.000                                                                                                           |
| 175        | DBM                                 | VN000000DBM1         | 1.941.588                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 20.720                                                                           | -20.720                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 176        | DC1                                 | VN000000DC15         | 4.504.337                                          | 49,0000000                                                                            | 2.207.125                                                                             | 30.888                                                                           | 2.176.237                                                                                                           |
| 177        | DCF                                 | VN000000DCF3         | 52.998.891                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.601                                                                            | -3.601                                                                                                              |
| 178        | DCG                                 | VN000000DCG1         | 6.825.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 358.332                                                                          | -358.332                                                                                                            |
| 179        | DCH                                 | VN000000DCH9         | 2.880.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.411.200                                                                             | 0                                                                                | 1.411.200                                                                                                           |
| 180        | DCR                                 | VN000000DCR8         | 6.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.185.000                                                                             | 0                                                                                | 3.185.000                                                                                                           |
| 181        | DCS                                 | VN000000DCS6         | 60.310.988                                         | 49,0000000                                                                            | 29.552.384                                                                            | 335.761                                                                          | 29.216.623                                                                                                          |
| 182        | DCT                                 | VN000000DCT4         | 27.223.647                                         | 49,0000000                                                                            | 13.339.587                                                                            | 106.962                                                                          | 13.232.625                                                                                                          |
| 183        | DCV                                 | VN000000DCV0         | 31.201.143                                         | 100,0000000                                                                           | 31.201.143                                                                            | 29.346.560                                                                       | 1.854.583                                                                                                           |
| 184        | DDB                                 | VN000000DDB0         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 185        | DDH                                 | VN000000DDH7         | 3.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.764.000                                                                             | 0                                                                                | 1.764.000                                                                                                           |
| 186        | DDM                                 | VN000000DDM7         | 12.244.495                                         | 49,0000000                                                                            | 5.999.802                                                                             | 13.072                                                                           | 5.986.730                                                                                                           |
| 187        | DDN                                 | VN000000DDN5         | 16.116.383                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 33.674                                                                           | -33.674                                                                                                             |
| 188        | DDV                                 | VN000000DDV8         | 146.109.900                                        | 49,0000000                                                                            | 71.593.851                                                                            | 3.212.300                                                                        | 68.381.551                                                                                                          |
| 189        | DFC                                 | VN000000DFC3         | 11.400.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 190        | DFE                                 | VN000000DFE6         | 80.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 39.200.000                                                                            | 350.100                                                                          | 38.849.900                                                                                                          |
| 191        | DGT                                 | VN000000DGT5         | 79.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 38.710.000                                                                            | 212.100                                                                          | 38.497.900                                                                                                          |
| 192        | DHB                                 | VN000000DHB1         | 272.200.000                                        | 49,0000000                                                                            | 133.378.000                                                                           | 200                                                                              | 133.377.800                                                                                                         |
| 193        | DHD                                 | VN000000DHD7         | 35.995.929                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 20.727                                                                           | -20.727                                                                                                             |
| 194        | DHN                                 | VN000000DHN6         | 6.290.900                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 195        | DHQ                                 | VN000000DHQ9         | 1.950.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 196        | DIC                                 | VN000000DIC7         | 26.585.840                                         | 49,0000000                                                                            | 13.027.061                                                                            | 46.738                                                                           | 12.980.323                                                                                                          |
| 197        | DID                                 | VN000000DID5         | 15.622.552                                         | 50,0000000                                                                            | 7.811.276                                                                             | 200                                                                              | 7.811.076                                                                                                           |
| 198        | DKC                                 | VN000000DKC3         | 2.288.540                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 199        | DKG                                 | VN000000DKG4         | 14.375.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.043.750                                                                             | 100                                                                              | 7.043.650                                                                                                           |
| 200        | DKH                                 | VN000000DKH2         | 212.036                                            | 100,0000000                                                                           | 212.036                                                                               | 0                                                                                | 212.036                                                                                                             |
| 201        | DKW                                 | VN000000DKW1         | 4.378.120                                          | 100,0000000                                                                           | 4.378.120                                                                             | 100                                                                              | 4.378.020                                                                                                           |
| 202        | DLD                                 | VN000000DLD9         | 9.307.415                                          | 49,0000000                                                                            | 4.560.633                                                                             | 0                                                                                | 4.560.633                                                                                                           |
| 203        | DLR                                 | VN000000DLR9         | 4.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 212.000                                                                          | -212.000                                                                                                            |
| 204        | DLT                                 | VN000000DLT5         | 2.500.056                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.027                                                                             | 1.000                                                                            | 1.224.027                                                                                                           |
| 205        | DM7                                 | VN000000DM70         | 15.411.100                                         | 49,0000000                                                                            | 7.551.439                                                                             | 0                                                                                | 7.551.439                                                                                                           |
| 206        | DMH                                 | VN000000DMH8         | 2.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.000                                                                             | 0                                                                                | 1.225.000                                                                                                           |
| 207        | DMN                                 | VN000000DMN6         | 12.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 208        | DMS                                 | VN000000DMS5         | 4.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 209        | DNA                                 | VN000000DNA1         | 56.329.567                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 576                                                                              | -576                                                                                                                |
| 210        | DND                                 | VN000000DND5         | 12.834.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 40.100                                                                           | -40.100                                                                                                             |
| 211        | DNE                                 | VN000000DNE3         | 5.773.600                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 66.900                                                                           | -66.900                                                                                                             |
| 212        | DNH                                 | VN000000DNH6         | 422.400.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 700                                                                              | -700                                                                                                                |
| 213        | DNL                                 | VN000000DNL8         | 4.310.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 16.680                                                                           | -16.680                                                                                                             |
| 214        | DNM                                 | VN000000DNM6         | 5.253.070                                          | 50,0000000                                                                            | 2.626.535                                                                             | 186.825                                                                          | 2.439.710                                                                                                           |
| 215        | DNN                                 | VN000000DNN4         | 57.964.061                                         | 49,0000000                                                                            | 28.402.389                                                                            | 0                                                                                | 28.402.389                                                                                                          |
| 216        | DNT                                 | VN000000DNT1         | 7.459.675                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 217        | DNW                                 | VN000000DNW5         | 120.000.000                                        | 9,5000000                                                                             | 11.400.000                                                                            | 56.437                                                                           | 11.343.563                                                                                                          |
| 218        | DO3                                 | VN000000DO37         | 2.100.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 219        | DOC                                 | VN000000DOC5         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 220        | DOP                                 | VN000000DOP7         | 4.719.950                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 7.200                                                                            | -7.200                                                                                                              |
| 221        | DP1                                 | VN000000DP10         | 20.979.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.000                                                                            | -1.000                                                                                                              |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 222        | DP2                                 | VN000000DP28         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 0                                                                                | 9.800.000                                                                                                           |
| 223        | DPC                                 | VN000000DPC2         | 2.237.280                                          | 49,0000000                                                                            | 1.096.267                                                                             | 30.580                                                                           | 1.065.687                                                                                                           |
| 224        | DPH                                 | VN000000DPH1         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 1.900                                                                            | 1.468.100                                                                                                           |
| 225        | DPP                                 | VN000000DPP4         | 3.000.010                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.004                                                                             | 200                                                                              | 1.469.804                                                                                                           |
| 226        | DPS                                 | VN000000DPS8         | 31.085.257                                         | 49,0000000                                                                            | 15.231.775                                                                            | 105.161                                                                          | 15.126.614                                                                                                          |
| 227        | DRG                                 | VN000000DRG9         | 155.800.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 5.500                                                                            | -5.500                                                                                                              |
| 228        | DRI                                 | VN000000DRI5         | 73.200.000                                         | 50,0000000                                                                            | 36.600.000                                                                            | 718.019                                                                          | 35.881.981                                                                                                          |
| 229        | DSD                                 | VN000000DSD4         | 58.399.756                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 230        | DSG                                 | VN000000DSG7         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 50.100                                                                           | 14.649.900                                                                                                          |
| 231        | DSH                                 | VN000000DSH5         | 35.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 232        | DSP                                 | VN000000DSP8         | 118.684.000                                        | 49,0000000                                                                            | 58.155.160                                                                            | 0                                                                                | 58.155.160                                                                                                          |
| 233        | DTC                                 | VN000000DTC4         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 144.789                                                                          | -144.789                                                                                                            |
| 234        | DTE                                 | VN000000DTE0         | 50.725.887                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 6.000                                                                            | -6.000                                                                                                              |
| 235        | DTH                                 | VN000000DTH3         | 7.471.614                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 236        | DTI                                 | VN000000DTI1         | 13.488.800                                         | 49,0000000                                                                            | 6.609.512                                                                             | 0                                                                                | 6.609.512                                                                                                           |
| 237        | DTP                                 | VN000000DTP6         | 32.458.084                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 238        | DUS                                 | VN000000DUS8         | 5.614.300                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 239        | DVC                                 | VN000000DVC0         | 10.793.670                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 240        | DVG                                 | VN000000DVG1         | 28.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 29.600                                                                           | -29.600                                                                                                             |
| 241        | DVN                                 | VN000000DVN7         | 237.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 70.000                                                                           | -70.000                                                                                                             |
| 242        | DVT                                 | VN000000DVT4         | 279.300                                            | 100,0000000                                                                           | 279.300                                                                               | 0                                                                                | 279.300                                                                                                             |
| 243        | DVW                                 | VN000000DVW8         | 2.345.000                                          | 9,5000000                                                                             | 222.775                                                                               | 0                                                                                | 222.775                                                                                                             |
| 244        | DWC                                 | VN000000DWC8         | 31.520.000                                         | 50,0000000                                                                            | 15.760.000                                                                            | 1.200                                                                            | 15.758.800                                                                                                          |
| 245        | DWS                                 | VN000000DWS4         | 25.918.130                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 246        | DXL                                 | VN000000DXL7         | 3.957.900                                          | 49,0000000                                                                            | 1.939.371                                                                             | 73.760                                                                           | 1.865.611                                                                                                           |
| 247        | DZM                                 | VN000000DZM0         | 5.395.985                                          | 49,0000000                                                                            | 2.644.032                                                                             | 524.138                                                                          | 2.119.894                                                                                                           |
| 248        | E12                                 | VN000000E123         | 1.200.000                                          | 100,0000000                                                                           | 1.200.000                                                                             | 0                                                                                | 1.200.000                                                                                                           |
| 249        | E29                                 | VN000000E297         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 250        | ECO                                 | VN000000ECO3         | 29.999.985                                         | 50,0000000                                                                            | 14.999.992                                                                            | 24.500                                                                           | 14.975.492                                                                                                          |
| 251        | EFI                                 | VN000000EFI8         | 10.880.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.331.200                                                                             | 2.800                                                                            | 5.328.400                                                                                                           |
| 252        | EGL                                 | VN000000EGL0         | 7.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 253        | EIC                                 | VN000000EIC5         | 36.677.145                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 12.928                                                                           | -12.928                                                                                                             |
| 254        | EIN                                 | VN000000EIN2         | 45.407.161                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 15.720                                                                           | -15.720                                                                                                             |
| 255        | EME                                 | VN000000EME3         | 3.780.298                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 116.979                                                                          | -116.979                                                                                                            |
| 256        | EMG                                 | VN000000EMG8         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 100                                                                              | 1.469.900                                                                                                           |
| 257        | EMS                                 | VN000000EMS3         | 20.999.440                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 399.826                                                                          | -399.826                                                                                                            |
| 258        | ESL                                 | VN000000ESL5         | 65.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 31.948.000                                                                            | 0                                                                                | 31.948.000                                                                                                          |
| 259        | F88                                 | VN000000F880         | 110.125.951                                        | 100,0000000                                                                           | 110.125.951                                                                           | 63.474.755                                                                       | 46.651.196                                                                                                          |
| 260        | FBA                                 | VN000000FBA1         | 3.414.900                                          | 49,0000000                                                                            | 1.673.301                                                                             | 33.000                                                                           | 1.640.301                                                                                                           |
| 261        | FBC                                 | VN000000FBC7         | 3.700.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 262        | FCC                                 | VN000000FCC5         | 5.997.040                                          | 49,0000000                                                                            | 2.938.549                                                                             | 0                                                                                | 2.938.549                                                                                                           |
| 263        | FCS                                 | VN000000FCS1         | 29.450.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.430.500                                                                            | 0                                                                                | 14.430.500                                                                                                          |
| 264        | FDG                                 | VN000000FDG4         | 13.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.468.000                                                                             | 4.620                                                                            | 6.463.380                                                                                                           |
| 265        | FGL                                 | VN000000FGL7         | 14.676.300                                         | 49,0000000                                                                            | 7.191.387                                                                             | 0                                                                                | 7.191.387                                                                                                           |
| 266        | FHN                                 | VN000000FHN1         | 3.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 3.000.000                                                                             | 0                                                                                | 3.000.000                                                                                                           |
| 267        | FHS                                 | VN000000FHS0         | 12.751.462                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 268        | FIC                                 | VN000000FIC2         | 127.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 4.000                                                                            | -4.000                                                                                                              |
| 269        | FOC                                 | VN000000FOC0         | 18.471.275                                         | 49,000000                                                                             | 9.050.924                                                                             | 203.047                                                                          | 8.847.877                                                                                                           |
| 270        | FOX                                 | VN000000FOX6         | 738.763.463                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 11.957                                                                           | -11.957                                                                                                             |
| 271        | FRC                                 | VN000000FRC3         | 3.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.470.000                                                                             | 100                                                                              | 1.469.900                                                                                                           |
| 272        | FRM                                 | VN000000FRM2         | 11.700.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.733.000                                                                             | 0                                                                                | 5.733.000                                                                                                           |
| 273        | FSO                                 | VN000000FSO6         | 5.624.966                                          | 49,000000                                                                             | 2.756.233                                                                             | 300                                                                              | 2.755.933                                                                                                           |
| 274        | FTI                                 | VN000000FTI4         | 7.079.853                                          | 49,000000                                                                             | 3.469.127                                                                             | 16.600                                                                           | 3.452.527                                                                                                           |
| 275        | FTI                                 | VN000000FTI6         | 3.943.710                                          | 49,000000                                                                             | 1.932.417                                                                             | 0                                                                                | 1.932.417                                                                                                           |
| 276        | FTM                                 | VN000000FTM8         | 50.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 24.500.000                                                                            | 185.130                                                                          | 24.314.870                                                                                                          |
| 277        | FVN                                 | VN000000FVN2         | 282.200                                            | 49,000000                                                                             | 138.278                                                                               | 0                                                                                | 138.278                                                                                                             |
| 278        | G20                                 | VN000000G201         | 14.400.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.056.000                                                                             | 3.800                                                                            | 7.052.200                                                                                                           |
| 279        | G30                                 | VN000000G300         | 1.509.750                                          | 100,000000                                                                            | 1.509.750                                                                             | 0                                                                                | 1.509.750                                                                                                           |
| 280        | G36                                 | VN000000G367         | 103.745.067                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 281        | GCB                                 | VN000000GCB5         | 4.039.147                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 20                                                                               | -20                                                                                                                 |
| 282        | GCF                                 | VN000000GCF6         | 43.246.471                                         | 100,000000                                                                            | 43.246.471                                                                            | 1.056.430                                                                        | 42.190.041                                                                                                          |
| 283        | GDA                                 | VN000000GDA5         | 149.098.851                                        | 49,000000                                                                             | 73.058.436                                                                            | 27.226.844                                                                       | 45.831.592                                                                                                          |
| 284        | GE2                                 | VN000000GE28         | 1.186.644.367                                      | 49,000000                                                                             | 581.455.739                                                                           | 85.300                                                                           | 581.370.439                                                                                                         |
| 285        | GER                                 | VN000000GER7         | 2.200.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.078.000                                                                             | 200                                                                              | 1.077.800                                                                                                           |
| 286        | GFS                                 | VN000000GFS2         | 2.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 287        | GGG                                 | VN000000GGG5         | 29.388.589                                         | 49,000000                                                                             | 14.400.408                                                                            | 615.330                                                                          | 13.785.078                                                                                                          |
| 288        | GH3                                 | VN000000GH33         | 11.500.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 289        | GLC                                 | VN000000GLC4         | 10.500.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.145.000                                                                             | 0                                                                                | 5.145.000                                                                                                           |
| 290        | GLW                                 | VN000000GLW2         | 18.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 8.820.000                                                                             | 300                                                                              | 8.819.700                                                                                                           |
| 291        | GMC                                 | VN000000GMC2         | 33.000.259                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.556.790                                                                        | -1.556.790                                                                                                          |
| 292        | GND                                 | VN000000GND8         | 9.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 4.410.000                                                                             | 22.300                                                                           | 4.387.700                                                                                                           |
| 293        | GPC                                 | VN000000GPC5         | 54.072.143                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 294        | GSM                                 | VN000000GSM8         | 28.562.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 2.000                                                                            | -2.000                                                                                                              |
| 295        | GTC                                 | VN000000GTC7         | 1.032.243                                          | 49,000000                                                                             | 505.799                                                                               | 0                                                                                | 505.799                                                                                                             |
| 296        | GTD                                 | VN000000GTD5         | 9.300.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 297        | GTS                                 | VN000000GTS3         | 28.499.764                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 298        | GTT                                 | VN000000GTT1         | 43.503.000                                         | 49,000000                                                                             | 21.316.470                                                                            | 51.075                                                                           | 21.265.395                                                                                                          |
| 299        | GVT                                 | VN000000GVT7         | 11.605.100                                         | 49,000000                                                                             | 5.686.499                                                                             | 2.812                                                                            | 5.683.687                                                                                                           |
| 300        | H11                                 | VN000000H118         | 1.060.000                                          | 49,000000                                                                             | 519.400                                                                               | 100                                                                              | 519.300                                                                                                             |
| 301        | HAC                                 | VN000000HAC5         | 129.181.096                                        | 100,000000                                                                            | 129.181.096                                                                           | 299.547                                                                          | 128.881.549                                                                                                         |
| 302        | HAF                                 | VN000000HAF8         | 14.500.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.105.000                                                                             | 100                                                                              | 7.104.900                                                                                                           |
| 303        | HAM                                 | VN000000HAM4         | 9.638.061                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 304        | HAN                                 | VN000000HAN2         | 141.048.000                                        | 49,000000                                                                             | 69.113.520                                                                            | 100                                                                              | 69.113.420                                                                                                          |
| 305        | HAV                                 | VN000000HAV5         | 3.297.860                                          | 100,000000                                                                            | 3.297.860                                                                             | 400                                                                              | 3.297.460                                                                                                           |
| 306        | HBC                                 | VN000000HBC3         | 347.213.270                                        | 50,000000                                                                             | 173.606.635                                                                           | 31.138.457                                                                       | 142.468.178                                                                                                         |
| 307        | HBD                                 | VN000000HBD1         | 2.011.100                                          | 49,000000                                                                             | 985.439                                                                               | 5.540                                                                            | 979.899                                                                                                             |
| 308        | HBH                                 | VN000000HBH2         | 16.000.000                                         | 30,000000                                                                             | 4.800.000                                                                             | 133.010                                                                          | 4.666.990                                                                                                           |
| 309        | HC1                                 | VN000000HC11         | 8.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.920.000                                                                             | 0                                                                                | 3.920.000                                                                                                           |
| 310        | HC3                                 | VN000000HC37         | 20.685.717                                         | 49,000000                                                                             | 10.136.001                                                                            | 16.852                                                                           | 10.119.149                                                                                                          |
| 311        | HCI                                 | VN000000HCI8         | 5.232.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.563.680                                                                             | 0                                                                                | 2.563.680                                                                                                           |
| 312        | HCO                                 | VN000000HCO6         | 12.229.534                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 313        | HD2                                 | VN000000HD28         | 8.962.353                                          | 49,000000                                                                             | 4.391.552                                                                             | 5.200                                                                            | 4.386.352                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 314        | HD6                                 | VN000000HD69         | 15.120.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 315        | HD8                                 | VN000000HD85         | 10.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 2.400                                                                            | -2.400                                                                                                              |
| 316        | HDM                                 | VN000000HDM8         | 20.096.259                                         | 5,000000                                                                              | 1.004.812                                                                             | 14.628                                                                           | 990.184                                                                                                             |
| 317        | HDO                                 | VN000000HDO4         | 16.959.879                                         | 49,000000                                                                             | 8.310.340                                                                             | 74.132                                                                           | 8.236.208                                                                                                           |
| 318        | HDP                                 | VN000000HDP1         | 9.934.418                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 14.506                                                                           | -14.506                                                                                                             |
| 319        | HDW                                 | VN000000HDW7         | 31.882.470                                         | 49,000000                                                                             | 15.622.410                                                                            | 12.300                                                                           | 15.610.110                                                                                                          |
| 320        | HEC                                 | VN000000HEC7         | 6.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 321        | HEJ                                 | VN000000HEJ2         | 4.400.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 322        | HEP                                 | VN000000HEP9         | 6.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.940.000                                                                             | 161.700                                                                          | 2.778.300                                                                                                           |
| 323        | HES                                 | VN000000HES3         | 9.297.450                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 324        | HFB                                 | VN000000HFB6         | 9.100.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 325        | HFC                                 | VN000000HFC4         | 10.198.105                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 326        | HFX                                 | VN000000HFX0         | 1.270.000                                          | 49,000000                                                                             | 622.300                                                                               | 0                                                                                | 622.300                                                                                                             |
| 327        | HGT                                 | VN000000HGT6         | 20.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 20.000.000                                                                            | 9.800.000                                                                        | 10.200.000                                                                                                          |
| 328        | HHB                                 | VN000000HHB2         | 10.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 329        | HHG                                 | VN000000HHG1         | 34.896.354                                         | 49,000000                                                                             | 17.099.213                                                                            | 72.503                                                                           | 17.026.710                                                                                                          |
| 330        | HHI                                 | VN000000HHI7         | 8.805.631                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 11.968                                                                           | -11.968                                                                                                             |
| 331        | HHN                                 | VN000000HHN7         | 1.440.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 332        | HIO                                 | VN000000HIO3         | 42.000.000                                         | 50,000000                                                                             | 21.000.000                                                                            | 1.400                                                                            | 20.998.600                                                                                                          |
| 333        | HJC                                 | VN000000HJC6         | 12.853.052                                         | 49,000000                                                                             | 6.297.995                                                                             | 68.300                                                                           | 6.229.695                                                                                                           |
| 334        | HKB                                 | VN000000HKB6         | 51.599.999                                         | 49,000000                                                                             | 25.283.999                                                                            | 410.845                                                                          | 24.873.154                                                                                                          |
| 335        | HLA                                 | VN000000HLA6         | 34.459.293                                         | 49,000000                                                                             | 16.885.053                                                                            | 41.230                                                                           | 16.843.823                                                                                                          |
| 336        | HLB                                 | VN000000HLB4         | 3.090.000                                          | 51,000000                                                                             | 1.575.900                                                                             | 955.100                                                                          | 620.800                                                                                                             |
| 337        | HLO                                 | VN000000HLO7         | 10.000.000                                         | 100,000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 3.934.150                                                                        | 6.065.850                                                                                                           |
| 338        | HLS                                 | VN000000HLS8         | 11.169.125                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 339        | HLT                                 | VN000000HLT6         | 5.500.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 340        | HLY                                 | VN000000HLY6         | 1.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 490.000                                                                               | 9.626                                                                            | 480.374                                                                                                             |
| 341        | HMD                                 | VN000000HMD8         | 6.964.075                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 342        | HMG                                 | VN000000HMG1         | 9.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 343        | HMS                                 | VN000000HMS6         | 10.919.846                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 2.808                                                                            | -2.808                                                                                                              |
| 344        | HNB                                 | VN000000HNB0         | 9.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 4.655.000                                                                             | 32.700                                                                           | 4.622.300                                                                                                           |
| 345        | HNC                                 | VN000000HNC8         | 68.800.000                                         | 49,000000                                                                             | 33.712.000                                                                            | 0                                                                                | 33.712.000                                                                                                          |
| 346        | HND                                 | VN000000HND6         | 500.000.000                                        | 49,000000                                                                             | 245.000.000                                                                           | 92.200                                                                           | 244.907.800                                                                                                         |
| 347        | HNF                                 | VN000000HNF1         | 30.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 14.700.000                                                                            | 34.000                                                                           | 14.666.000                                                                                                          |
| 348        | HNG                                 | VN000000HNG9         | 1.108.553.895                                      | 50,000000                                                                             | 554.276.947                                                                           | 11.436.341                                                                       | 542.840.606                                                                                                         |
| 349        | HNI                                 | VN000000HNI5         | 23.778.900                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 174.200                                                                          | -174.200                                                                                                            |
| 350        | HNM                                 | VN000000HNM7         | 44.400.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 68.050                                                                           | -68.050                                                                                                             |
| 351        | HNP                                 | VN000000HNP0         | 5.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.450.000                                                                             | 202.300                                                                          | 2.247.700                                                                                                           |
| 352        | HNR                                 | VN000000HNR6         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 9.113.513                                                                        | 686.487                                                                                                             |
| 353        | HNS                                 | VN000000HNS4         | 4.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.960.000                                                                             | 0                                                                                | 1.960.000                                                                                                           |
| 354        | HOT                                 | VN000000HOT0         | 8.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.320                                                                            | -1.320                                                                                                              |
| 355        | HPB                                 | VN000000HPB5         | 3.880.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.901.200                                                                             | 3.310                                                                            | 1.897.890                                                                                                           |
| 356        | HPD                                 | VN000000HPD1         | 8.306.590                                          | 49,000000                                                                             | 4.070.229                                                                             | 33.500                                                                           | 4.036.729                                                                                                           |
| 357        | HPH                                 | VN000000HPH2         | 8.400.000                                          | 50,000000                                                                             | 4.200.000                                                                             | 0                                                                                | 4.200.000                                                                                                           |
| 358        | HPI                                 | VN000000HPI0         | 60.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 359        | HPM                                 | VN000000HPM2         | 3.800.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.862.000                                                                             | 48.500                                                                           | 1.813.500                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 360        | HPO                                 | VN000000HPO8         | 5.807.417                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 361        | HPP                                 | VN000000HPP5         | 8.007.177                                          | 49,000000                                                                             | 3.923.516                                                                             | 1.890.936                                                                        | 2.032.580                                                                                                           |
| 362        | HPT                                 | VN000000HPT7         | 11.542.319                                         | 49,000000                                                                             | 5.655.736                                                                             | 356.214                                                                          | 5.299.522                                                                                                           |
| 363        | HPW                                 | VN000000HPW1         | 74.206.940                                         | 49,000000                                                                             | 36.361.400                                                                            | 103.600                                                                          | 36.257.800                                                                                                          |
| 364        | HRB                                 | VN000000HRB1         | 6.338.400                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 5.600                                                                            | -5.600                                                                                                              |
| 365        | HSA                                 | VN000000HSA1         | 7.872.727                                          | 49,000000                                                                             | 3.857.636                                                                             | 100                                                                              | 3.857.536                                                                                                           |
| 366        | HSI                                 | VN000000HSI4         | 10.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 317.115                                                                          | -317.115                                                                                                            |
| 367        | HSM                                 | VN000000HSM6         | 20.500.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 300                                                                              | -300                                                                                                                |
| 368        | HSP                                 | VN000000HSP9         | 12.027.086                                         | 49,000000                                                                             | 5.893.272                                                                             | 356.560                                                                          | 5.536.712                                                                                                           |
| 369        | HSV                                 | VN000000HSV7         | 15.749.994                                         | 50,000000                                                                             | 7.874.997                                                                             | 16.370                                                                           | 7.858.627                                                                                                           |
| 370        | HT9                                 | VN000000HT95         | 5.000.000                                          | 51,000000                                                                             | 2.550.000                                                                             | 0                                                                                | 2.550.000                                                                                                           |
| 371        | HTE                                 | VN000000HTE1         | 23.608.165                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 800                                                                              | -800                                                                                                                |
| 372        | HTM                                 | VN000000HTM4         | 220.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.525                                                                            | -1.525                                                                                                              |
| 373        | HTP                                 | VN000000HTP7         | 91.804.980                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 2.700                                                                            | -2.700                                                                                                              |
| 374        | HTS                                 | VN000000HTS1         | 14.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.860.000                                                                             | 0                                                                                | 6.860.000                                                                                                           |
| 375        | HTT                                 | VN000000HTT9         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 140.780                                                                          | 9.659.220                                                                                                           |
| 376        | HU3                                 | VN000000HU35         | 9.999.944                                          | 49,000000                                                                             | 4.899.972                                                                             | 7.680                                                                            | 4.892.292                                                                                                           |
| 377        | HU4                                 | VN000000HU43         | 15.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.350.000                                                                             | 2.800                                                                            | 7.347.200                                                                                                           |
| 378        | HU6                                 | VN000000HU68         | 7.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.675.000                                                                             | 9.750                                                                            | 3.665.250                                                                                                           |
| 379        | HUG                                 | VN000000HUG4         | 19.511.389                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 380        | HVA                                 | VN000000HVA5         | 13.650.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.688.500                                                                             | 3.318.000                                                                        | 3.370.500                                                                                                           |
| 381        | HVX                                 | VN000000HVX7         | 41.525.250                                         | 47,153000                                                                             | 19.580.401                                                                            | 350.200                                                                          | 19.230.201                                                                                                          |
| 382        | HWI                                 | VN000000HWI6         | 1.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.000.000                                                                             | 0                                                                                | 1.000.000                                                                                                           |
| 383        | HWS                                 | VN000000HWS5         | 87.600.000                                         | 100,000000                                                                            | 87.600.000                                                                            | 935.456                                                                          | 86.664.544                                                                                                          |
| 384        | IBC                                 | VN000000IBC1         | 83.150.661                                         | 31,000000                                                                             | 25.776.704                                                                            | 1.104.160                                                                        | 24.672.544                                                                                                          |
| 385        | IBD                                 | VN000000IBD9         | 9.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 386        | IBN                                 | VN000000IBN8         | 1.776.800                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 387        | ICC                                 | VN000000ICC9         | 3.800.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.862.000                                                                             | 4.041                                                                            | 1.857.959                                                                                                           |
| 388        | ICF                                 | VN000000ICF2         | 12.807.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.275.430                                                                             | 332.560                                                                          | 5.942.870                                                                                                           |
| 389        | ICI                                 | VN000000ICI6         | 4.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.960.000                                                                             | 0                                                                                | 1.960.000                                                                                                           |
| 390        | ICN                                 | VN000000ICN6         | 30.599.923                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.978                                                                            | -1.978                                                                                                              |
| 391        | IDP                                 | VN000000IDP9         | 61.804.472                                         | 100,000000                                                                            | 61.804.472                                                                            | 8.218.410                                                                        | 53.586.062                                                                                                          |
| 392        | IFS                                 | VN000000IFS8         | 87.140.984                                         | 100,000000                                                                            | 87.140.984                                                                            | 85.056.569                                                                       | 2.084.415                                                                                                           |
| 393        | IHK                                 | VN000000IHK1         | 2.141.928                                          | 49,000000                                                                             | 1.049.544                                                                             | 920                                                                              | 1.048.624                                                                                                           |
| 394        | ILA                                 | VN000000ILA4         | 19.641.431                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 972                                                                              | -972                                                                                                                |
| 395        | ILC                                 | VN000000ILC0         | 6.100.391                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 14.600                                                                           | -14.600                                                                                                             |
| 396        | ILS                                 | VN000000ILS6         | 36.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 397        | IME                                 | VN000000IME4         | 3.599.948                                          | 50,000000                                                                             | 1.799.974                                                                             | 0                                                                                | 1.799.974                                                                                                           |
| 398        | IN4                                 | VN000000IN41         | 1.200.000                                          | 49,000000                                                                             | 588.000                                                                               | 0                                                                                | 588.000                                                                                                             |
| 399        | IRC                                 | VN000000IRC7         | 17.500.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 400        | ISG                                 | VN000000ISG6         | 8.800.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 401        | ISH                                 | VN000000ISH4         | 45.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 69.200                                                                           | -69.200                                                                                                             |
| 402        | IST                                 | VN000000IST9         | 15.008.492                                         | 49,000000                                                                             | 7.354.161                                                                             | 28.345                                                                           | 7.325.816                                                                                                           |
| 403        | ITA                                 | VN000000ITA7         | 938.463.607                                        | 49,000000                                                                             | 459.847.167                                                                           | 3.712.226                                                                        | 456.134.941                                                                                                         |
| 404        | ITS                                 | VN000000ITS9         | 26.459.924                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 25.090                                                                           | -25.090                                                                                                             |
| 405        | JOS                                 | VN000000JOS8         | 15.322.723                                         | 49,000000                                                                             | 7.508.134                                                                             | 40.920                                                                           | 7.467.214                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 406        | KCB                                 | VN000000KCB7         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                             | 6.317                                                                            | 3.913.683                                                                                                           |
| 407        | KGM                                 | VN000000KGM5         | 25.430.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 408        | KHD                                 | VN000000KHD2         | 3.262.818                                          | 50,0000000                                                                            | 1.631.409                                                                             | 0                                                                                | 1.631.409                                                                                                           |
| 409        | KHL                                 | VN000000KHL5         | 12.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.880.000                                                                             | 70.800                                                                           | 5.809.200                                                                                                           |
| 410        | KHW                                 | VN000000KHW2         | 28.599.996                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 411        | KHX                                 | VN000000KHX0         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 412        | KIP                                 | VN000000KIP4         | 9.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 413        | KNA                                 | VN000000KNA6         | 4.281.600                                          | 49,0000000                                                                            | 2.097.984                                                                             | 0                                                                                | 2.097.984                                                                                                           |
| 414        | KPF                                 | VN000000KPF0         | 60.867.241                                         | 49,0000000                                                                            | 29.824.948                                                                            | 86.224                                                                           | 29.738.724                                                                                                          |
| 415        | KSH                                 | VN000000KSH0         | 57.509.675                                         | 49,0000000                                                                            | 28.179.740                                                                            | 126.135                                                                          | 28.053.605                                                                                                          |
| 416        | KSQ                                 | VN000000KSQ1         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 153.600                                                                          | 14.546.400                                                                                                          |
| 417        | KSS                                 | VN000000KSS7         | 49.432.500                                         | 49,0000000                                                                            | 24.221.925                                                                            | 634.636                                                                          | 23.587.289                                                                                                          |
| 418        | KTB                                 | VN000000KTB1         | 40.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 19.698.000                                                                            | 334.520                                                                          | 19.363.480                                                                                                          |
| 419        | KTC                                 | VN000000KTC9         | 36.473.833                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 420        | KTL                                 | VN000000KTL0         | 19.200.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.408.000                                                                             | 20.000                                                                           | 9.388.000                                                                                                           |
| 421        | KTT                                 | VN000000KTT3         | 2.955.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 18.405                                                                           | -18.405                                                                                                             |
| 422        | KVC                                 | VN000000KVC5         | 49.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.255.000                                                                            | 347.538                                                                          | 23.907.462                                                                                                          |
| 423        | L12                                 | VN000000L128         | 7.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.430.000                                                                             | 2.400                                                                            | 3.427.600                                                                                                           |
| 424        | L35                                 | VN000000L359         | 3.265.155                                          | 49,0000000                                                                            | 1.599.925                                                                             | 200                                                                              | 1.599.725                                                                                                           |
| 425        | L43                                 | VN000000L433         | 3.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.715.000                                                                             | 2.200                                                                            | 1.712.800                                                                                                           |
| 426        | L44                                 | VN000000L441         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                             | 43.300                                                                           | 1.916.700                                                                                                           |
| 427        | L45                                 | VN000000L458         | 4.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.352.000                                                                             | 10.000                                                                           | 2.342.000                                                                                                           |
| 428        | L61                                 | VN000000L615         | 7.576.200                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 108                                                                              | -108                                                                                                                |
| 429        | L62                                 | VN000000L623         | 8.298.243                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 430        | L63                                 | VN000000L631         | 8.279.361                                          | 49,0000000                                                                            | 4.056.886                                                                             | 0                                                                                | 4.056.886                                                                                                           |
| 431        | LAI                                 | VN000000LAI4         | 27.359.969                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 432        | LAW                                 | VN000000LAW5         | 12.200.000                                         | 50,0000000                                                                            | 6.100.000                                                                             | 0                                                                                | 6.100.000                                                                                                           |
| 433        | LCC                                 | VN000000LCC3         | 5.838.999                                          | 49,0000000                                                                            | 2.861.109                                                                             | 0                                                                                | 2.861.109                                                                                                           |
| 434        | LCM                                 | VN000000LCM2         | 24.633.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.070.170                                                                            | 994.545                                                                          | 11.075.625                                                                                                          |
| 435        | LCS                                 | VN000000LCS9         | 7.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.724.000                                                                             | 800                                                                              | 3.723.200                                                                                                           |
| 436        | LDW                                 | VN000000LDW9         | 78.800.000                                         | 50,0000000                                                                            | 39.400.000                                                                            | 200                                                                              | 39.399.800                                                                                                          |
| 437        | LEC                                 | VN000000LEC9         | 26.100.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.789.000                                                                            | 732                                                                              | 12.788.268                                                                                                          |
| 438        | LG9                                 | VN000000LG94         | 5.026.600                                          | 49,0000000                                                                            | 2.463.034                                                                             | 0                                                                                | 2.463.034                                                                                                           |
| 439        | LIC                                 | VN000000LIC0         | 90.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 440        | LKW                                 | VN000000LKW4         | 2.500.000                                          | 9,5000000                                                                             | 237.500                                                                               | 72.126                                                                           | 165.374                                                                                                             |
| 441        | LLM                                 | VN000000LLM3         | 79.726.104                                         | 49,0000000                                                                            | 39.065.790                                                                            | 10.000                                                                           | 39.055.790                                                                                                          |
| 442        | LM3                                 | VN000000LM39         | 5.150.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 33.800                                                                           | -33.800                                                                                                             |
| 443        | LM7                                 | VN000000LM70         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 22.401                                                                           | 2.427.599                                                                                                           |
| 444        | LMC                                 | VN000000LMC2         | 1.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 445        | LMH                                 | VN000000LMH1         | 25.629.995                                         | 100,0000000                                                                           | 25.629.995                                                                            | 1.310                                                                            | 25.628.685                                                                                                          |
| 446        | LMI                                 | VN000000LMI9         | 5.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 65.900                                                                           | -65.900                                                                                                             |
| 447        | LNC                                 | VN000000LNC0         | 8.230.067                                          | 51,0000000                                                                            | 4.197.334                                                                             | 0                                                                                | 4.197.334                                                                                                           |
| 448        | LO5                                 | VN000000LO52         | 5.149.791                                          | 49,0000000                                                                            | 2.523.397                                                                             | 44.298                                                                           | 2.479.099                                                                                                           |
| 449        | LPT                                 | VN000000LPT9         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 450        | LQN                                 | VN000000LQN0         | 1.893.540                                          | 49,0000000                                                                            | 927.834                                                                               | 0                                                                                | 927.834                                                                                                             |
| 451        | LSG                                 | VN000000LSG0         | 90.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 30.000                                                                           | -30.000                                                                                                             |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 452        | LTC                                 | VN000000LTC7         | 4.586.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.247.140                                                                             | 85.586                                                                           | 2.161.554                                                                                                           |
| 453        | LTG                                 | VN000000LTG8         | 100.741.465                                        | 49,0000000                                                                            | 49.363.317                                                                            | 33.744.937                                                                       | 15.618.380                                                                                                          |
| 454        | LTQ                                 | VN000000LTQ7         | 1.781.200                                          | 52,9700000                                                                            | 943.501                                                                               | 0                                                                                | 943.501                                                                                                             |
| 455        | LUT                                 | VN000000LUT9         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 80.285                                                                           | 7.269.715                                                                                                           |
| 456        | M10                                 | VN000000M100         | 31.751.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 457        | MA1                                 | VN000000MA16         | 10.050.392                                         | 50,0000000                                                                            | 5.025.196                                                                             | 0                                                                                | 5.025.196                                                                                                           |
| 458        | MBN                                 | VN000000MBN0         | 5.750.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.817.500                                                                             | 0                                                                                | 2.817.500                                                                                                           |
| 459        | MBT                                 | VN000000MBT7         | 3.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 460        | MCG                                 | VN000000MCG2         | 57.510.000                                         | 49,0000000                                                                            | 28.179.900                                                                            | 69.540                                                                           | 28.110.360                                                                                                          |
| 461        | MDA                                 | VN000000MDA3         | 1.200.000                                          | 49,0000000                                                                            | 588.000                                                                               | 0                                                                                | 588.000                                                                                                             |
| 462        | MDD                                 | VN000000MDD7         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 0                                                                                | 7.350.000                                                                                                           |
| 463        | MDF                                 | VN000000MDF2         | 55.113.595                                         | 49,0000000                                                                            | 27.005.661                                                                            | 0                                                                                | 27.005.661                                                                                                          |
| 464        | MEC                                 | VN000000MEC7         | 8.353.620                                          | 49,0000000                                                                            | 4.093.273                                                                             | 26.399                                                                           | 4.066.874                                                                                                           |
| 465        | MEF                                 | VN000000MEF0         | 4.135.097                                          | 49,0000000                                                                            | 2.026.197                                                                             | 260.265                                                                          | 1.765.932                                                                                                           |
| 466        | MES                                 | VN000000MES3         | 18.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.114.000                                                                             | 0                                                                                | 9.114.000                                                                                                           |
| 467        | MFS                                 | VN000000MFS0         | 7.062.979                                          | 49,0000000                                                                            | 3.460.859                                                                             | 713.165                                                                          | 2.747.694                                                                                                           |
| 468        | MGC                                 | VN000000MGC2         | 10.800.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 469        | MGG                                 | VN000000MGG3         | 8.999.622                                          | 49,0000000                                                                            | 4.409.814                                                                             | 0                                                                                | 4.409.814                                                                                                           |
| 470        | MGR                                 | VN000000MGR0         | 20.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 471        | MH3                                 | VN000000MH35         | 24.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 643.700                                                                          | -643.700                                                                                                            |
| 472        | MHL                                 | VN000000MHL1         | 5.430.923                                          | 49,0000000                                                                            | 2.661.152                                                                             | 21.370                                                                           | 2.639.782                                                                                                           |
| 473        | MIE                                 | VN000000MIE4         | 141.991.500                                        | 49,0000000                                                                            | 69.575.835                                                                            | 0                                                                                | 69.575.835                                                                                                          |
| 474        | MIRMN251                            | VNMIRMN2512          | 20.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 20.000.000                                                                            | 48.222                                                                           | 19.951.778                                                                                                          |
| 475        | MIRNT261                            | VNMIRNT2610          | 6.000.000                                          | 100,0000000                                                                           | 6.000.000                                                                             | 0                                                                                | 6.000.000                                                                                                           |
| 476        | MIRPT261                            | VNMIRPT2619          | 32.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 32.000.000                                                                            | 1.000                                                                            | 31.999.000                                                                                                          |
| 477        | MIRTD261                            | VNMIRTD2612          | 30.000.000                                         | 100,0000000                                                                           | 30.000.000                                                                            | 0                                                                                | 30.000.000                                                                                                          |
| 478        | MKP                                 | VN000000MKP6         | 25.545.867                                         | 49,0000000                                                                            | 12.517.474                                                                            | 61.285                                                                           | 12.456.189                                                                                                          |
| 479        | MLC                                 | VN000000MLC2         | 4.171.175                                          | 49,0000000                                                                            | 2.043.875                                                                             | 500                                                                              | 2.043.375                                                                                                           |
| 480        | MLS                                 | VN000000MLS8         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                             | 58.500                                                                           | 1.901.500                                                                                                           |
| 481        | MMC                                 | VN000000MMC0         | 3.160.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.548.400                                                                             | 23.905                                                                           | 1.524.495                                                                                                           |
| 482        | MML                                 | VN000000MML1         | 340.316.858                                        | 100,0000000                                                                           | 340.316.858                                                                           | 3.853.074                                                                        | 336.463.784                                                                                                         |
| 483        | MNB                                 | VN000000MNB0         | 20.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 48.022                                                                           | -48.022                                                                                                             |
| 484        | MND                                 | VN000000MND6         | 2.194.475                                          | 49,0000000                                                                            | 1.075.292                                                                             | 0                                                                                | 1.075.292                                                                                                           |
| 485        | MPC                                 | VN000000MPC3         | 401.093.000                                        | 50,0000000                                                                            | 200.546.500                                                                           | 158.738.220                                                                      | 41.808.280                                                                                                          |
| 486        | MPT                                 | VN000000MPT7         | 17.107.164                                         | 49,0000000                                                                            | 8.382.510                                                                             | 54.708                                                                           | 8.327.802                                                                                                           |
| 487        | MPY                                 | VN000000MPY7         | 6.143.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 488        | MQB                                 | VN000000MQB3         | 3.675.675                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 489        | MQN                                 | VN000000MQN8         | 8.212.014                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 490        | MRF                                 | VN000000MRF2         | 6.796.172                                          | 50,0000000                                                                            | 3.398.086                                                                             | 1.580                                                                            | 3.396.506                                                                                                           |
| 491        | MSR                                 | VN000000MSR5         | 1.099.829.520                                      | 100,0000000                                                                           | 1.099.829.520                                                                         | 1.434.696                                                                        | 1.098.394.824                                                                                                       |
| 492        | MT9                                 | VN000000MT98         | 4.600.000                                          | 51,0000000                                                                            | 2.346.000                                                                             | 0                                                                                | 2.346.000                                                                                                           |
| 493        | MTA                                 | VN000000MTA9         | 110.113.591                                        | 49,0000000                                                                            | 53.955.659                                                                            | 5.102                                                                            | 53.950.557                                                                                                          |
| 494        | MTB                                 | VN000000MTB7         | 6.278.259                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 495        | MTG                                 | VN000000MTG6         | 10.450.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 89.235                                                                           | -89.235                                                                                                             |
| 496        | MTH                                 | VN000000MTH4         | 4.787.910                                          | 49,0000000                                                                            | 2.346.075                                                                             | 651.004                                                                          | 1.695.071                                                                                                           |
| 497        | MTL                                 | VN000000MTL6         | 6.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.940.000                                                                             | 100                                                                              | 2.939.900                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 498        | MTM                                 | VN000000MTM4         | 31.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 15.190.000                                                                            | 0                                                                                | 15.190.000                                                                                                          |
| 499        | MTP                                 | VN000000MTP7         | 7.455.406                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 6.026                                                                            | -6.026                                                                                                              |
| 500        | MTS                                 | VN000000MTS1         | 15.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 501        | MTV                                 | VN000000MTV5         | 5.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 502        | MVC                                 | VN000000MVC1         | 100.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 49.000.000                                                                            | 1.800                                                                            | 48.998.200                                                                                                          |
| 503        | MVN                                 | VN000000MVN8         | 1.200.588.000                                      | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 5.200                                                                            | -5.200                                                                                                              |
| 504        | MXC                                 | VN000000MXC7         | 700.938                                            | 100,0000000                                                                           | 700.938                                                                               | 0                                                                                | 700.938                                                                                                             |
| 505        | MZG                                 | VN000000MZG3         | 116.506.574                                        | 50,0000000                                                                            | 58.253.287                                                                            | 2.012.301                                                                        | 56.240.986                                                                                                          |
| 506        | NAC                                 | VN000000NAC3         | 2.835.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.389.150                                                                             | 0                                                                                | 1.389.150                                                                                                           |
| 507        | NAS                                 | VN000000NAS9         | 8.315.764                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 68.200                                                                           | -68.200                                                                                                             |
| 508        | NAU                                 | VN000000NAU5         | 3.669.999                                          | 49,0000000                                                                            | 1.798.299                                                                             | 300                                                                              | 1.797.999                                                                                                           |
| 509        | NAW                                 | VN000000NAW1         | 37.385.983                                         | 49,0000000                                                                            | 18.319.131                                                                            | 300                                                                              | 18.318.831                                                                                                          |
| 510        | NBE                                 | VN000000NBE7         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 41.400                                                                           | 2.408.600                                                                                                           |
| 511        | NBT                                 | VN000000NBT5         | 29.400.000                                         | 50,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 146.900                                                                          | 14.553.100                                                                                                          |
| 512        | NCG                                 | VN000000NCG0         | 119.784.325                                        | 50,0000000                                                                            | 59.892.162                                                                            | 9.700                                                                            | 59.882.462                                                                                                          |
| 513        | NCS                                 | VN000000NCS5         | 17.949.098                                         | 49,0000000                                                                            | 8.795.058                                                                             | 1.018.395                                                                        | 7.776.663                                                                                                           |
| 514        | ND2                                 | VN000000ND20         | 49.993.960                                         | 49,0000000                                                                            | 24.497.040                                                                            | 17.529.886                                                                       | 6.967.154                                                                                                           |
| 515        | NDC                                 | VN000000NDC7         | 5.964.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.922.360                                                                             | 123.200                                                                          | 2.799.160                                                                                                           |
| 516        | NDF                                 | VN000000NDF0         | 7.853.800                                          | 49,0000000                                                                            | 3.848.362                                                                             | 146.700                                                                          | 3.701.662                                                                                                           |
| 517        | NDP                                 | VN000000NDP9         | 11.100.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 3.700                                                                            | -3.700                                                                                                              |
| 518        | NDT                                 | VN000000NDT1         | 15.639.976                                         | 49,0000000                                                                            | 7.663.588                                                                             | 215                                                                              | 7.663.373                                                                                                           |
| 519        | NDW                                 | VN000000NDW5         | 34.311.748                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 520        | NED                                 | VN000000NED3         | 40.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 34.300                                                                           | -34.300                                                                                                             |
| 521        | NGC                                 | VN000000NGC0         | 2.299.854                                          | 49,0000000                                                                            | 1.126.928                                                                             | 308.708                                                                          | 818.220                                                                                                             |
| 522        | NHP                                 | VN000000NHP0         | 27.576.490                                         | 49,0000000                                                                            | 13.512.480                                                                            | 56.300                                                                           | 13.456.180                                                                                                          |
| 523        | NHV                                 | VN000000NHV8         | 5.480.112                                          | 49,0000000                                                                            | 2.685.254                                                                             | 25.000                                                                           | 2.660.254                                                                                                           |
| 524        | NJC                                 | VN000000NJC4         | 5.224.917                                          | 50,0000000                                                                            | 2.612.458                                                                             | 2.220                                                                            | 2.610.238                                                                                                           |
| 525        | NLS                                 | VN000000NLS6         | 5.009.800                                          | 49,0000000                                                                            | 2.454.802                                                                             | 0                                                                                | 2.454.802                                                                                                           |
| 526        | NNT                                 | VN000000NNT0         | 9.490.841                                          | 49,0000000                                                                            | 4.650.512                                                                             | 14.300                                                                           | 4.636.212                                                                                                           |
| 527        | NOS                                 | VN000000NOS0         | 20.056.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 528        | NQB                                 | VN000000NQB1         | 17.230.204                                         | 49,0000000                                                                            | 8.442.799                                                                             | 0                                                                                | 8.442.799                                                                                                           |
| 529        | NQN                                 | VN000000NQN6         | 50.831.593                                         | 49,0000000                                                                            | 24.907.480                                                                            | 0                                                                                | 24.907.480                                                                                                          |
| 530        | NSG                                 | VN000000NSG6         | 8.639.208                                          | 49,0000000                                                                            | 4.233.211                                                                             | 0                                                                                | 4.233.211                                                                                                           |
| 531        | NSL                                 | VN000000NSL6         | 12.499.872                                         | 49,0000000                                                                            | 6.124.937                                                                             | 60.450                                                                           | 6.064.487                                                                                                           |
| 532        | NSS                                 | VN000000NSS1         | 10.263.942                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 533        | NTB                                 | VN000000NTB5         | 39.779.577                                         | 49,0000000                                                                            | 19.491.992                                                                            | 120.064                                                                          | 19.371.928                                                                                                          |
| 534        | NTF                                 | VN000000NTF6         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 535        | NTT                                 | VN000000NTT7         | 23.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 536        | NTW                                 | VN000000NTW1         | 10.000.000                                         | 14,9900000                                                                            | 1.499.000                                                                             | 6.688                                                                            | 1.492.312                                                                                                           |
| 537        | NUE                                 | VN000000NUE7         | 6.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 500                                                                              | -500                                                                                                                |
| 538        | NVP                                 | VN000000NVP1         | 10.963.000                                         | 3,6000000                                                                             | 394.668                                                                               | 0                                                                                | 394.668                                                                                                             |
| 539        | NWT                                 | VN000000NWT1         | 8.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.165.000                                                                             | 0                                                                                | 4.165.000                                                                                                           |
| 540        | NXT                                 | VN000000NXT9         | 6.600.000                                          | 50,0000000                                                                            | 3.300.000                                                                             | 6.000                                                                            | 3.294.000                                                                                                           |
| 541        | ODE                                 | VN000000ODE1         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 542        | OIL                                 | VN000000OIL5         | 1.034.229.500                                      | 6,6210000                                                                             | 68.476.335                                                                            | 2.666.690                                                                        | 65.809.645                                                                                                          |
| 543        | ONW                                 | VN000000ONW2         | 2.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 293.800                                                                          | -293.800                                                                                                            |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 544        | PAI                                 | VN000000PAI5         | 4.235.290                                          | 49,0000000                                                                            | 2.075.292                                                                             | 7.200                                                                            | 2.068.092                                                                                                           |
| 545        | PAP                                 | VN000000PAP0         | 357.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 546        | PAS                                 | VN000000PAS4         | 28.049.968                                         | 49,0000000                                                                            | 13.744.484                                                                            | 492.890                                                                          | 13.251.594                                                                                                          |
| 547        | PAT                                 | VN000000PAT2         | 25.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 12.500.000                                                                            | 70.383                                                                           | 12.429.617                                                                                                          |
| 548        | PBC                                 | VN000000PBC6         | 116.698.448                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.378                                                                            | -1.378                                                                                                              |
| 549        | PBT                                 | VN000000PBT0         | 17.522.284                                         | 49,0000000                                                                            | 8.585.919                                                                             | 0                                                                                | 8.585.919                                                                                                           |
| 550        | PCC                                 | VN000000PCC4         | 11.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 551        | PCF                                 | VN000000PCF7         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 17.200                                                                           | 1.452.800                                                                                                           |
| 552        | PCG                                 | VN000000PCG5         | 18.870.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.246.300                                                                             | 8.436.293                                                                        | 810.007                                                                                                             |
| 553        | PCM                                 | VN000000PCM3         | 4.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 554        | PDC                                 | VN000000PDC2         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 12.700                                                                           | 7.337.300                                                                                                           |
| 555        | PEG                                 | VN000000PEG1         | 248.877.470                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 556        | PEQ                                 | VN000000PEQ0         | 4.965.514                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 13                                                                               | -13                                                                                                                 |
| 557        | PFL                                 | VN000000PFL8         | 50.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 94.600                                                                           | -94.600                                                                                                             |
| 558        | PGB                                 | VN000000PGB7         | 681.587.608                                        | 30,0000000                                                                            | 204.476.282                                                                           | 6.101                                                                            | 204.470.181                                                                                                         |
| 559        | PHH                                 | VN000000PHH2         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 87.919                                                                           | 9.712.081                                                                                                           |
| 560        | PHP                                 | VN000000PHP5         | 326.960.000                                        | 49,0000000                                                                            | 160.210.400                                                                           | 407.785                                                                          | 159.802.615                                                                                                         |
| 561        | PHS                                 | VN000000PHS9         | 200.009.819                                        | 100,0000000                                                                           | 200.009.819                                                                           | 171.797.698                                                                      | 28.212.121                                                                                                          |
| 562        | PID                                 | VN000000PID9         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                             | 0                                                                                | 1.960.000                                                                                                           |
| 563        | PIS                                 | VN000000PIS7         | 27.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 564        | PIV                                 | VN000000PIV1         | 17.324.942                                         | 49,0000000                                                                            | 8.489.221                                                                             | 55.280                                                                           | 8.433.941                                                                                                           |
| 565        | PJS                                 | VN000000PJS5         | 9.000.000                                          | 25,0000000                                                                            | 2.250.000                                                                             | 638.398                                                                          | 1.611.602                                                                                                           |
| 566        | PLA                                 | VN000000PLA9         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 567        | PLE                                 | VN000000PLE1         | 1.215.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 568        | PLO                                 | VN000000PLO0         | 7.192.550                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 569        | PMJ                                 | VN000000PMJ8         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 882.000                                                                               | 3.000                                                                            | 879.000                                                                                                             |
| 570        | PMT                                 | VN000000PMT7         | 5.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 5.000                                                                            | -5.000                                                                                                              |
| 571        | PMW                                 | VN000000PMW1         | 49.999.832                                         | 50,0000000                                                                            | 24.999.916                                                                            | 100                                                                              | 24.999.816                                                                                                          |
| 572        | PND                                 | VN000000PND9         | 6.666.666                                          | 49,0000000                                                                            | 3.266.666                                                                             | 13.851                                                                           | 3.252.815                                                                                                           |
| 573        | PNG                                 | VN000000PNG2         | 9.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.410.000                                                                             | 0                                                                                | 4.410.000                                                                                                           |
| 574        | PNP                                 | VN000000PNP3         | 16.100.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 575        | PNT                                 | VN000000PNT5         | 9.282.802                                          | 49,0000000                                                                            | 4.548.572                                                                             | 10.100                                                                           | 4.538.472                                                                                                           |
| 576        | POB                                 | VN000000POB1         | 10.900.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.341.000                                                                             | 0                                                                                | 5.341.000                                                                                                           |
| 577        | POM                                 | VN000000POM8         | 279.676.336                                        | 50,0000000                                                                            | 139.838.168                                                                           | 10.787.975                                                                       | 129.050.193                                                                                                         |
| 578        | POS                                 | VN000000POS5         | 45.999.965                                         | 49,0000000                                                                            | 22.539.982                                                                            | 128.630                                                                          | 22.411.352                                                                                                          |
| 579        | POV                                 | VN000000POV9         | 12.499.612                                         | 49,0000000                                                                            | 6.124.809                                                                             | 625                                                                              | 6.124.184                                                                                                           |
| 580        | PPH                                 | VN000000PPH5         | 74.670.891                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 14.150                                                                           | -14.150                                                                                                             |
| 581        | PPI                                 | VN000000PPI3         | 48.290.629                                         | 49,0000000                                                                            | 23.662.408                                                                            | 243.536                                                                          | 23.418.872                                                                                                          |
| 582        | PQN                                 | VN000000PQN1         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 0                                                                                | 14.700.000                                                                                                          |
| 583        | PRO                                 | VN000000PRO7         | 3.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.470.000                                                                             | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 584        | PRT                                 | VN000000PRT6         | 300.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 147.000.000                                                                           | 1.200                                                                            | 146.998.800                                                                                                         |
| 585        | PSB                                 | VN000000PSB2         | 50.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 6.230                                                                            | -6.230                                                                                                              |
| 586        | PSG                                 | VN000000PSG1         | 35.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 17.150.000                                                                            | 21.000                                                                           | 17.129.000                                                                                                          |
| 587        | PSH                                 | VN000000PSH9         | 126.196.780                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 588        | PSL                                 | VN000000PSL1         | 11.812.500                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 11.926                                                                           | -11.926                                                                                                             |
| 589        | PSN                                 | VN000000PSN7         | 40.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 19.600.000                                                                            | 0                                                                                | 19.600.000                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 590        | PSP                                 | VN000000PSP2         | 40.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 19.600.000                                                                            | 400                                                                              | 19.599.600                                                                                                          |
| 591        | PTE                                 | VN000000PTE4         | 12.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 6.125.000                                                                             | 0                                                                                | 6.125.000                                                                                                           |
| 592        | PTG                                 | VN000000PTG9         | 4.996.185                                          | 49,0000000                                                                            | 2.448.130                                                                             | 0                                                                                | 2.448.130                                                                                                           |
| 593        | PTH                                 | VN000000PTH7         | 3.503.164                                          | 49,0000000                                                                            | 1.716.550                                                                             | 0                                                                                | 1.716.550                                                                                                           |
| 594        | PTK                                 | VN000000PTK1         | 21.600.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.584.000                                                                            | 79.770                                                                           | 10.504.230                                                                                                          |
| 595        | PTM                                 | VN000000PTM7         | 32.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 15.680.000                                                                            | 1.000                                                                            | 15.679.000                                                                                                          |
| 596        | PTO                                 | VN000000PTO3         | 1.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 597        | PTP                                 | VN000000PTP0         | 6.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.332.000                                                                             | 5.100                                                                            | 3.326.900                                                                                                           |
| 598        | PTT                                 | VN000000PTT2         | 16.493.172                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 599        | PTV                                 | VN000000PTV8         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 1.002                                                                            | 9.798.998                                                                                                           |
| 600        | PVA                                 | VN000000PVA8         | 21.846.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.704.540                                                                            | 37.644                                                                           | 10.666.896                                                                                                          |
| 601        | PVE                                 | VN000000PVE0         | 25.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 179.038                                                                          | -179.038                                                                                                            |
| 602        | PVH                                 | VN000000PVH3         | 21.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.290.000                                                                            | 0                                                                                | 10.290.000                                                                                                          |
| 603        | PVL                                 | VN000000PVL5         | 50.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 24.500.000                                                                            | 187.791                                                                          | 24.312.209                                                                                                          |
| 604        | PVM                                 | VN000000PVM3         | 38.638.600                                         | 49,0000000                                                                            | 18.932.914                                                                            | 8.032                                                                            | 18.924.882                                                                                                          |
| 605        | PVO                                 | VN000000PVO9         | 8.900.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.215                                                                            | -2.215                                                                                                              |
| 606        | PVR                                 | VN000000PVR2         | 53.100.913                                         | 49,0000000                                                                            | 26.019.447                                                                            | 50.580                                                                           | 25.968.867                                                                                                          |
| 607        | PVV                                 | VN000000PVV4         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 29.700                                                                           | 14.670.300                                                                                                          |
| 608        | PVX                                 | VN000000PVX0         | 400.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 527.726                                                                          | -527.726                                                                                                            |
| 609        | PVY                                 | VN000000PVY8         | 59.489.787                                         | 49,0000000                                                                            | 29.149.995                                                                            | 338.765                                                                          | 28.811.230                                                                                                          |
| 610        | PWA                                 | VN000000PWA6         | 10.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 4.900.000                                                                             | 1.400                                                                            | 4.898.600                                                                                                           |
| 611        | PWS                                 | VN000000PWS8         | 38.363.579                                         | 49,0000000                                                                            | 18.798.153                                                                            | 13.700                                                                           | 18.784.453                                                                                                          |
| 612        | PX1                                 | VN000000PX16         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 0                                                                                | 9.800.000                                                                                                           |
| 613        | PXA                                 | VN000000PXA4         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 400                                                                              | 7.349.600                                                                                                           |
| 614        | PXC                                 | VN000000PXC0         | 28.068.900                                         | 49,0000000                                                                            | 13.753.761                                                                            | 0                                                                                | 13.753.761                                                                                                          |
| 615        | PXI                                 | VN000000PXI7         | 30.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 14.700.000                                                                            | 49.660                                                                           | 14.650.340                                                                                                          |
| 616        | PXL                                 | VN000000PXL1         | 176.145.500                                        | 49,0000000                                                                            | 86.311.295                                                                            | 1.234.280                                                                        | 85.077.015                                                                                                          |
| 617        | PXM                                 | VN000000PXM9         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 24.830                                                                           | 7.325.170                                                                                                           |
| 618        | PXS                                 | VN000000PXS6         | 60.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 29.400.000                                                                            | 6.317.756                                                                        | 23.082.244                                                                                                          |
| 619        | PXT                                 | VN000000PXT4         | 20.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 9.800.000                                                                             | 587.259                                                                          | 9.212.741                                                                                                           |
| 620        | QBS                                 | VN000000QBS0         | 69.329.928                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 70                                                                               | -70                                                                                                                 |
| 621        | QCC                                 | VN000000QCC2         | 1.500.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 11.500                                                                           | -11.500                                                                                                             |
| 622        | QHW                                 | VN000000QHW9         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                             | 22.700                                                                           | 3.897.300                                                                                                           |
| 623        | QNC                                 | VN000000QNC9         | 60.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 29.400.000                                                                            | 9.261.350                                                                        | 20.138.650                                                                                                          |
| 624        | QNS                                 | VN000000QNS5         | 367.648.153                                        | 50,0000000                                                                            | 183.824.076                                                                           | 34.826.858                                                                       | 148.997.218                                                                                                         |
| 625        | QNT                                 | VN000000QNT3         | 3.222.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 626        | QNU                                 | VN000000QNU1         | 6.800.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 627        | QNW                                 | VN000000QNW7         | 20.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 1.000                                                                            | 9.999.000                                                                                                           |
| 628        | QPH                                 | VN000000QPH3         | 18.583.100                                         | 49,0000000                                                                            | 9.105.719                                                                             | 7.821                                                                            | 9.097.898                                                                                                           |
| 629        | QSP                                 | VN000000QSP0         | 10.792.275                                         | 49,0000000                                                                            | 5.288.214                                                                             | 136.700                                                                          | 5.151.514                                                                                                           |
| 630        | QTP                                 | VN000000QTP8         | 450.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.093.110                                                                        | -4.093.110                                                                                                          |
| 631        | RAT                                 | VN000000RAT8         | 5.921.841                                          | 49,0000000                                                                            | 2.901.702                                                                             | 42.701                                                                           | 2.859.001                                                                                                           |
| 632        | RBC                                 | VN000000RBC2         | 10.030.308                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 633        | RCC                                 | VN000000RCC0         | 32.064.749                                         | 49,0000000                                                                            | 15.711.727                                                                            | 16.204                                                                           | 15.695.523                                                                                                          |
| 634        | RCD                                 | VN000000RCD8         | 5.300.062                                          | 49,0000000                                                                            | 2.597.030                                                                             | 7.010                                                                            | 2.590.020                                                                                                           |
| 635        | RDP                                 | VN000000RDP0         | 49.069.803                                         | 50,0000000                                                                            | 24.534.901                                                                            | 174.237                                                                          | 24.360.664                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 636        | REN                                 | VN000000REN3         | 2.818.032                                          | 49,0000000                                                                            | 1.380.835                                                                             | 0                                                                                | 1.380.835                                                                                                           |
| 637        | RGG                                 | VN000000RGG2         | 200.000.000                                        | 50,0000000                                                                            | 100.000.000                                                                           | 0                                                                                | 100.000.000                                                                                                         |
| 638        | RIC                                 | VN000000RIC7         | 28.708.169                                         | 49,0000000                                                                            | 14.067.002                                                                            | 8.000.504                                                                        | 6.066.498                                                                                                           |
| 639        | ROS                                 | VN000000ROS1         | 567.598.121                                        | 49,0000000                                                                            | 278.123.079                                                                           | 10.665.756                                                                       | 267.457.323                                                                                                         |
| 640        | RTB                                 | VN000000RTB6         | 87.945.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 800                                                                              | -800                                                                                                                |
| 641        | S12                                 | VN000000S123         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 699.600                                                                          | 1.750.400                                                                                                           |
| 642        | S27                                 | VN000000S271         | 1.572.833                                          | 49,0000000                                                                            | 770.688                                                                               | 15.000                                                                           | 755.688                                                                                                             |
| 643        | S72                                 | VN000000S727         | 12.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.000                                                                            | -4.000                                                                                                              |
| 644        | S74                                 | VN000000S743         | 6.480.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 64.516                                                                           | -64.516                                                                                                             |
| 645        | S96                                 | VN000000S966         | 11.155.532                                         | 49,0000000                                                                            | 5.466.210                                                                             | 159.162                                                                          | 5.307.048                                                                                                           |
| 646        | SAC                                 | VN000000SAC2         | 4.050.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.150                                                                            | -1.150                                                                                                              |
| 647        | SAL                                 | VN000000SAL3         | 8.310.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.071.900                                                                             | 0                                                                                | 4.071.900                                                                                                           |
| 648        | SAS                                 | VN000000SAS8         | 133.481.310                                        | 49,0000000                                                                            | 65.405.841                                                                            | 420.193                                                                          | 64.985.648                                                                                                          |
| 649        | SB1                                 | VN000000SB19         | 10.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.145.000                                                                             | 10.441                                                                           | 5.134.559                                                                                                           |
| 650        | SBB                                 | VN000000SBB2         | 87.524.536                                         | 100,0000000                                                                           | 87.524.536                                                                            | 68.600                                                                           | 87.455.936                                                                                                          |
| 651        | SBD                                 | VN000000SBD8         | 13.916.480                                         | 49,0000000                                                                            | 6.819.075                                                                             | 134.580                                                                          | 6.684.495                                                                                                           |
| 652        | SBH                                 | VN000000SBH9         | 124.225.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 653        | SBL                                 | VN000000SBL1         | 12.012.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 4.000                                                                            | -4.000                                                                                                              |
| 654        | SBM                                 | VN000000SBM9         | 45.044.953                                         | 49,0000000                                                                            | 22.072.026                                                                            | 200                                                                              | 22.071.826                                                                                                          |
| 655        | SBR                                 | VN000000SBR8         | 81.396.192                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 2.000                                                                            | -2.000                                                                                                              |
| 656        | SBS                                 | VN000000SBS6         | 146.607.600                                        | 100,0000000                                                                           | 146.607.600                                                                           | 1.352.888                                                                        | 145.254.712                                                                                                         |
| 657        | SCA                                 | VN000000SCA2         | 2.076.000                                          | 100,0000000                                                                           | 2.076.000                                                                             | 0                                                                                | 2.076.000                                                                                                           |
| 658        | SCC                                 | VN000000SCC8         | 4.884.900                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 22.900                                                                           | -22.900                                                                                                             |
| 659        | SCD                                 | VN000000SCD6         | 8.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.165.000                                                                             | 502.460                                                                          | 3.662.540                                                                                                           |
| 660        | SCJ                                 | VN000000SCJ3         | 57.839.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 66.748                                                                           | -66.748                                                                                                             |
| 661        | SCL                                 | VN000000SCL9         | 32.407.875                                         | 49,0000000                                                                            | 15.879.858                                                                            | 2.875                                                                            | 15.876.983                                                                                                          |
| 662        | SCO                                 | VN000000SCO3         | 4.200.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 663        | SD2                                 | VN000000SD25         | 14.423.536                                         | 49,0000000                                                                            | 7.067.532                                                                             | 861.988                                                                          | 6.205.544                                                                                                           |
| 664        | SD3                                 | VN000000SD33         | 15.999.356                                         | 49,0000000                                                                            | 7.839.684                                                                             | 5.683                                                                            | 7.834.001                                                                                                           |
| 665        | SD4                                 | VN000000SD41         | 10.300.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.047.000                                                                             | 39.133                                                                           | 5.007.867                                                                                                           |
| 666        | SD6                                 | VN000000SD66         | 34.771.611                                         | 49,0000000                                                                            | 17.038.089                                                                            | 99.259                                                                           | 16.938.830                                                                                                          |
| 667        | SD7                                 | VN000000SD74         | 10.600.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 43.983                                                                           | -43.983                                                                                                             |
| 668        | SD8                                 | VN000000SD82         | 2.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.372.000                                                                             | 307.300                                                                          | 1.064.700                                                                                                           |
| 669        | SDB                                 | VN000000SDB8         | 11.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.390.000                                                                             | 27.000                                                                           | 5.363.000                                                                                                           |
| 670        | SDD                                 | VN000000SDD4         | 16.007.685                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 41.780                                                                           | -41.780                                                                                                             |
| 671        | SDE                                 | VN000000SDE2         | 1.751.092                                          | 49,0000000                                                                            | 858.035                                                                               | 2.993                                                                            | 855.042                                                                                                             |
| 672        | SDH                                 | VN000000SDH5         | 20.950.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.265.500                                                                            | 9.461.300                                                                        | 804.200                                                                                                             |
| 673        | SDK                                 | VN000000SDK9         | 3.119.988                                          | 49,0000000                                                                            | 1.528.794                                                                             | 31.577                                                                           | 1.497.217                                                                                                           |
| 674        | SDP                                 | VN000000SDP8         | 11.114.472                                         | 49,0000000                                                                            | 5.446.091                                                                             | 1.060                                                                            | 5.445.031                                                                                                           |
| 675        | SDT                                 | VN000000SDT0         | 42.732.311                                         | 49,0000000                                                                            | 20.938.832                                                                            | 269.895                                                                          | 20.668.937                                                                                                          |
| 676        | SDV                                 | VN000000SDV6         | 10.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 12.900                                                                           | -12.900                                                                                                             |
| 677        | SDX                                 | VN000000SDX2         | 2.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.225.000                                                                             | 0                                                                                | 1.225.000                                                                                                           |
| 678        | SDY                                 | VN000000SDY0         | 4.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.205.000                                                                             | 18.200                                                                           | 2.186.800                                                                                                           |
| 679        | SEA                                 | VN000000SEA8         | 125.000.000                                        | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 1.746                                                                            | -1.746                                                                                                              |
| 680        | SEP                                 | VN000000SEP6         | 8.400.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 681        | SGB                                 | VN000000SGB1         | 360.819.732                                        | 30,0000000                                                                            | 108.245.919                                                                           | 49.751                                                                           | 108.196.168                                                                                                         |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 682        | SGI                                 | VN000000SGI6         | 75.464.700                                         | 100,000000                                                                            | 75.464.700                                                                            | 800                                                                              | 75.463.900                                                                                                          |
| 683        | SGO                                 | VN000000SGO4         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 19.900                                                                           | 9.780.100                                                                                                           |
| 684        | SGP                                 | VN000000SGP1         | 216.294.961                                        | 49,000000                                                                             | 105.984.530                                                                           | 1.270.561                                                                        | 104.713.969                                                                                                         |
| 685        | SGS                                 | VN000000SGS5         | 14.420.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.065.800                                                                             | 13.500                                                                           | 7.052.300                                                                                                           |
| 686        | SGV                                 | VN000000SGV9         | 6.101.493                                          | 49,000000                                                                             | 2.989.731                                                                             | 0                                                                                | 2.989.731                                                                                                           |
| 687        | SHC                                 | VN000000SHC7         | 4.309.550                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 43.080                                                                           | -43.080                                                                                                             |
| 688        | SHG                                 | VN000000SHG8         | 27.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 689        | SID                                 | VN000000SID3         | 100.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 88.400                                                                           | -88.400                                                                                                             |
| 690        | SIG                                 | VN000000SIG6         | 10.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 4.900.000                                                                             | 0                                                                                | 4.900.000                                                                                                           |
| 691        | SII                                 | VN000000SII2         | 64.522.104                                         | 50,000000                                                                             | 32.261.052                                                                            | 31.553.327                                                                       | 707.725                                                                                                             |
| 692        | SIV                                 | VN000000SIV5         | 3.464.178                                          | 50,000000                                                                             | 1.732.089                                                                             | 213.950                                                                          | 1.518.139                                                                                                           |
| 693        | SJC                                 | VN000000SJC3         | 7.226.082                                          | 49,000000                                                                             | 3.540.780                                                                             | 20.382                                                                           | 3.520.398                                                                                                           |
| 694        | SJF                                 | VN000000SJF6         | 79.200.000                                         | 49,000000                                                                             | 38.808.000                                                                            | 263.373                                                                          | 38.544.627                                                                                                          |
| 695        | SJG                                 | VN000000SJG4         | 449.537.112                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 696        | SJM                                 | VN000000SJM2         | 5.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 100                                                                              | -100                                                                                                                |
| 697        | SKH                                 | VN000000SKH0         | 33.000.000                                         | 20,000000                                                                             | 6.600.000                                                                             | 15.200                                                                           | 6.584.800                                                                                                           |
| 698        | SKN                                 | VN000000SKN8         | 5.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.450.000                                                                             | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 699        | SKV                                 | VN000000SKV1         | 23.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 7.100                                                                            | -7.100                                                                                                              |
| 700        | SLD                                 | VN000000SLD7         | 78.573.095                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 701        | SNC                                 | VN000000SNC5         | 5.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.100                                                                            | -3.100                                                                                                              |
| 702        | SNZ                                 | VN000000SNZ6         | 376.500.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 13.600                                                                           | -13.600                                                                                                             |
| 703        | SP2                                 | VN000000SP21         | 20.746.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 40.000                                                                           | -40.000                                                                                                             |
| 704        | SPB                                 | VN000000SPB2         | 13.300.087                                         | 49,000000                                                                             | 6.517.042                                                                             | 757                                                                              | 6.516.285                                                                                                           |
| 705        | SPD                                 | VN000000SPD8         | 12.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.200                                                                            | -3.200                                                                                                              |
| 706        | SPH                                 | VN000000SPH9         | 10.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 707        | SPI                                 | VN000000SPI7         | 16.815.000                                         | 49,000000                                                                             | 8.239.350                                                                             | 147.098                                                                          | 8.092.252                                                                                                           |
| 708        | SPP                                 | VN000000SPP2         | 25.120.000                                         | 100,000000                                                                            | 25.120.000                                                                            | 437.756                                                                          | 24.682.244                                                                                                          |
| 709        | SPV                                 | VN000000SPV0         | 10.800.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 209.300                                                                          | -209.300                                                                                                            |
| 710        | SRB                                 | VN000000SRB8         | 8.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 4.165.000                                                                             | 69.116                                                                           | 4.095.884                                                                                                           |
| 711        | SSF                                 | VN000000SSF7         | 3.200.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.568.000                                                                             | 0                                                                                | 1.568.000                                                                                                           |
| 712        | SSG                                 | VN000000SSG5         | 5.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.500                                                                            | -3.500                                                                                                              |
| 713        | SSH                                 | VN000000SSH3         | 375.000.000                                        | 50,000000                                                                             | 187.500.000                                                                           | 100                                                                              | 187.499.900                                                                                                         |
| 714        | SSN                                 | VN000000SSN1         | 39.600.000                                         | 49,000000                                                                             | 19.404.000                                                                            | 19.029                                                                           | 19.384.971                                                                                                          |
| 715        | SST                                 | VN000000SST8         | 4.000.000                                          | 100,000000                                                                            | 4.000.000                                                                             | 0                                                                                | 4.000.000                                                                                                           |
| 716        | STD                                 | VN000000STD0         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 2.316.250                                                                        | 7.483.750                                                                                                           |
| 717        | STH                                 | VN000000STH1         | 19.500.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 718        | STL                                 | VN000000STL3         | 15.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.350.000                                                                             | 4.778.300                                                                        | 2.571.700                                                                                                           |
| 719        | STS                                 | VN000000STS8         | 2.768.221                                          | 49,000000                                                                             | 1.356.428                                                                             | 100                                                                              | 1.356.328                                                                                                           |
| 720        | STT                                 | VN000000STT6         | 8.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.920.000                                                                             | 768.242                                                                          | 3.151.758                                                                                                           |
| 721        | STW                                 | VN000000STW0         | 15.863.133                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 722        | SVG                                 | VN000000SVG9         | 29.350.000                                         | 49,000000                                                                             | 14.381.500                                                                            | 0                                                                                | 14.381.500                                                                                                          |
| 723        | SVH                                 | VN000000SVH7         | 14.820.662                                         | 49,000000                                                                             | 7.262.124                                                                             | 0                                                                                | 7.262.124                                                                                                           |
| 724        | SWC                                 | VN000000SWC6         | 67.100.000                                         | 49,000000                                                                             | 32.879.000                                                                            | 23.310                                                                           | 32.855.690                                                                                                          |
| 725        | SZE                                 | VN000000SZE5         | 30.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 10.000                                                                           | -10.000                                                                                                             |
| 726        | SZG                                 | VN000000SZG0         | 54.898.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 727        | TA6                                 | VN000000TA68         | 3.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.470.000                                                                             | 2.400                                                                            | 1.467.600                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 728        | TAB                                 | VN000000TAB2         | 6.500.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 729        | TAN                                 | VN000000TAN7         | 1.613.690                                          | 100,000000                                                                            | 1.613.690                                                                             | 0                                                                                | 1.613.690                                                                                                           |
| 730        | TAR                                 | VN000000TAR8         | 78.319.777                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 14.928                                                                           | -14.928                                                                                                             |
| 731        | TAW                                 | VN000000TAW8         | 5.000.000                                          | 50,000000                                                                             | 2.500.000                                                                             | 0                                                                                | 2.500.000                                                                                                           |
| 732        | TB8                                 | VN000000TB83         | 1.250.000                                          | 49,000000                                                                             | 612.500                                                                               | 0                                                                                | 612.500                                                                                                             |
| 733        | TBD                                 | VN000000TBD6         | 32.486.392                                         | 51,000000                                                                             | 16.568.059                                                                            | 1.473.435                                                                        | 15.094.624                                                                                                          |
| 734        | TBR                                 | VN000000TBR6         | 8.060.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 735        | TBT                                 | VN000000TBT2         | 1.656.470                                          | 49,000000                                                                             | 811.670                                                                               | 0                                                                                | 811.670                                                                                                             |
| 736        | TBW                                 | VN000000TBW6         | 9.850.000                                          | 50,000000                                                                             | 4.925.000                                                                             | 0                                                                                | 4.925.000                                                                                                           |
| 737        | TCJ                                 | VN000000TCJ1         | 10.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 4.900.000                                                                             | 0                                                                                | 4.900.000                                                                                                           |
| 738        | TCK                                 | VN000000TCK9         | 23.850.000                                         | 49,000000                                                                             | 11.686.500                                                                            | 0                                                                                | 11.686.500                                                                                                          |
| 739        | TCP                                 | VN000000TCP8         | 5.881.356                                          | 49,000000                                                                             | 2.881.864                                                                             | 0                                                                                | 2.881.864                                                                                                           |
| 740        | TCW                                 | VN000000TCW4         | 19.991.020                                         | 5,000000                                                                              | 999.551                                                                               | 992.051                                                                          | 7.500                                                                                                               |
| 741        | TDB                                 | VN000000TDB6         | 8.230.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 7.900                                                                            | -7.900                                                                                                              |
| 742        | TDF                                 | VN000000TDF7         | 30.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 743        | TDS                                 | VN000000TDS0         | 12.225.393                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 41.510                                                                           | -41.510                                                                                                             |
| 744        | TED                                 | VN000000TED0         | 12.500.000                                         | 49,000000                                                                             | 6.125.000                                                                             | 4.405.710                                                                        | 1.719.290                                                                                                           |
| 745        | TGG                                 | VN000000TGG8         | 27.299.990                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 19.050                                                                           | -19.050                                                                                                             |
| 746        | TGP                                 | VN000000TGP9         | 13.101.325                                         | 49,000000                                                                             | 6.419.649                                                                             | 131                                                                              | 6.419.518                                                                                                           |
| 747        | TH1                                 | VN000000TH12         | 13.539.267                                         | 49,000000                                                                             | 6.634.240                                                                             | 2.015                                                                            | 6.632.225                                                                                                           |
| 748        | THM                                 | VN000000THM4         | 12.152.800                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 749        | THN                                 | VN000000THN2         | 32.995.411                                         | 49,000000                                                                             | 16.167.751                                                                            | 0                                                                                | 16.167.751                                                                                                          |
| 750        | THO                                 | VN000000THO0         | 2.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.225.000                                                                             | 0                                                                                | 1.225.000                                                                                                           |
| 751        | THP                                 | VN000000THP7         | 21.611.185                                         | 50,000000                                                                             | 10.805.592                                                                            | 500                                                                              | 10.805.092                                                                                                          |
| 752        | THU                                 | VN000000THU7         | 3.297.790                                          | 49,000000                                                                             | 1.615.917                                                                             | 0                                                                                | 1.615.917                                                                                                           |
| 753        | THW                                 | VN000000THW3         | 5.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.450.000                                                                             | 120.900                                                                          | 2.329.100                                                                                                           |
| 754        | TID                                 | VN000000TID1         | 200.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 755        | TIE                                 | VN000000TIE9         | 9.569.900                                          | 49,000000                                                                             | 4.689.251                                                                             | 83.260                                                                           | 4.605.991                                                                                                           |
| 756        | TIN                                 | VN000000TIN0         | 91.178.331                                         | 50,000000                                                                             | 45.589.165                                                                            | 624.660                                                                          | 44.964.505                                                                                                          |
| 757        | TIS                                 | VN000000TIS9         | 184.000.000                                        | 49,000000                                                                             | 90.160.000                                                                            | 32.320                                                                           | 90.127.680                                                                                                          |
| 758        | TKA                                 | VN000000TKA3         | 3.800.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 759        | TKC                                 | VN000000TKC9         | 15.674.712                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 53.350                                                                           | -53.350                                                                                                             |
| 760        | TKD                                 | VN000000TKD7         | 1.500.000                                          | 100,000000                                                                            | 1.500.000                                                                             | 0                                                                                | 1.500.000                                                                                                           |
| 761        | TL4                                 | VN000000TL40         | 16.008.338                                         | 49,000000                                                                             | 7.844.085                                                                             | 800                                                                              | 7.843.285                                                                                                           |
| 762        | TLP                                 | VN000000TLP9         | 236.600.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 763        | TLT                                 | VN000000TLT1         | 6.989.800                                          | 50,000000                                                                             | 3.494.900                                                                             | 8.910                                                                            | 3.485.990                                                                                                           |
| 764        | TMG                                 | VN000000TMG6         | 18.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 8.820.000                                                                             | 1.504                                                                            | 8.818.496                                                                                                           |
| 765        | TMW                                 | VN000000TMW3         | 4.662.350                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 766        | TNA                                 | VN000000TNA7         | 49.576.264                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.057.957                                                                        | -1.057.957                                                                                                          |
| 767        | TNB                                 | VN000000TNB5         | 29.429.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 57.814                                                                           | -57.814                                                                                                             |
| 768        | TNM                                 | VN000000TNM2         | 5.800.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.842.000                                                                             | 0                                                                                | 2.842.000                                                                                                           |
| 769        | TNP                                 | VN000000TNP5         | 7.100.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 770        | TNS                                 | VN000000TNS9         | 20.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 9.800.000                                                                             | 12.500                                                                           | 9.787.500                                                                                                           |
| 771        | TNV                                 | VN000000TNV3         | 23.700.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 772        | TNW                                 | VN000000TNW1         | 16.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 7.840.000                                                                             | 300                                                                              | 7.839.700                                                                                                           |
| 773        | TOP                                 | VN000000TOP3         | 25.350.000                                         | 49,000000                                                                             | 12.421.500                                                                            | 311.600                                                                          | 12.109.900                                                                                                          |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 774        | TOS                                 | VN000000TOS7         | 44.999.681                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 775        | TOW                                 | VN000000TOW9         | 7.978.150                                          | 50,000000                                                                             | 3.989.075                                                                             | 794.900                                                                          | 3.194.175                                                                                                           |
| 776        | TPS                                 | VN000000TPS4         | 5.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.300                                                                            | -3.300                                                                                                              |
| 777        | TQN                                 | VN000000TQN3         | 3.600.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.764.000                                                                             | 0                                                                                | 1.764.000                                                                                                           |
| 778        | TQW                                 | VN000000TQW4         | 8.933.200                                          | 49,000000                                                                             | 4.377.268                                                                             | 0                                                                                | 4.377.268                                                                                                           |
| 779        | TR1                                 | VN000000TR10         | 4.592.490                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 780        | TRS                                 | VN000000TRS0         | 7.524.034                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.484                                                                            | -1.484                                                                                                              |
| 781        | TRT                                 | VN000000TRT8         | 11.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 782        | TRV                                 | VN000000TRV4         | 130.368.970                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 43.625                                                                           | -43.625                                                                                                             |
| 783        | TS3                                 | VN000000TS35         | 3.851.880                                          | 49,000000                                                                             | 1.887.421                                                                             | 0                                                                                | 1.887.421                                                                                                           |
| 784        | TS4                                 | VN000000TS43         | 16.160.646                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 121.889                                                                          | -121.889                                                                                                            |
| 785        | TSD                                 | VN000000TSD0         | 1.300.000                                          | 49,000000                                                                             | 637.000                                                                               | 25.000                                                                           | 612.000                                                                                                             |
| 786        | TSG                                 | VN000000TSG3         | 3.074.100                                          | 49,000000                                                                             | 1.506.309                                                                             | 11.000                                                                           | 1.495.309                                                                                                           |
| 787        | TSJ                                 | VN000000TSJ7         | 74.800.000                                         | 49,000000                                                                             | 36.652.000                                                                            | 0                                                                                | 36.652.000                                                                                                          |
| 788        | TST                                 | VN000000TST6         | 4.800.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.352.000                                                                             | 45.000                                                                           | 2.307.000                                                                                                           |
| 789        | TT6                                 | VN000000TT67         | 22.805.789                                         | 100,000000                                                                            | 22.805.789                                                                            | 1.300                                                                            | 22.804.489                                                                                                          |
| 790        | TTB                                 | VN000000TTB2         | 101.509.583                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 17.811                                                                           | -17.811                                                                                                             |
| 791        | TTD                                 | VN000000TTD8         | 15.552.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 63.000                                                                           | -63.000                                                                                                             |
| 792        | TTG                                 | VN000000TTG1         | 3.400.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 131.600                                                                          | -131.600                                                                                                            |
| 793        | TTN                                 | VN000000TTN7         | 36.727.500                                         | 49,000000                                                                             | 17.996.475                                                                            | 114.040                                                                          | 17.882.435                                                                                                          |
| 794        | TTS                                 | VN000000TTS6         | 50.800.000                                         | 49,000000                                                                             | 24.892.000                                                                            | 2.700                                                                            | 24.889.300                                                                                                          |
| 795        | TTZ                                 | VN000000TTZ1         | 7.570.444                                          | 49,000000                                                                             | 3.709.517                                                                             | 978.701                                                                          | 2.730.816                                                                                                           |
| 796        | TUG                                 | VN000000TUG9         | 5.375.079                                          | 49,000000                                                                             | 2.633.788                                                                             | 317.700                                                                          | 2.316.088                                                                                                           |
| 797        | TV1                                 | VN000000TV14         | 26.691.319                                         | 49,000000                                                                             | 13.078.746                                                                            | 238.023                                                                          | 12.840.723                                                                                                          |
| 798        | TV6                                 | VN000000TV63         | 3.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.470.000                                                                             | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 799        | TVA                                 | VN000000TVA0         | 6.300.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.087.000                                                                             | 30                                                                               | 3.086.970                                                                                                           |
| 800        | TVG                                 | VN000000TVG7         | 2.029.589                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 801        | TVH                                 | VN000000TVH5         | 4.004.000                                          | 50,000000                                                                             | 2.002.000                                                                             | 0                                                                                | 2.002.000                                                                                                           |
| 802        | TVM                                 | VN000000TVM5         | 2.400.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.176.000                                                                             | 0                                                                                | 1.176.000                                                                                                           |
| 803        | TVN                                 | VN000000TVN3         | 678.000.000                                        | 49,000000                                                                             | 332.220.000                                                                           | 740.650                                                                          | 331.479.350                                                                                                         |
| 804        | TW3                                 | VN000000TW39         | 1.750.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 600                                                                              | -600                                                                                                                |
| 805        | UCT                                 | VN000000UCT8         | 5.344.345                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 806        | UDC                                 | VN000000UDC2         | 35.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 17.150.000                                                                            | 3.828.850                                                                        | 13.321.150                                                                                                          |
| 807        | UDJ                                 | VN000000UDJ7         | 16.500.000                                         | 50,000000                                                                             | 8.250.000                                                                             | 792.800                                                                          | 7.457.200                                                                                                           |
| 808        | UDL                                 | VN000000UDL3         | 6.620.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 809        | UEM                                 | VN000000UEM9         | 2.438.100                                          | 49,000000                                                                             | 1.194.669                                                                             | 516                                                                              | 1.194.153                                                                                                           |
| 810        | UMC                                 | VN000000UMC3         | 1.841.617                                          | 49,000000                                                                             | 902.392                                                                               | 0                                                                                | 902.392                                                                                                             |
| 811        | UPC                                 | VN000000UPC6         | 3.400.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 400                                                                              | -400                                                                                                                |
| 812        | UPH                                 | VN000000UPH5         | 13.294.641                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 813        | UPS                                 | VN000000UPS2         | 32.374.600                                         | 100,000000                                                                            | 32.374.600                                                                            | 0                                                                                | 32.374.600                                                                                                          |
| 814        | USC                                 | VN000000USC0         | 5.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.695.000                                                                             | 0                                                                                | 2.695.000                                                                                                           |
| 815        | USD                                 | VN000000USD8         | 5.600.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 816        | UTT                                 | VN000000UTT2         | 3.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.470.000                                                                             | 0                                                                                | 1.470.000                                                                                                           |
| 817        | UXC                                 | VN000000UXC0         | 35.400.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 818        | V15                                 | VN000000V150         | 10.000.000                                         | 49,000000                                                                             | 4.900.000                                                                             | 33.200                                                                           | 4.866.800                                                                                                           |
| 819        | V45                                 | VN000000V457         | 7.970.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.905.300                                                                             | 5.000                                                                            | 3.900.300                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 820        | VAT                                 | VN000000VAT0         | 4.612.953                                          | 49,0000000                                                                            | 2.260.346                                                                             | 263.266                                                                          | 1.997.080                                                                                                           |
| 821        | VAV                                 | VN000000VAV6         | 47.999.995                                         | 50,0000000                                                                            | 23.999.997                                                                            | 1.244.183                                                                        | 22.755.814                                                                                                          |
| 822        | VBB                                 | VN000000VBB6         | 1.076.897.384                                      | 30,0000000                                                                            | 323.069.215                                                                           | 213.698                                                                          | 322.855.517                                                                                                         |
| 823        | VBG                                 | VN000000VBG5         | 8.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.214.000                                                                             | 0                                                                                | 4.214.000                                                                                                           |
| 824        | VBH                                 | VN000000VBH3         | 2.900.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.421.000                                                                             | 9.800                                                                            | 1.411.200                                                                                                           |
| 825        | VC5                                 | VN000000VC54         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 63.540                                                                           | 2.386.460                                                                                                           |
| 826        | VCE                                 | VN000000VCE8         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 827        | VCP                                 | VN000000VCP4         | 83.789.658                                         | 50,0000000                                                                            | 41.894.829                                                                            | 4.302                                                                            | 41.890.527                                                                                                          |
| 828        | VCR                                 | VN000000VCR0         | 210.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 102.900.000                                                                           | 11.500                                                                           | 102.888.500                                                                                                         |
| 829        | VCT                                 | VN000000VCT6         | 1.100.000                                          | 49,0000000                                                                            | 539.000                                                                               | 0                                                                                | 539.000                                                                                                             |
| 830        | VCX                                 | VN000000VCX8         | 26.530.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.999.700                                                                            | 10.510                                                                           | 12.989.190                                                                                                          |
| 831        | VDB                                 | VN000000VDB2         | 8.678.238                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 832        | VDG                                 | VN000000VDG1         | 5.774.992                                          | 50,0000000                                                                            | 2.887.496                                                                             | 437.340                                                                          | 2.450.156                                                                                                           |
| 833        | VDN                                 | VN000000VDN7         | 3.298.910                                          | 50,0000000                                                                            | 1.649.455                                                                             | 300                                                                              | 1.649.155                                                                                                           |
| 834        | VDT                                 | VN000000VDT4         | 1.965.440                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 835        | VE2                                 | VN000000VE29         | 2.158.880                                          | 49,0000000                                                                            | 1.057.851                                                                             | 15.520                                                                           | 1.042.331                                                                                                           |
| 836        | VE8                                 | VN000000VE86         | 1.800.000                                          | 49,0000000                                                                            | 882.000                                                                               | 4.800                                                                            | 877.200                                                                                                             |
| 837        | VE9                                 | VN000000VE94         | 12.523.613                                         | 49,0000000                                                                            | 6.136.570                                                                             | 2.054                                                                            | 6.134.516                                                                                                           |
| 838        | VEA                                 | VN000000VEA2         | 1.328.800.000                                      | 49,0000000                                                                            | 651.112.000                                                                           | 19.000.748                                                                       | 632.111.252                                                                                                         |
| 839        | VEC                                 | VN000000VEC8         | 43.800.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 10.000                                                                           | -10.000                                                                                                             |
| 840        | VEF                                 | VN000000VEF1         | 166.604.050                                        | 49,0000000                                                                            | 81.635.984                                                                            | 22.312                                                                           | 81.613.672                                                                                                          |
| 841        | VES                                 | VN000000VES4         | 49.426.166                                         | 100,0000000                                                                           | 49.426.166                                                                            | 24.608.096                                                                       | 24.818.070                                                                                                          |
| 842        | VET                                 | VN000000VET2         | 16.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 843        | VFC                                 | VN000000VFC5         | 34.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 16.660.000                                                                            | 15.193.548                                                                       | 1.466.452                                                                                                           |
| 844        | VFR                                 | VN000000VFR3         | 15.000.000                                         | 49,0000000                                                                            | 7.350.000                                                                             | 2.201                                                                            | 7.347.799                                                                                                           |
| 845        | VGG                                 | VN000000VGG4         | 44.100.000                                         | 49,0000000                                                                            | 21.609.000                                                                            | 6.634.448                                                                        | 14.974.552                                                                                                          |
| 846        | VGI                                 | VN000000VGI0         | 3.043.811.200                                      | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 477.365                                                                          | -477.365                                                                                                            |
| 847        | VGL                                 | VN000000VGL4         | 9.325.155                                          | 49,0000000                                                                            | 4.569.325                                                                             | 0                                                                                | 4.569.325                                                                                                           |
| 848        | VGR                                 | VN000000VGR1         | 82.224.959                                         | 49,0000000                                                                            | 40.290.229                                                                            | 17.906.759                                                                       | 22.383.470                                                                                                          |
| 849        | VGT                                 | VN000000VGT7         | 500.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 245.000.000                                                                           | 70.841.420                                                                       | 174.158.580                                                                                                         |
| 850        | GVV                                 | VN000000GVV3         | 35.774.448                                         | 49,0000000                                                                            | 17.529.479                                                                            | 2.476.300                                                                        | 15.053.179                                                                                                          |
| 851        | VHD                                 | VN000000VHD9         | 38.000.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 852        | VHF                                 | VN000000VHF4         | 21.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 10.535.000                                                                            | 0                                                                                | 10.535.000                                                                                                          |
| 853        | VHG                                 | VN000000VHG2         | 150.000.000                                        | 49,0000000                                                                            | 73.500.000                                                                            | 197.775                                                                          | 73.302.225                                                                                                          |
| 854        | VHH                                 | VN000000VHH0         | 7.500.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.675.000                                                                             | 0                                                                                | 3.675.000                                                                                                           |
| 855        | VIE                                 | VN000000VIE5         | 5.061.244                                          | 49,0000000                                                                            | 2.480.009                                                                             | 5.324                                                                            | 2.474.685                                                                                                           |
| 856        | VIH                                 | VN000000VIH8         | 5.600.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 30                                                                               | -30                                                                                                                 |
| 857        | VIM                                 | VN000000VIM8         | 1.250.000                                          | 49,0000000                                                                            | 612.500                                                                               | 10.810                                                                           | 601.690                                                                                                             |
| 858        | VIN                                 | VN000000VIN6         | 25.500.000                                         | 49,0000000                                                                            | 12.495.000                                                                            | 23.400                                                                           | 12.471.600                                                                                                          |
| 859        | VIR                                 | VN000000VIR7         | 8.240.000                                          | 49,0000000                                                                            | 4.037.600                                                                             | 1.100                                                                            | 4.036.500                                                                                                           |
| 860        | VIW                                 | VN000000VIW7         | 58.018.600                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 200                                                                              | -200                                                                                                                |
| 861        | VKC                                 | VN000000VKC5         | 20.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 10.000.000                                                                            | 136.914                                                                          | 9.863.086                                                                                                           |
| 862        | VKP                                 | VN000000VKP7         | 8.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 3.920.000                                                                             | 2.200                                                                            | 3.917.800                                                                                                           |
| 863        | VLB                                 | VN000000VLB5         | 46.921.600                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 6.400                                                                            | -6.400                                                                                                              |
| 864        | VLC                                 | VN000000VLC3         | 212.491.611                                        | 100,0000000                                                                           | 212.491.611                                                                           | 202.948                                                                          | 212.288.663                                                                                                         |
| 865        | VLG                                 | VN000000VLG4         | 14.212.130                                         | 49,0000000                                                                            | 6.963.943                                                                             | 54.300                                                                           | 6.909.643                                                                                                           |

| STT/<br>NO | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 866        | VLP                                 | VN000000VLP5         | 3.536.222                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 867        | VLS                                 | VN000000VLS9         | 24.500.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 868        | VLW                                 | VN000000VLW1         | 28.900.000                                         | 50,000000                                                                             | 14.450.000                                                                            | 52.700                                                                           | 14.397.300                                                                                                          |
| 869        | VMA                                 | VN000000VMA5         | 2.700.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.323.000                                                                             | 1.016.300                                                                        | 306.700                                                                                                             |
| 870        | VMG                                 | VN000000VMG2         | 9.600.000                                          | 51,000000                                                                             | 4.896.000                                                                             | 68.500                                                                           | 4.827.500                                                                                                           |
| 871        | VMI                                 | VN000000VMI8         | 10.949.999                                         | 49,000000                                                                             | 5.365.499                                                                             | 728.400                                                                          | 4.637.099                                                                                                           |
| 872        | VMK                                 | VN000000VMK4         | 7.909.952                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 873        | VMT                                 | VN000000VMT5         | 6.142.500                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 874        | VNA                                 | VN000000VNA3         | 33.999.960                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 598.116                                                                          | -598.116                                                                                                            |
| 875        | VNB                                 | VN000000VNB1         | 67.909.960                                         | 49,000000                                                                             | 33.275.880                                                                            | 779.800                                                                          | 32.496.080                                                                                                          |
| 876        | VNH                                 | VN000000VNH8         | 8.023.071                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 112.411                                                                          | -112.411                                                                                                            |
| 877        | VNI                                 | VN000000VNI6         | 10.559.996                                         | 49,000000                                                                             | 5.174.398                                                                             | 4.113                                                                            | 5.170.285                                                                                                           |
| 878        | VNP                                 | VN000000VNP1         | 19.428.913                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 163.000                                                                          | -163.000                                                                                                            |
| 879        | VNX                                 | VN000000VNX5         | 3.227.644                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 880        | VNY                                 | VN000000VNY3         | 16.249.969                                         | 49,000000                                                                             | 7.962.484                                                                             | 0                                                                                | 7.962.484                                                                                                           |
| 881        | VNZ                                 | VN000000VNZ0         | 29.376.974                                         | 47,930000                                                                             | 14.080.383                                                                            | 14.080.640                                                                       | -257                                                                                                                |
| 882        | VPA                                 | VN000000VPA8         | 15.076.177                                         | 49,000000                                                                             | 7.387.326                                                                             | 37.300                                                                           | 7.350.026                                                                                                           |
| 883        | VPC                                 | VN000000VPC4         | 5.625.000                                          | 49,000000                                                                             | 2.756.250                                                                             | 20.000                                                                           | 2.736.250                                                                                                           |
| 884        | VPR                                 | VN000000VPR2         | 10.067.078                                         | 49,000000                                                                             | 4.932.868                                                                             | 1.396.252                                                                        | 3.536.616                                                                                                           |
| 885        | VPW                                 | VN000000VPW2         | 11.168.676                                         | 3,250000                                                                              | 362.981                                                                               | 0                                                                                | 362.981                                                                                                             |
| 886        | VQC                                 | VN000000VQC2         | 3.599.580                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 140.098                                                                          | -140.098                                                                                                            |
| 887        | VRG                                 | VN000000VRG1         | 25.894.868                                         | 49,000000                                                                             | 12.688.485                                                                            | 28.090                                                                           | 12.660.395                                                                                                          |
| 888        | VSE                                 | VN000000VSE4         | 8.937.250                                          | 49,000000                                                                             | 4.379.252                                                                             | 79.600                                                                           | 4.299.652                                                                                                           |
| 889        | VSF                                 | VN000000VSF1         | 500.000.000                                        | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 1.984                                                                            | -1.984                                                                                                              |
| 890        | VSG                                 | VN000000VSG9         | 11.044.000                                         | 49,000000                                                                             | 5.411.560                                                                             | 46.030                                                                           | 5.365.530                                                                                                           |
| 891        | VSN                                 | VN000000VSN5         | 80.905.100                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.319.920                                                                        | -3.319.920                                                                                                          |
| 892        | VSP                                 | VN000000VSP0         | 38.084.489                                         | 49,000000                                                                             | 18.661.399                                                                            | 283.674                                                                          | 18.377.725                                                                                                          |
| 893        | VST                                 | VN000000VST2         | 68.999.337                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 3.215                                                                            | -3.215                                                                                                              |
| 894        | VTA                                 | VN000000VTA0         | 8.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 3.920.000                                                                             | 13.990                                                                           | 3.906.010                                                                                                           |
| 895        | VTD                                 | VN000000VTD4         | 24.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 896        | VTE                                 | VN000000VTE2         | 15.600.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 897        | VTG                                 | VN000000VTG7         | 18.644.500                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 898        | VTI                                 | VN000000VTI3         | 3.500.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.715.000                                                                             | 0                                                                                | 1.715.000                                                                                                           |
| 899        | VTK                                 | VN000000VTK9         | 9.383.230                                          | 49,000000                                                                             | 4.597.782                                                                             | 29.468                                                                           | 4.568.314                                                                                                           |
| 900        | VTM                                 | VN000000VTM5         | 3.279.797                                          | 49,000000                                                                             | 1.607.100                                                                             | 0                                                                                | 1.607.100                                                                                                           |
| 901        | VTQ                                 | VN000000VTQ6         | 17.081.791                                         | 100,000000                                                                            | 17.081.791                                                                            | 0                                                                                | 17.081.791                                                                                                          |
| 902        | VTR                                 | VN000000VTR4         | 66.494.410                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 903        | VTS                                 | VN000000VTS2         | 2.000.205                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 37.759                                                                           | -37.759                                                                                                             |
| 904        | VTX                                 | VN000000VTX2         | 20.972.321                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 10                                                                               | -10                                                                                                                 |
| 905        | VUA                                 | VN000000VUA8         | 200.000.000                                        | 100,000000                                                                            | 200.000.000                                                                           | 0                                                                                | 200.000.000                                                                                                         |
| 906        | VUG                                 | VN000000VUG5         | 134.483.869                                        | 50,000000                                                                             | 67.241.934                                                                            | 59.079.709                                                                       | 8.162.225                                                                                                           |
| 907        | VVN                                 | VN000000VVN9         | 55.000.000                                         | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 908        | VW1                                 | VN000000VW19         | 1.000.000                                          | 49,000000                                                                             | 490.000                                                                               | 0                                                                                | 490.000                                                                                                             |
| 909        | VW3                                 | VN000000VW35         | 2.000.000                                          | 0,000000                                                                              | 0                                                                                     | 2.000                                                                            | -2.000                                                                                                              |
| 910        | VWS                                 | VN000000VWS6         | 3.600.000                                          | 49,000000                                                                             | 1.764.000                                                                             | 0                                                                                | 1.764.000                                                                                                           |
| 911        | VXB                                 | VN000000VXB0         | 4.049.006                                          | 49,000000                                                                             | 1.984.012                                                                             | 700                                                                              | 1.983.312                                                                                                           |

| STT/<br>NO        | Mã trong<br>nước/Securities<br>code | Mã ISIN/ISIN<br>code | Tổng số cổ phiếu<br>phát hành/Total<br>Qty. Issued | Tỷ lệ sở hữu<br>nước ngoài tối đa<br>(%)/Maximum<br>ratio of foreign<br>ownership (%) | Số lượng cổ phiếu<br>tối đa được phép<br>nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Permitted<br>owning Qty | Số lượng cổ phiếu<br>hiện đang nắm<br>giữ bởi<br>NĐTNN/Qty.of<br>currently owned | Số lượng cổ<br>phiếu còn được<br>phép nắm giữ bởi<br>NĐTNN/Qty. off<br>additional<br>purchased<br>(+)/exceeding (-) |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | 2                                   | 3                    | 4                                                  | 5                                                                                     | 6                                                                                     | 7                                                                                | 8                                                                                                                   |
| 912               | VXP                                 | VN000000VXP0         | 3.600.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.764.000                                                                             | 0                                                                                | 1.764.000                                                                                                           |
| 913               | VXT                                 | VN000000VXT2         | 6.011.932                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 914               | WSB                                 | VN000000WSB8         | 14.500.000                                         | 50,0000000                                                                            | 7.250.000                                                                             | 369.921                                                                          | 6.880.079                                                                                                           |
| 915               | WTC                                 | VN000000WTC4         | 17.500.000                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 6.100                                                                            | -6.100                                                                                                              |
| 916               | X26                                 | VN000000X263         | 5.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 2.450.000                                                                             | 0                                                                                | 2.450.000                                                                                                           |
| 917               | X77                                 | VN000000X776         | 1.340.877                                          | 49,0000000                                                                            | 657.029                                                                               | 0                                                                                | 657.029                                                                                                             |
| 918               | XDH                                 | VN000000XDH5         | 27.026.907                                         | 49,0000000                                                                            | 13.243.184                                                                            | 0                                                                                | 13.243.184                                                                                                          |
| 919               | XHC                                 | VN000000XHC7         | 21.096.500                                         | 49,0000000                                                                            | 10.337.285                                                                            | 900                                                                              | 10.336.385                                                                                                          |
| 920               | XLV                                 | VN000000XLV9         | 3.000.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 0                                                                                | 0                                                                                                                   |
| 921               | XMC                                 | VN000000XMC7         | 71.405.689                                         | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 15.873                                                                           | -15.873                                                                                                             |
| 922               | XMD                                 | VN000000XMD5         | 4.000.000                                          | 49,0000000                                                                            | 1.960.000                                                                             | 1.200                                                                            | 1.958.800                                                                                                           |
| 923               | XMP                                 | VN000000XMP9         | 15.000.000                                         | 50,0000000                                                                            | 7.500.000                                                                             | 32.500                                                                           | 7.467.500                                                                                                           |
| 924               | XPH                                 | VN000000XPH9         | 12.972.475                                         | 49,0000000                                                                            | 6.356.512                                                                             | 13.400                                                                           | 6.343.112                                                                                                           |
| 925               | YBC                                 | VN000000YBC8         | 11.800.000                                         | 49,0000000                                                                            | 5.782.000                                                                             | 2.800                                                                            | 5.779.200                                                                                                           |
| 926               | YTC                                 | VN000000YTC0         | 9.548.000                                          | 0,0000000                                                                             | 0                                                                                     | 47.030                                                                           | -47.030                                                                                                             |
| <b>Tổng (UPX)</b> |                                     |                      | 53.031.856.452                                     |                                                                                       | 18.214.342.684                                                                        | 1.682.783.828                                                                    | 16.531.558.856                                                                                                      |